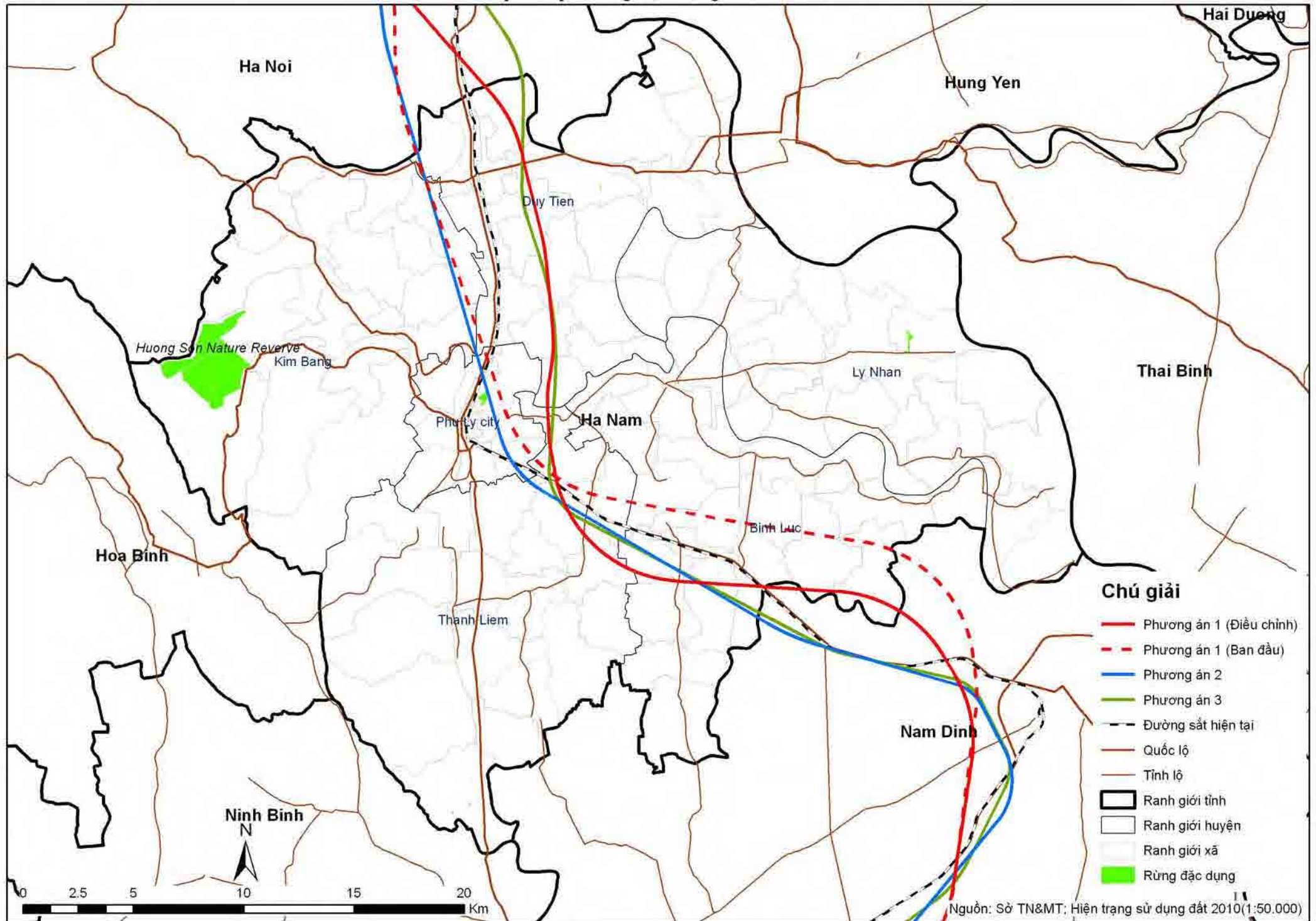
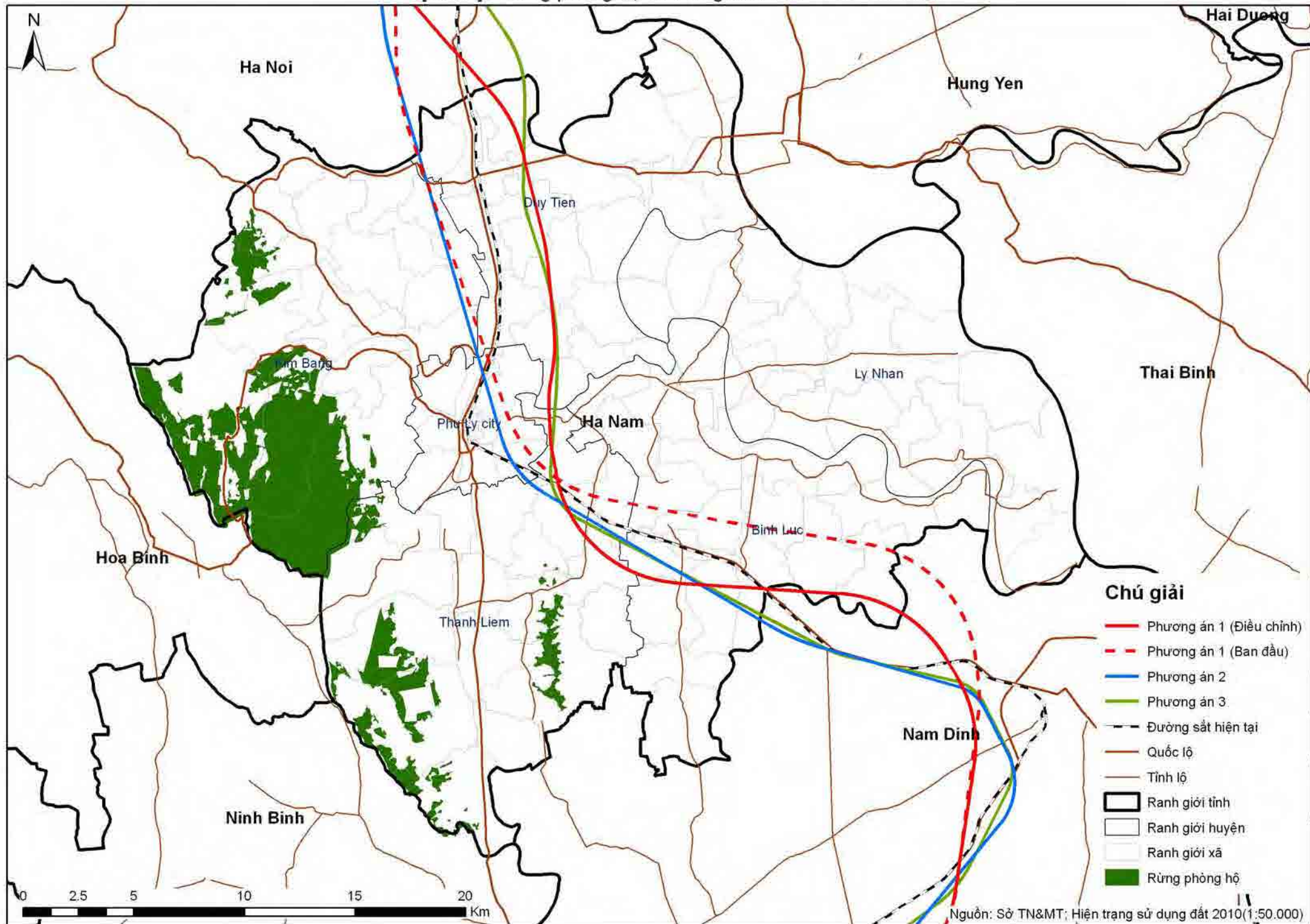


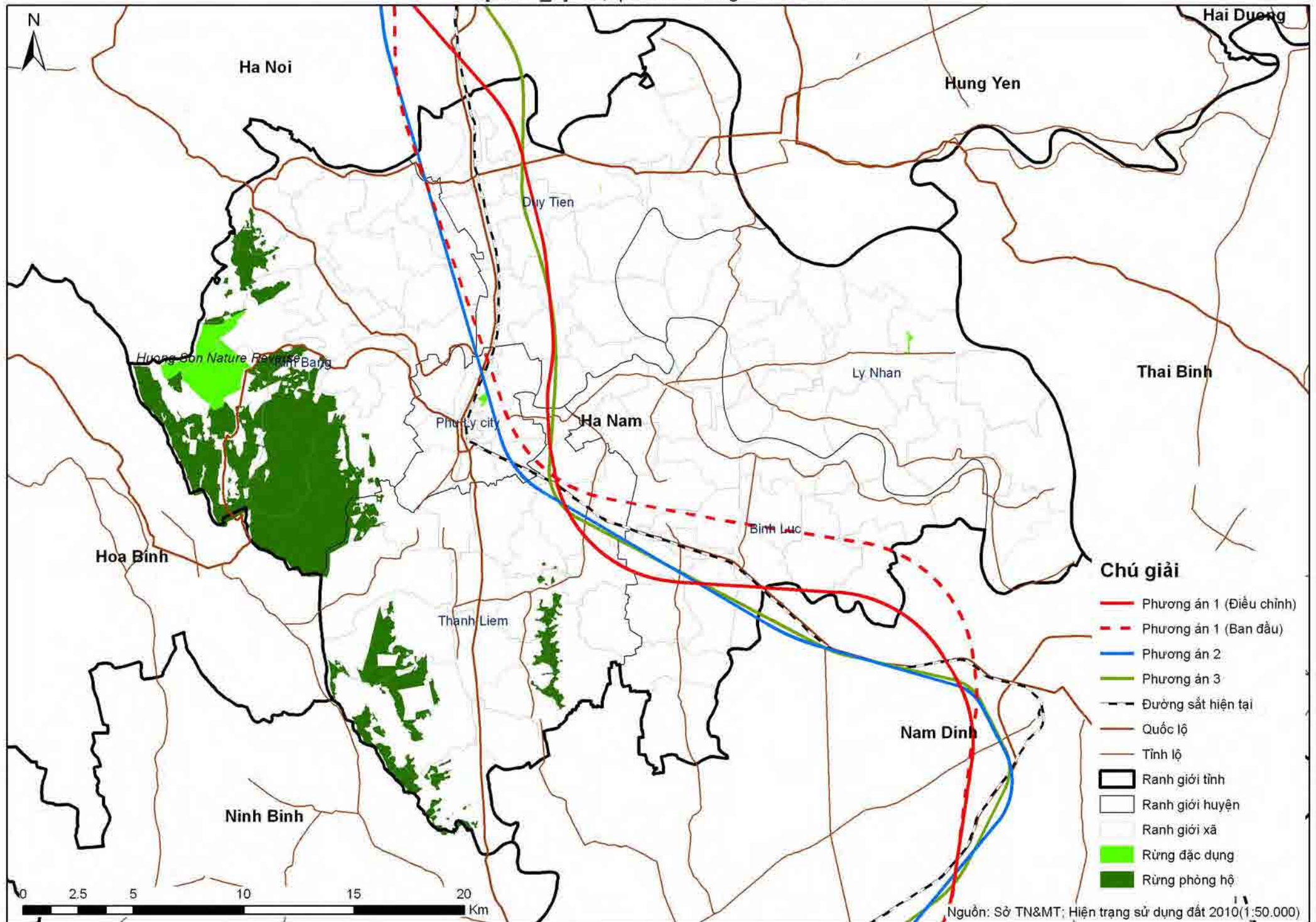
TỈNH HÀ NAM

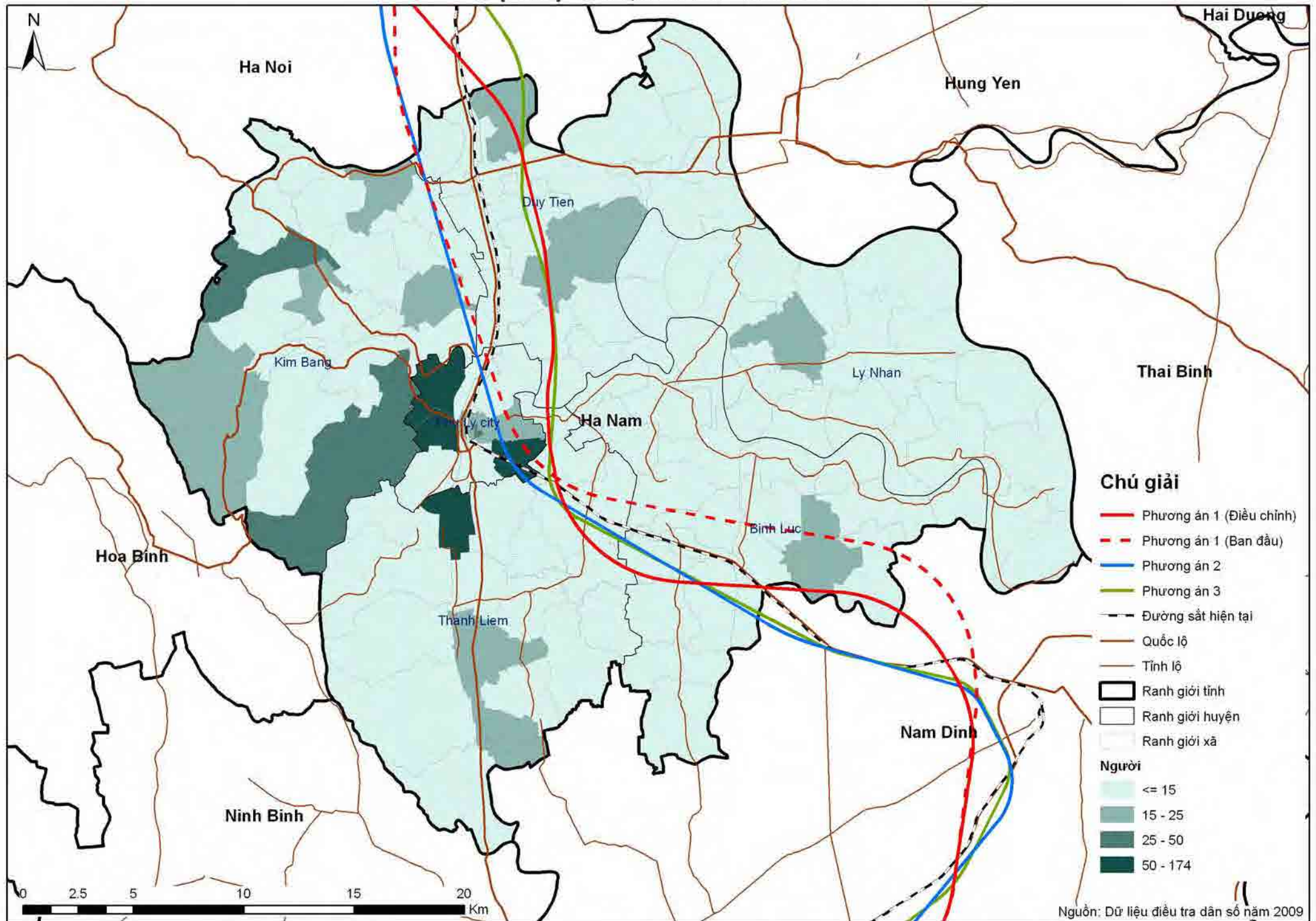
02.01	Rừng đặc dụng
02.02	Rừng phòng hộ và rừng sản xuất
02.02_2	Sự phân bố rừng
02.07	Dân tộc thiểu số
02.07_2	Mật độ dân tộc thiểu số
02.08	Mật độ dân số
02.09	Khu công nghiệp
02.10	Nghĩa trang
02.11	Chùa/Nhà thờ
02.12	Khu vực quân sự
02.13	Khu vực phát triển
02.15	Khu vực chim quan trọng và khu vực chim đặc hữu
02.16	Bản đồ nhạy cảm môi trường chồng xếp

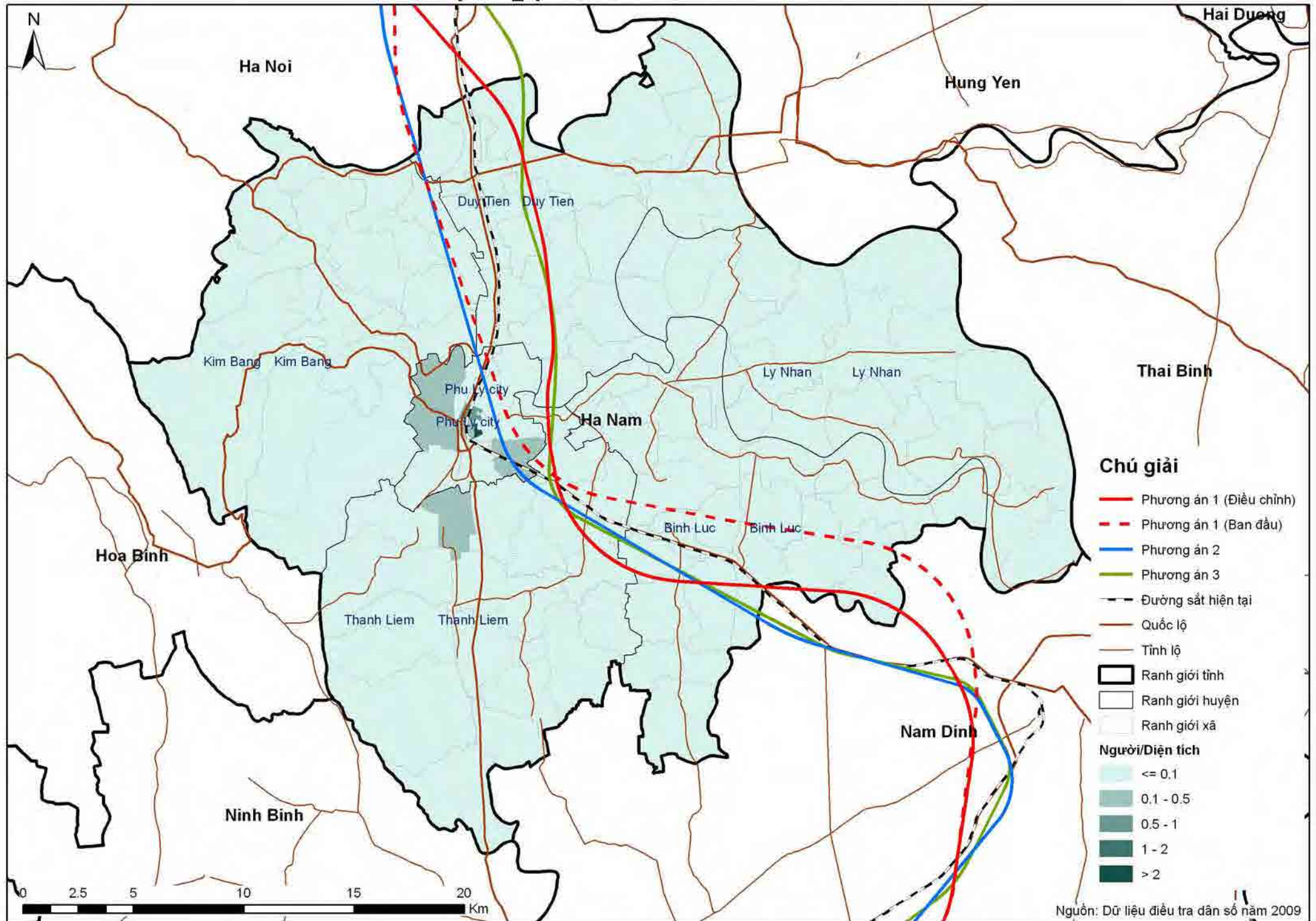
* Các số để trống có nghĩa là không có dữ liệu để lập bản đồ.

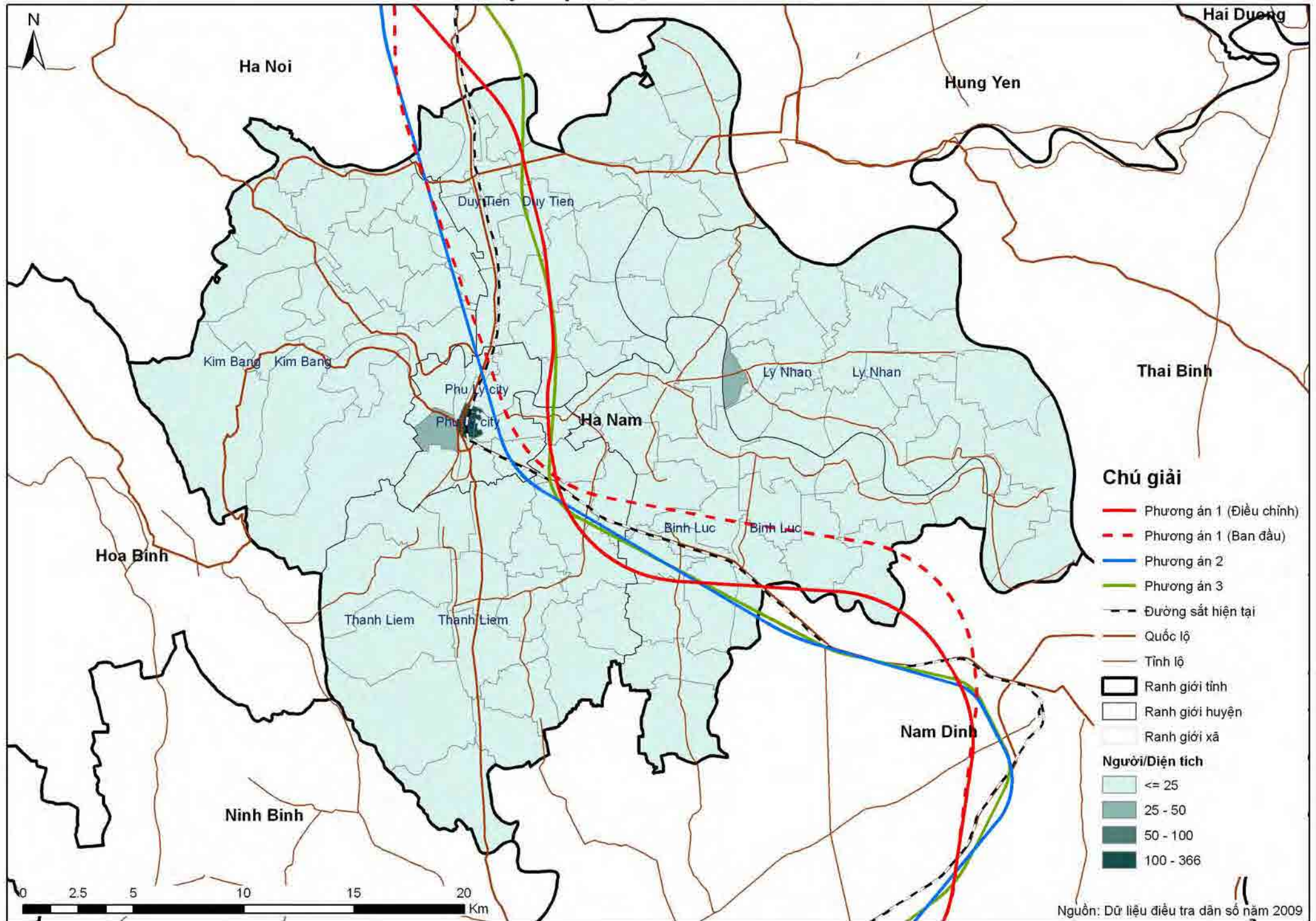


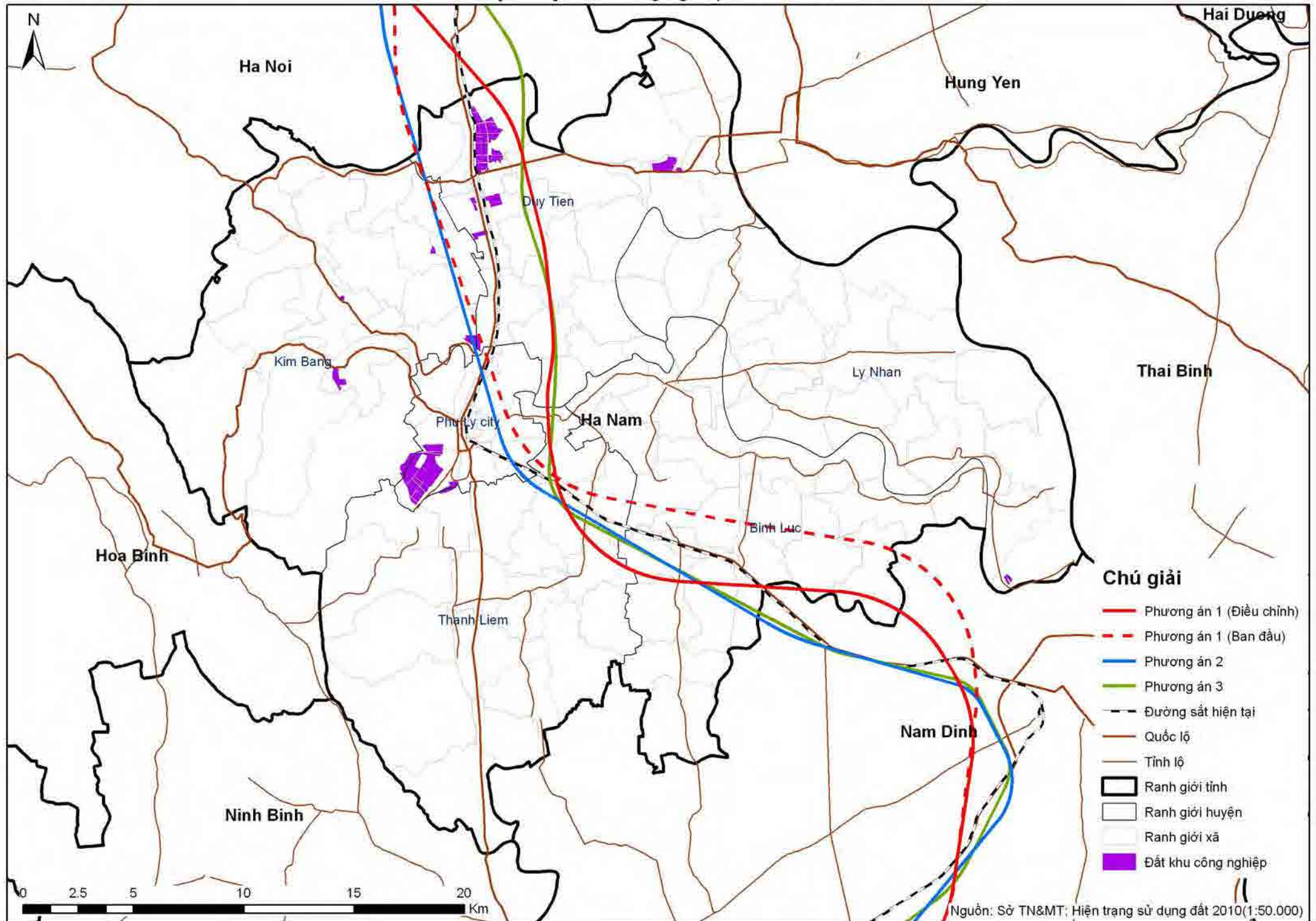


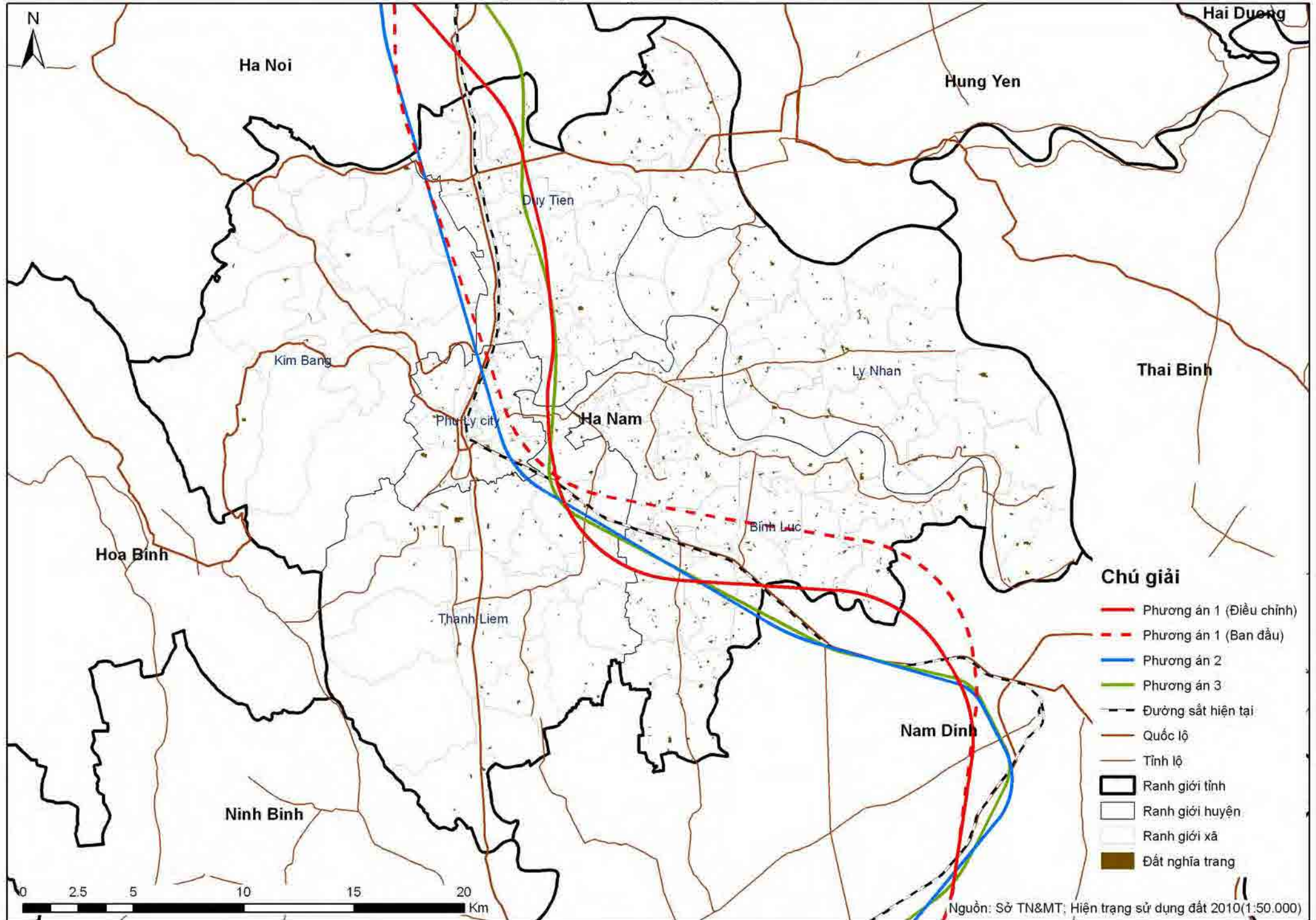


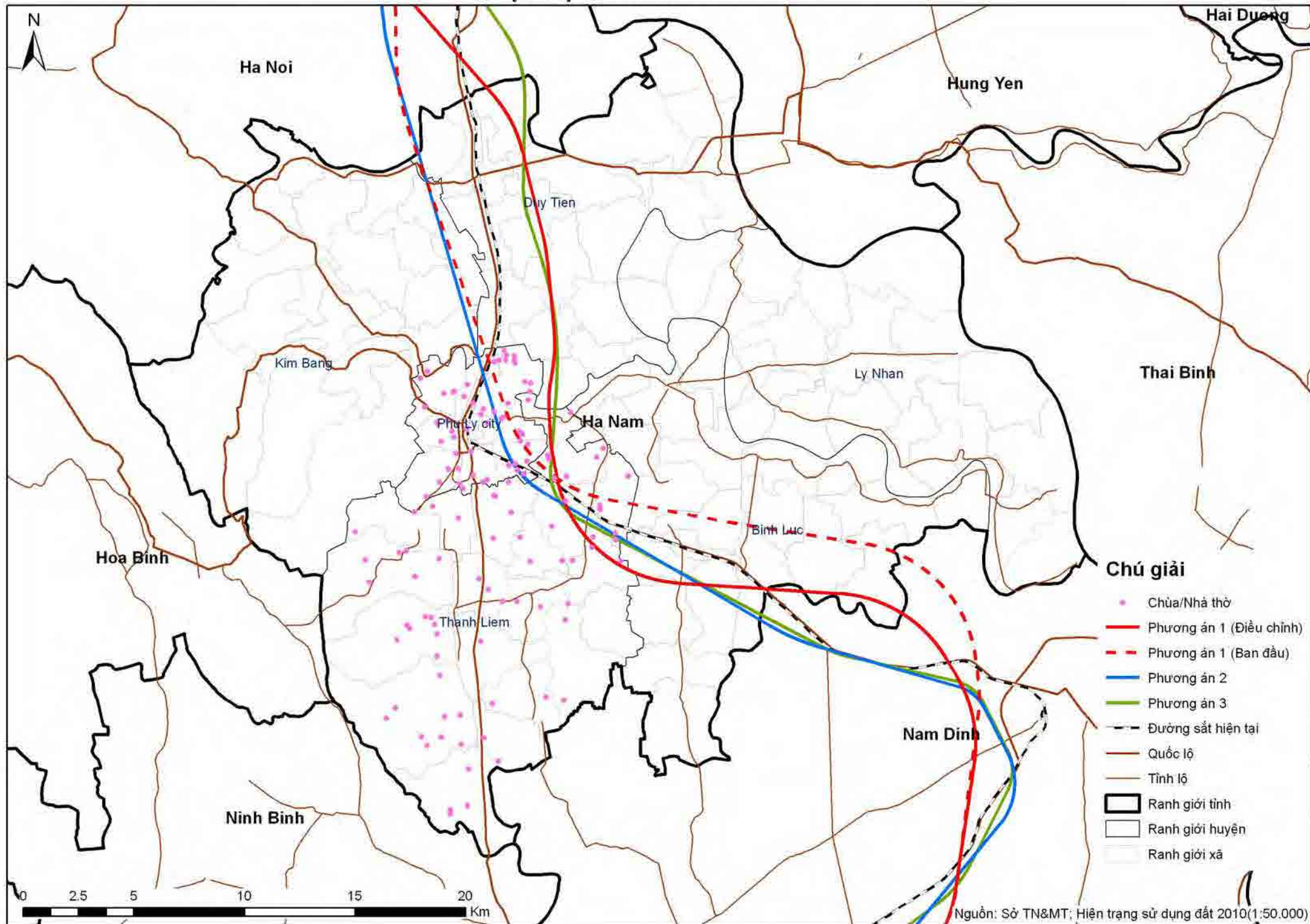


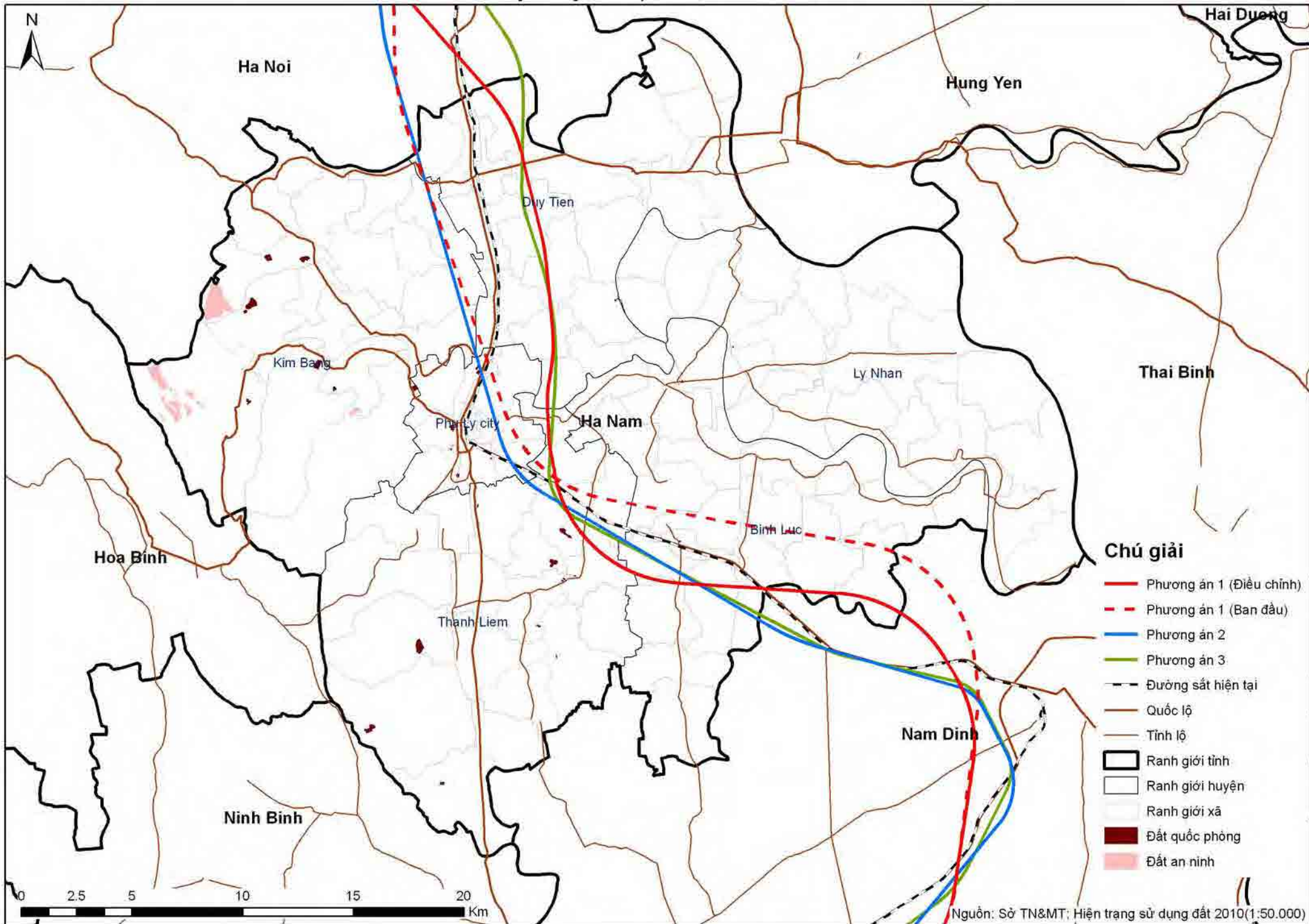


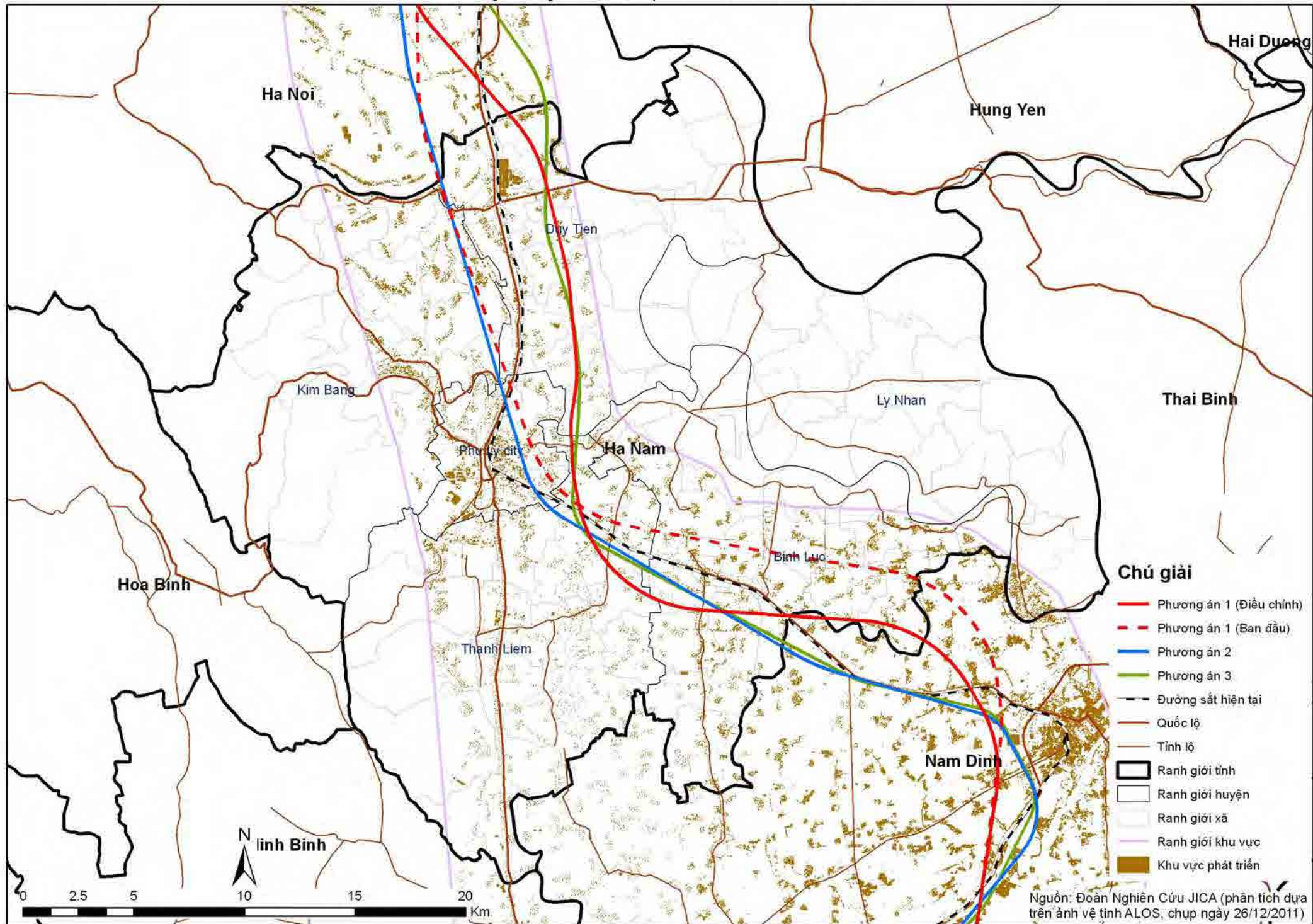










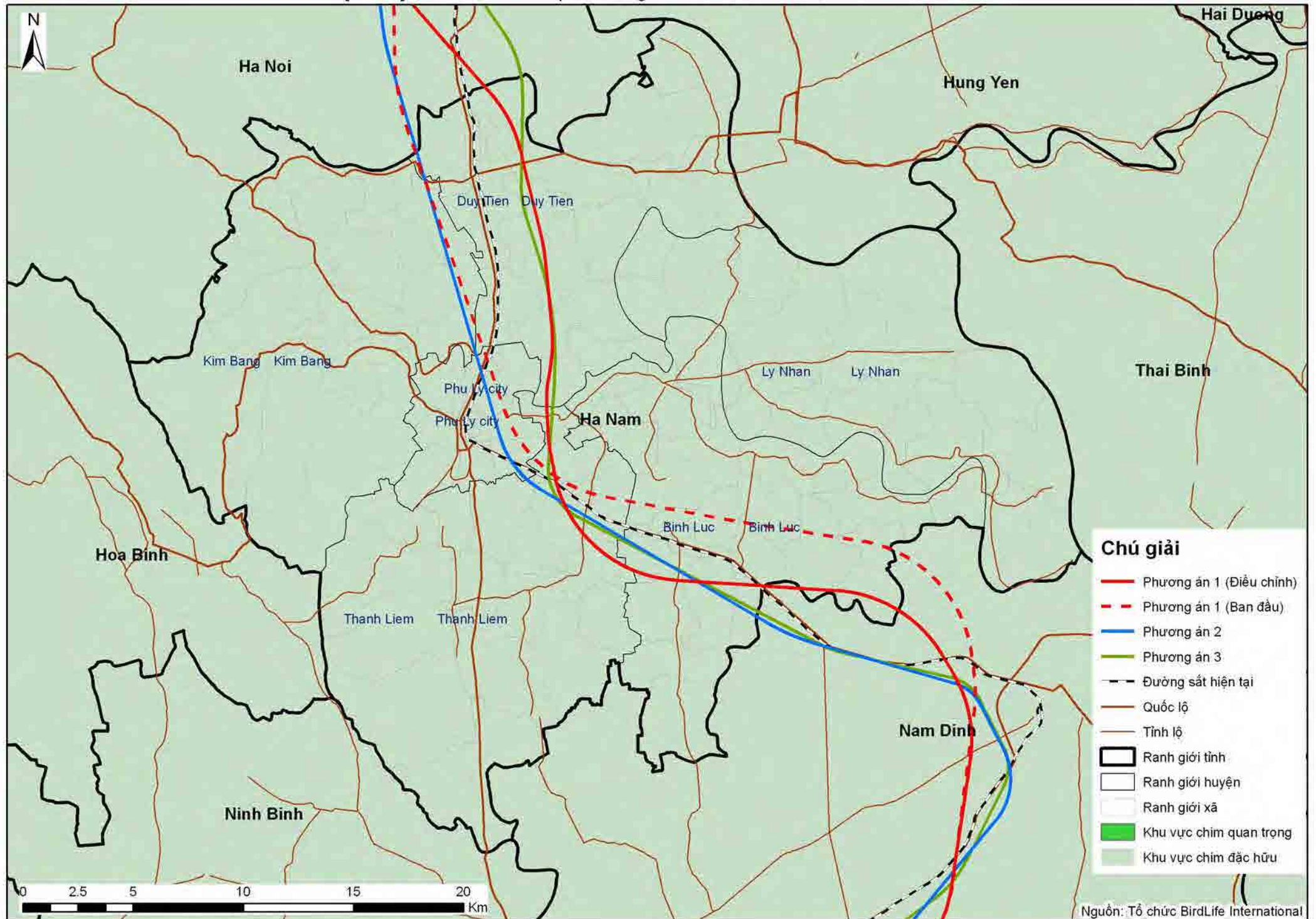


Chú giải

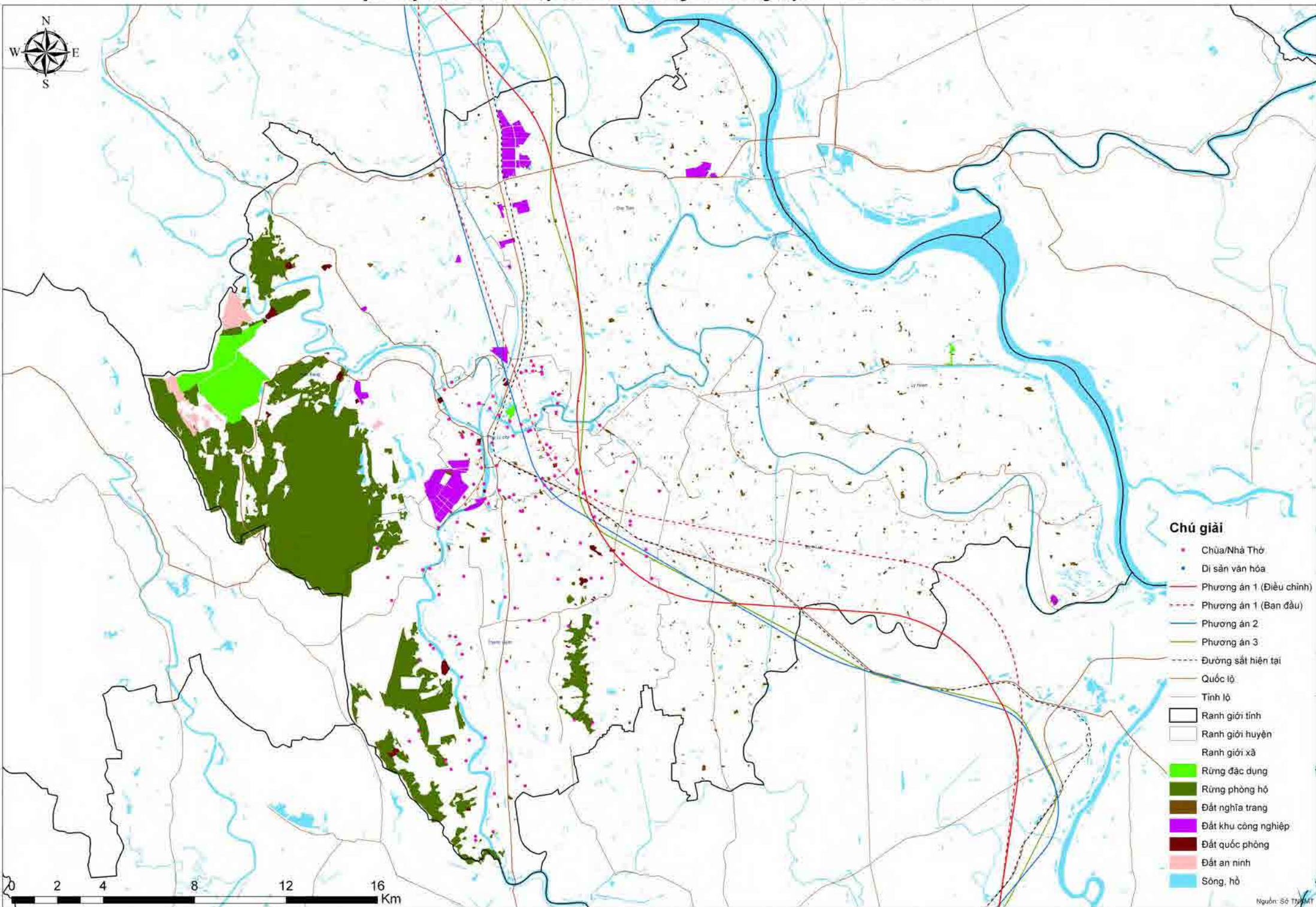
- Phương án 1 (Điêu chỉnh)
- - - Phương án 1 (Ban đầu)
- Phương án 2
- Phương án 3
- - - Đường sắt hiện tại
- Quốc lộ
- Tỉnh lộ
- ▭ Ranh giới tỉnh
- ▭ Ranh giới huyện
- ▭ Ranh giới xã
- ▭ Ranh giới khu vực
- ▭ Khu vực phát triển

Nguồn: Đoàn Nghiên Cứu JICA (phân tích dựa trên ảnh vệ tinh ALOS, chụp ngày 26/12/2011)

[02.15] - Khu vực chim quan trọng và khu vực chim đặc hữu - Tỉnh Hà Nam



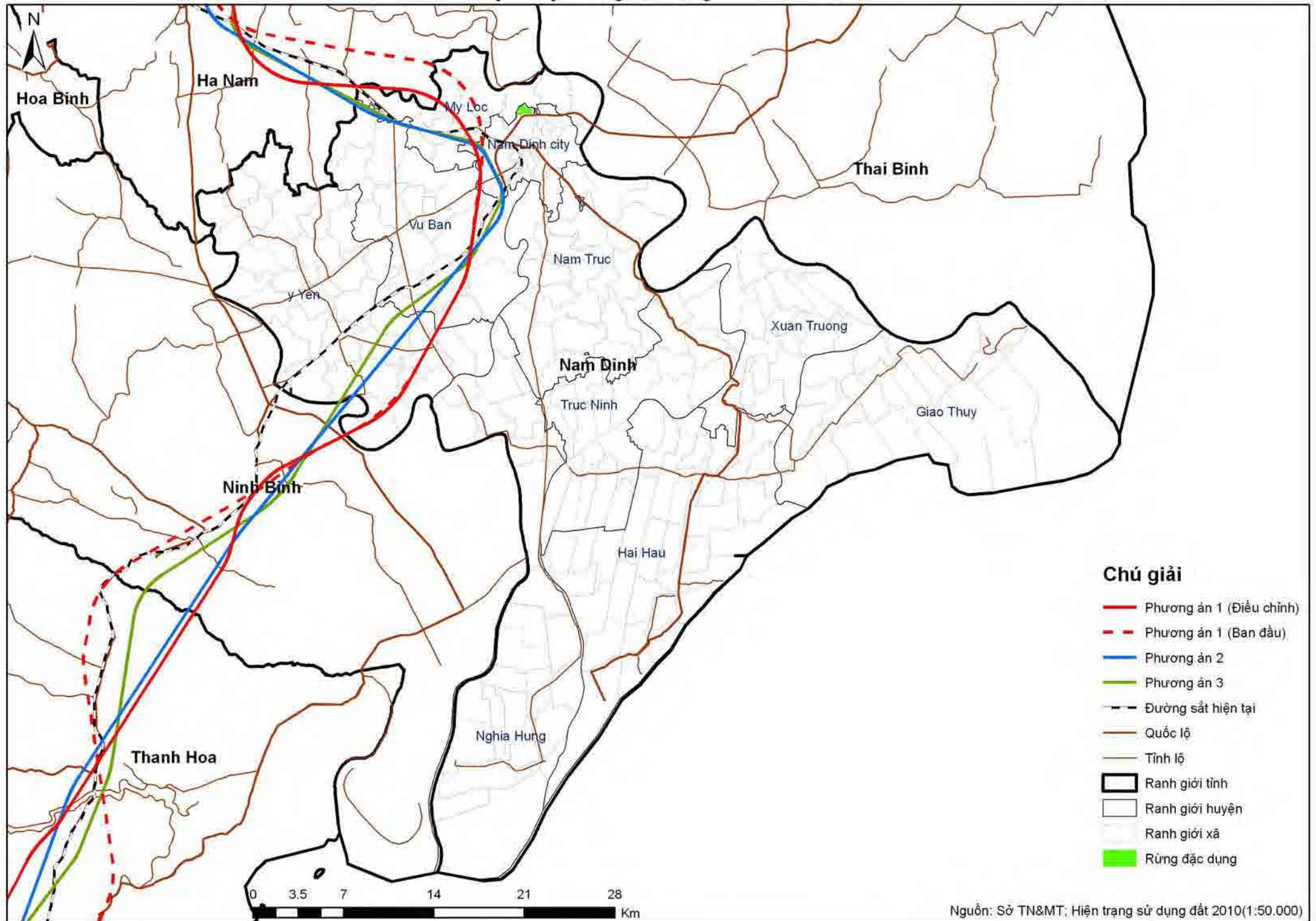
[02.16] - Bản đồ độ nhạy cảm môi trường và hướng tuyến - Tỉnh Hà Nam



TỈNH NAM ĐỊNH

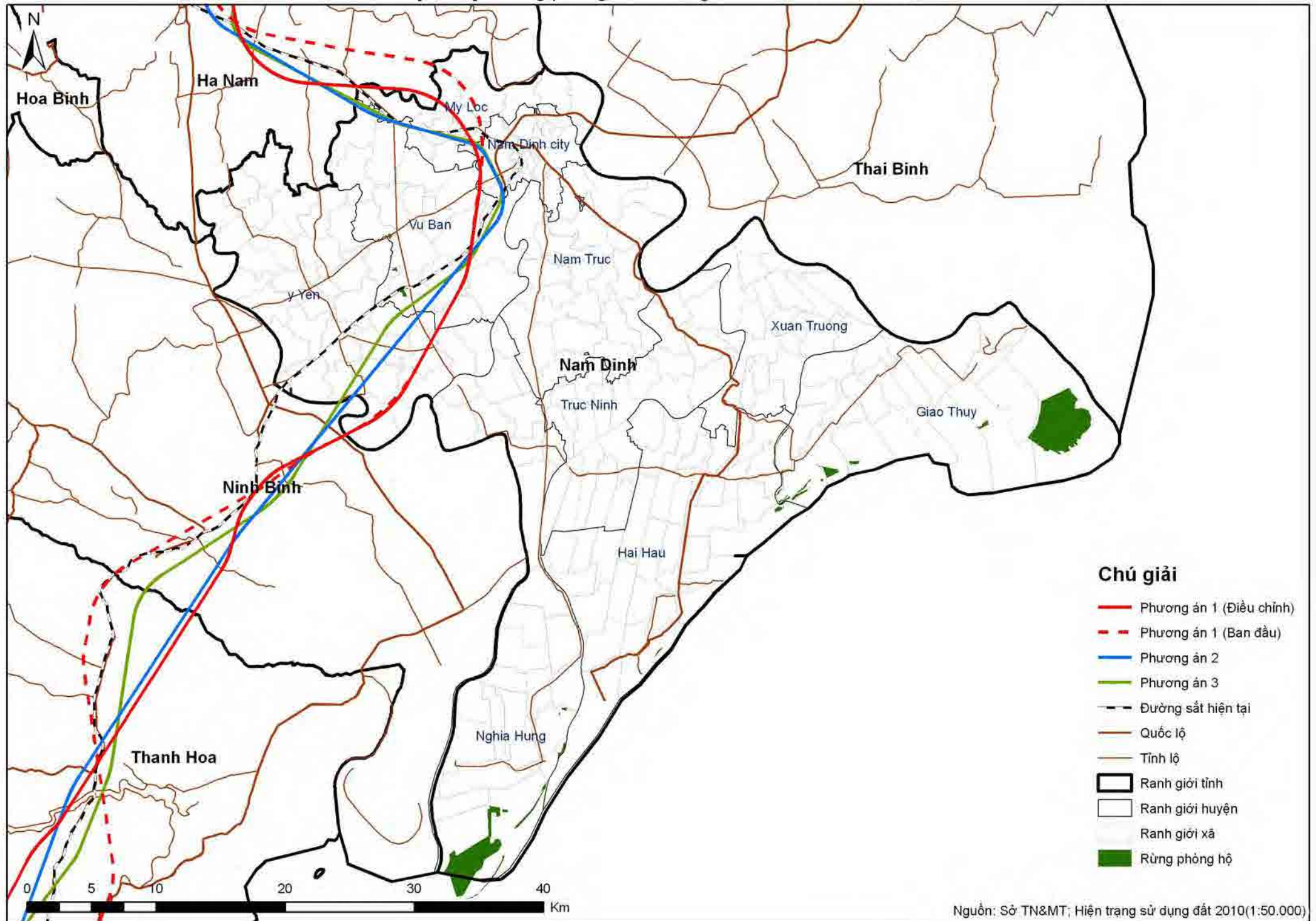
03.01	Rừng đặc dụng
03.02	Rừng phòng hộ và rừng sản xuất
03.02_2	Sự phân bố rừng
03.07	Dân tộc thiểu số
03.07_2	Mật độ dân tộc thiểu số
03.08	Mật độ dân số
03.09	Khu công nghiệp
03.10	Nghĩa trang
03.11	Chùa/Nhà thờ
03.12	Khu vực quân sự
03.13	Khu vực phát triển
03.15	Khu vực chim quan trọng và khu vực chim đặc hữu
03.16	Bản đồ nhạy cảm môi trường chồng xếp

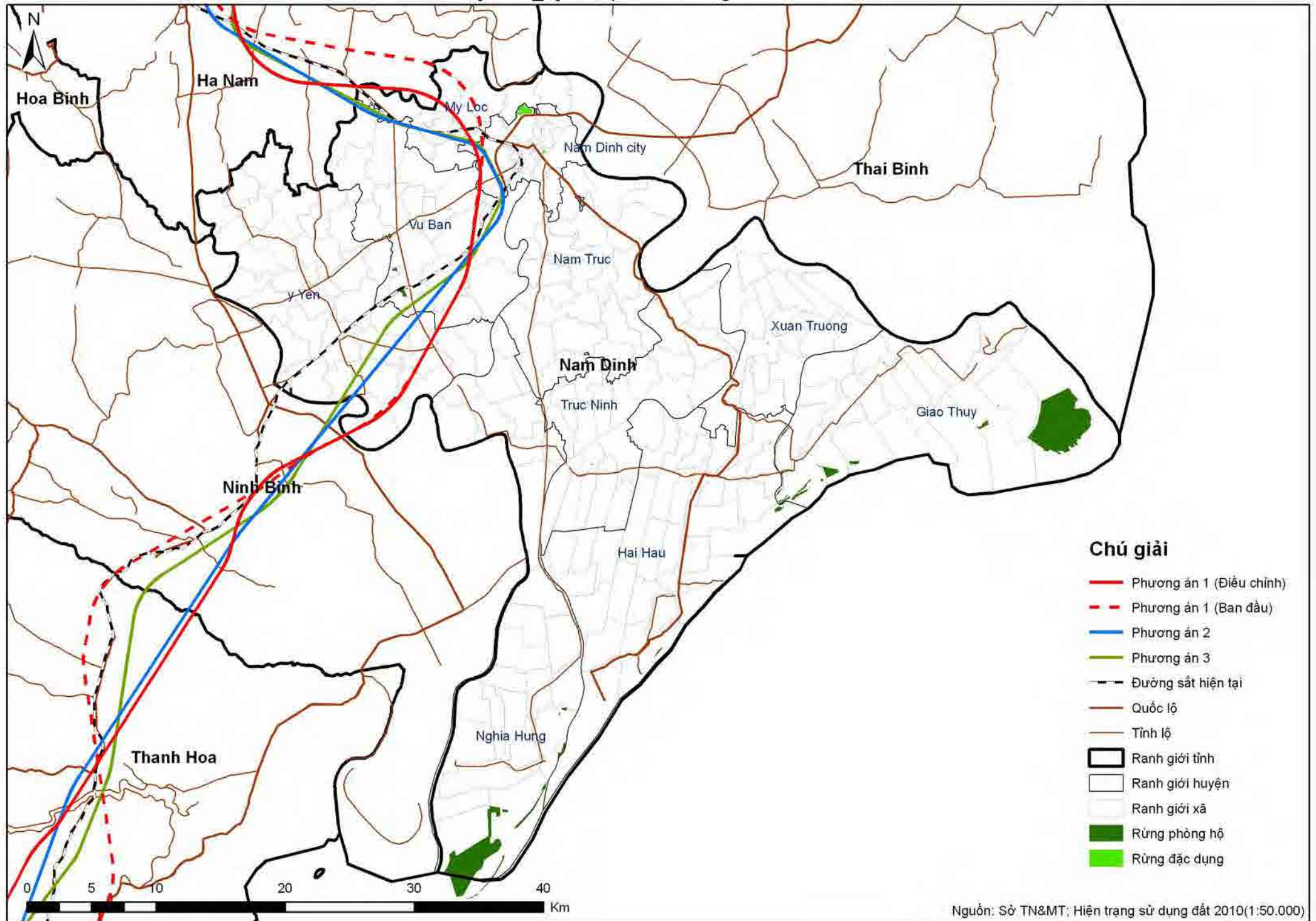
* Các số để trống có nghĩa là không có dữ liệu để lập bản đồ.



Chú giải

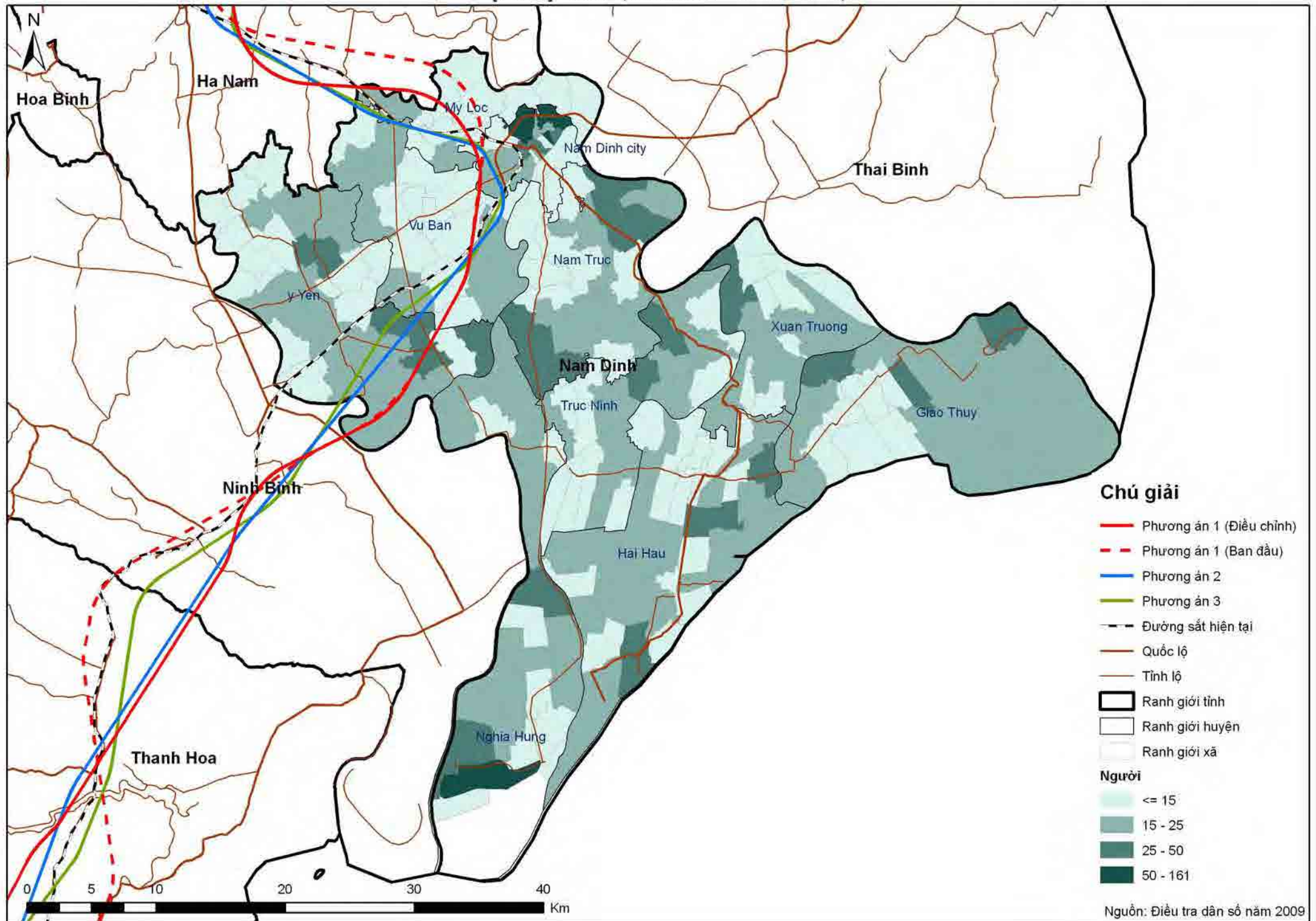
- Phương án 1 (Điều chỉnh)
- - - Phương án 1 (Ban đầu)
- Phương án 2
- Phương án 3
- - - Đường sắt hiện tại
- Quốc lộ
- Tỉnh lộ
- Ranh giới tỉnh
- Ranh giới huyện
- Ranh giới xã
- Rừng đặc dụng

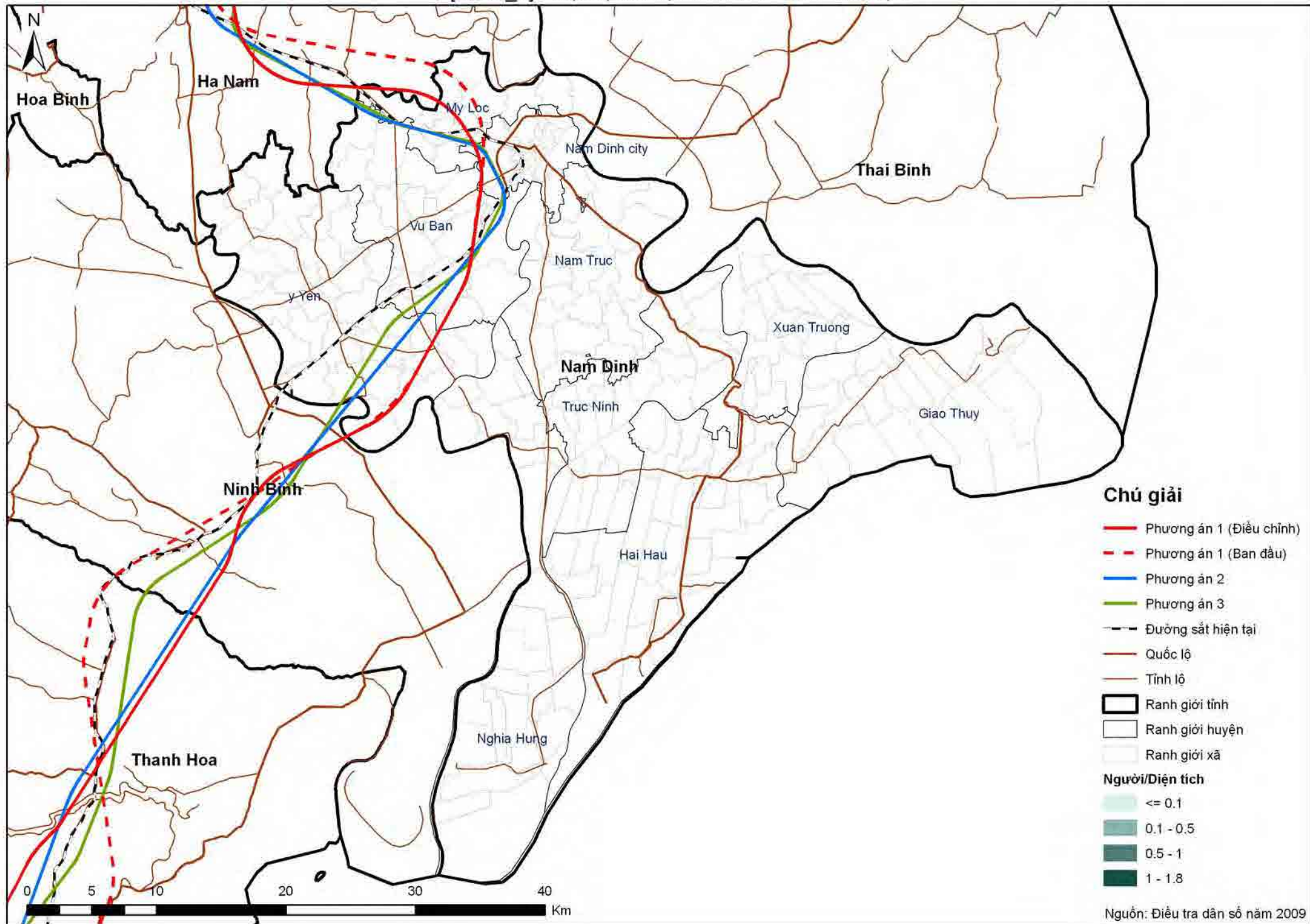


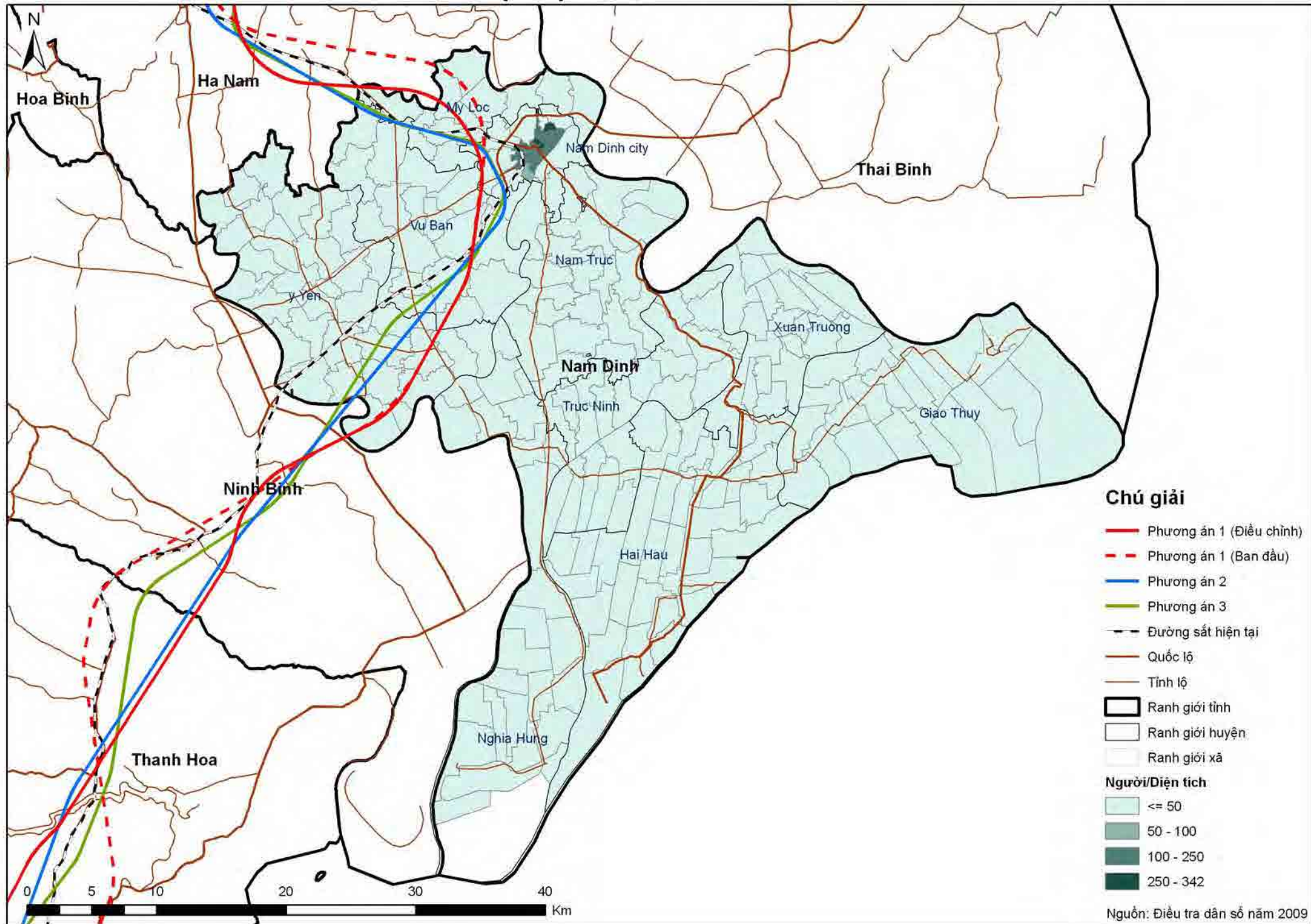


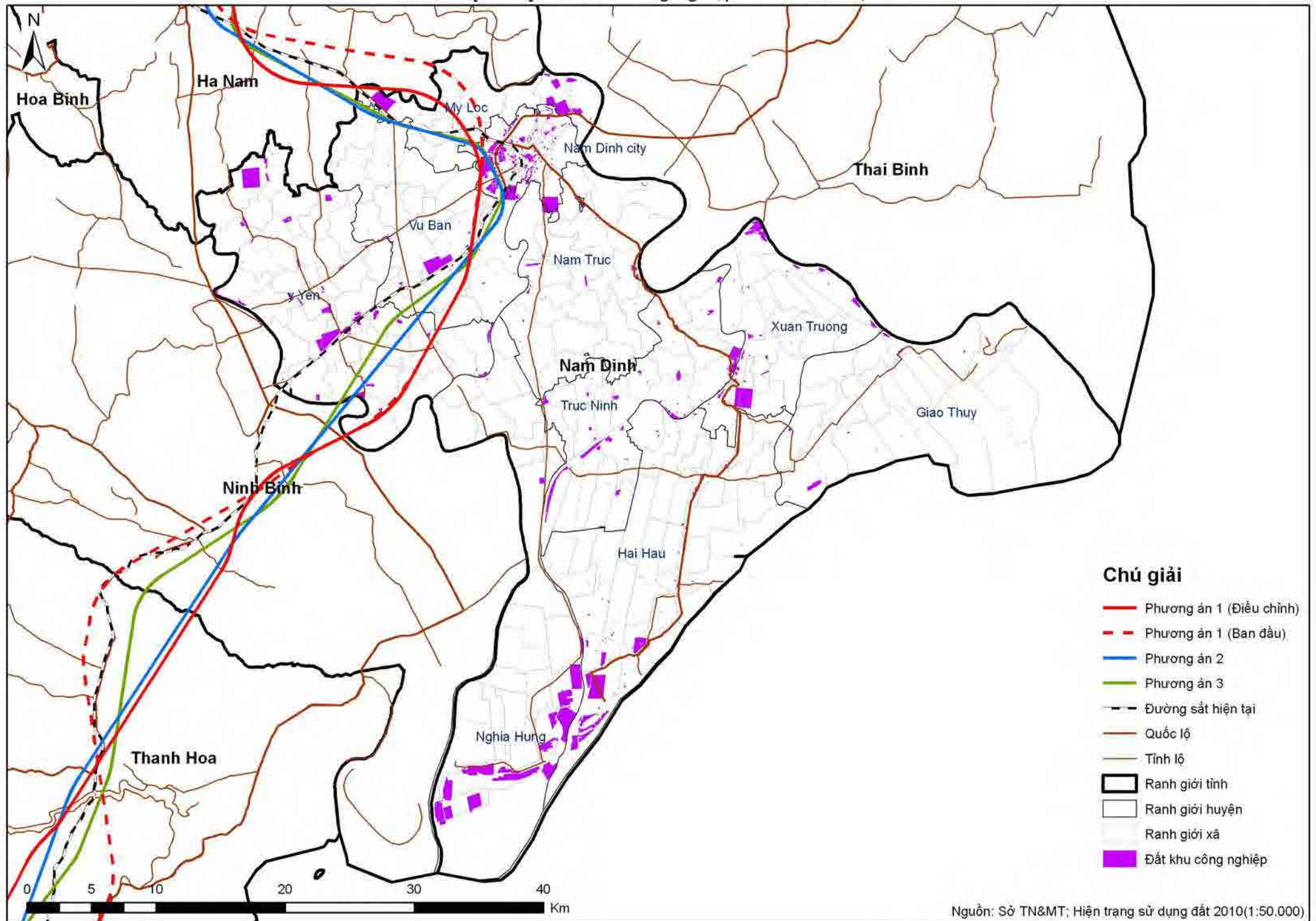
Chú giải

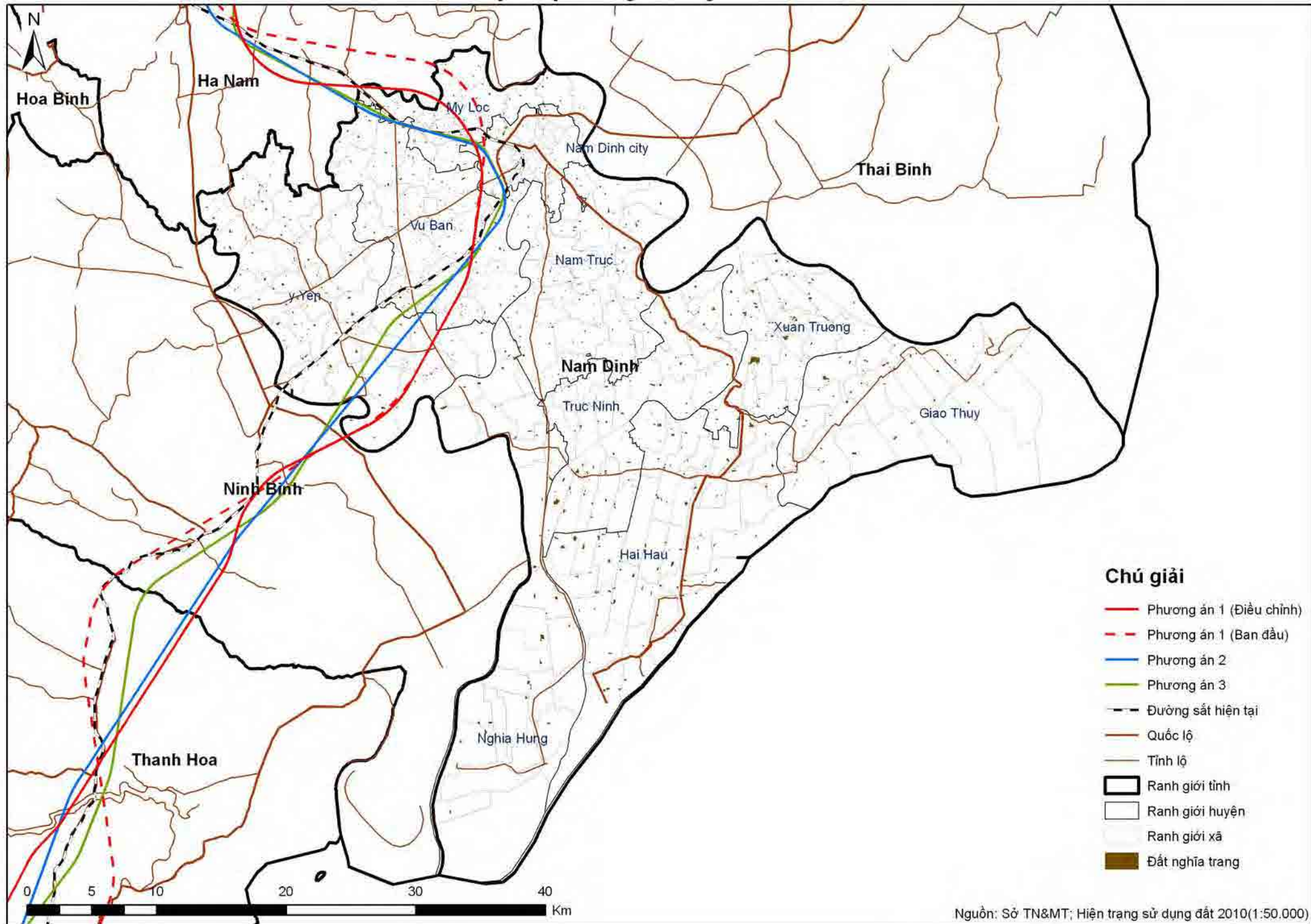
- Phương án 1 (Điều chỉnh)
- - - Phương án 1 (Ban đầu)
- Phương án 2
- Phương án 3
- - - Đường sắt hiện tại
- Quốc lộ
- Tỉnh lộ
- Ranh giới tỉnh
- Ranh giới huyện
- Ranh giới xã
- Rừng phòng hộ
- Rừng đặc dụng

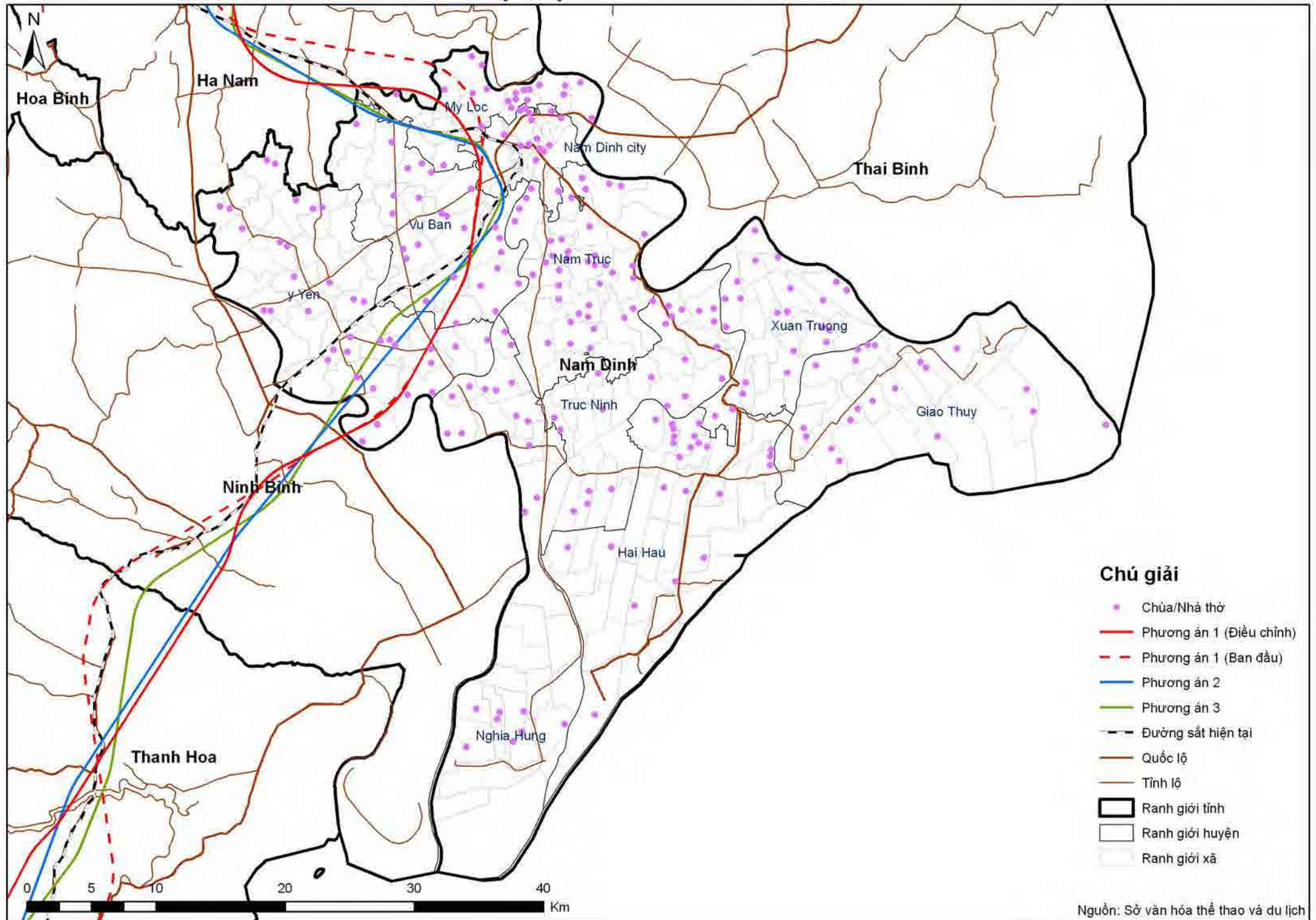


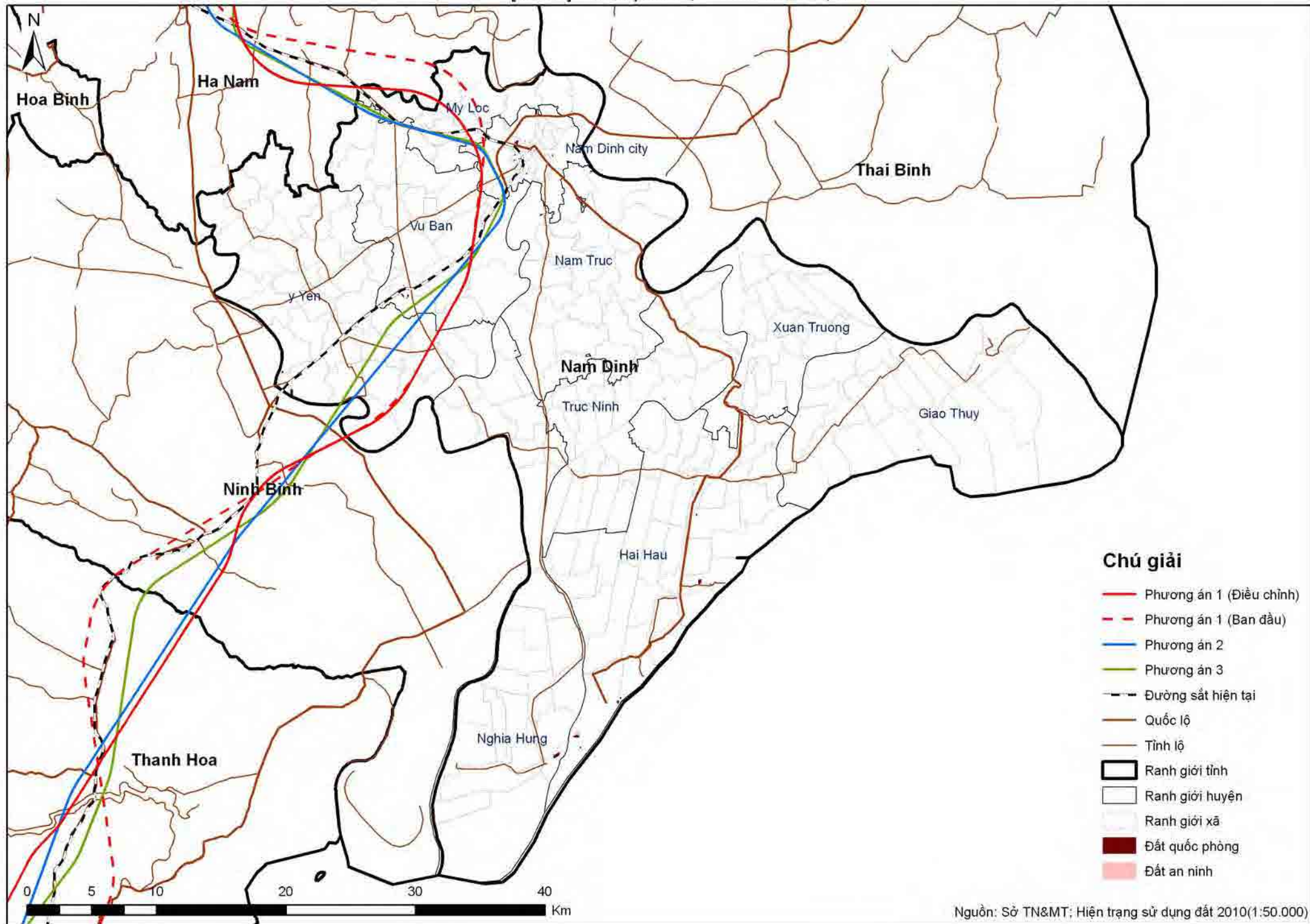


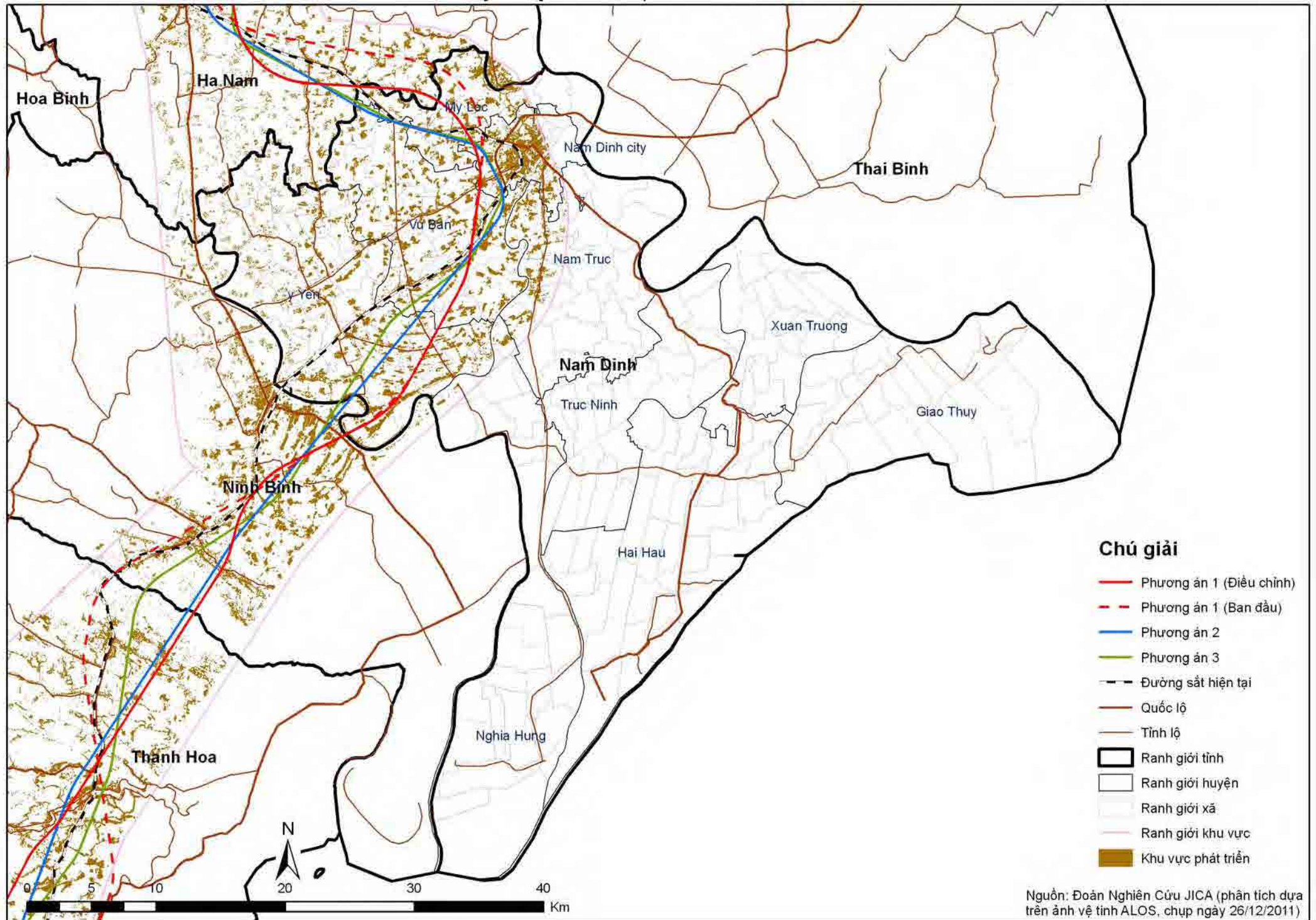


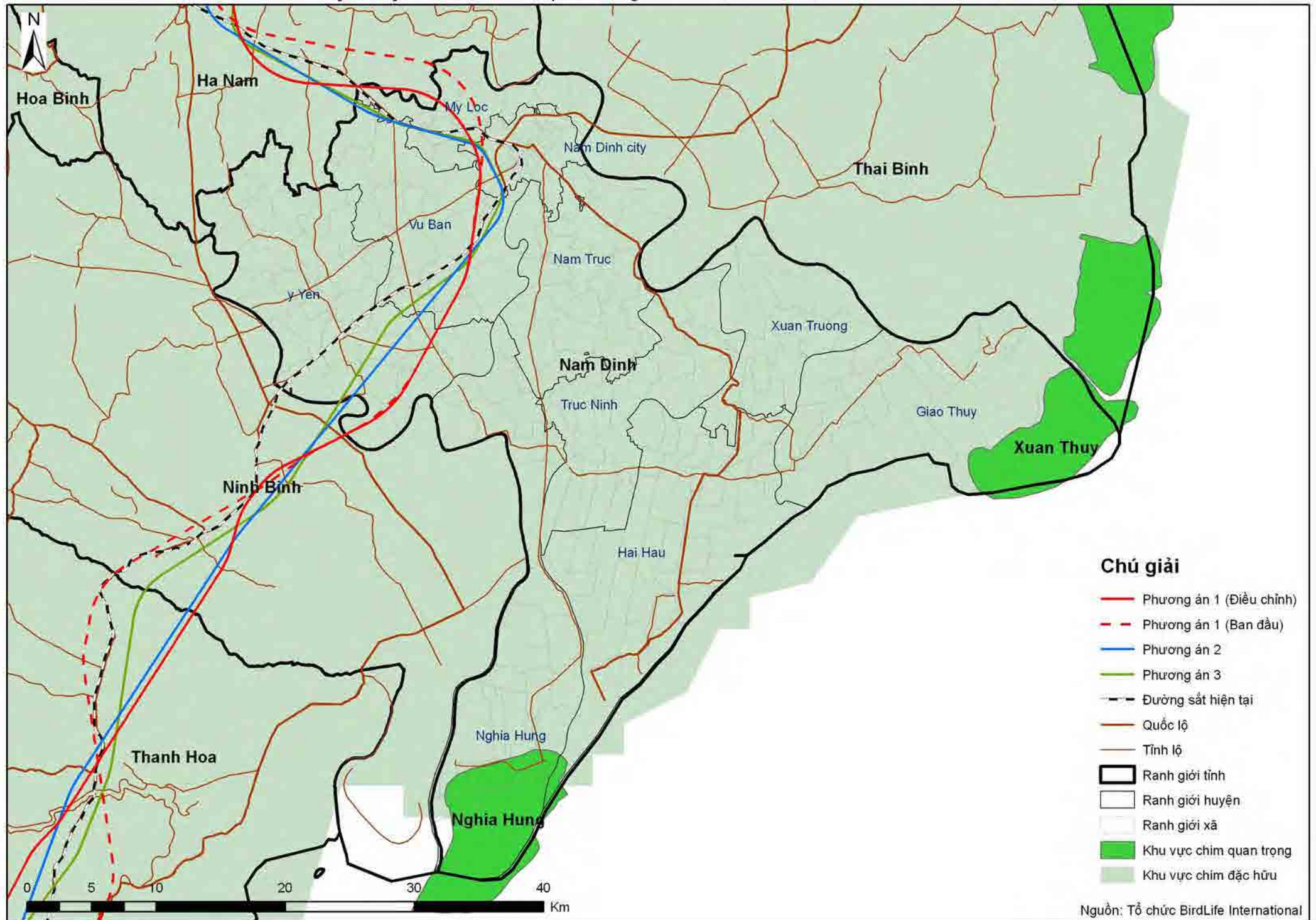




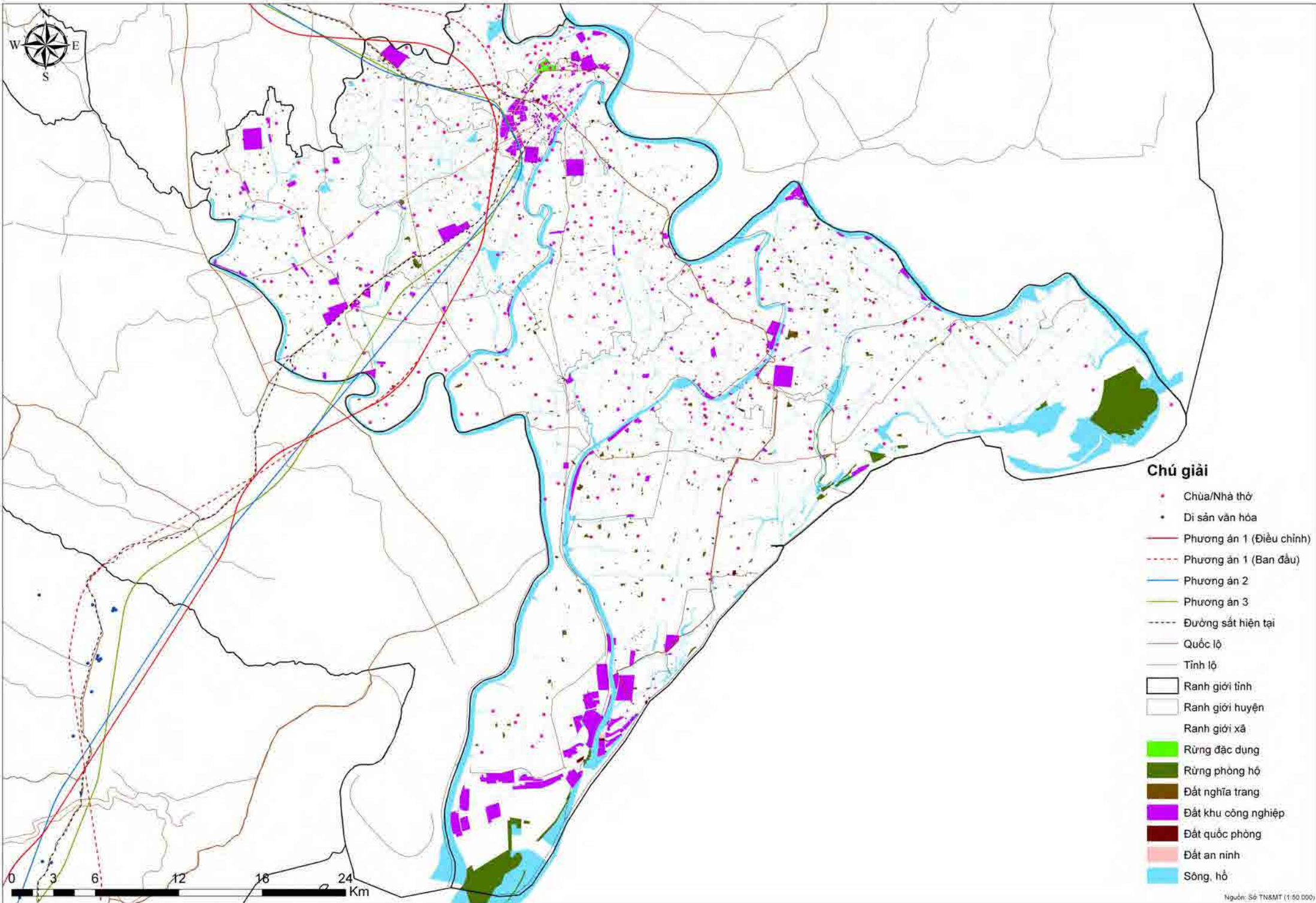








[03.16] - Bản đồ độ nhạy cảm môi trường và hướng tuyến - Tỉnh Nam Định

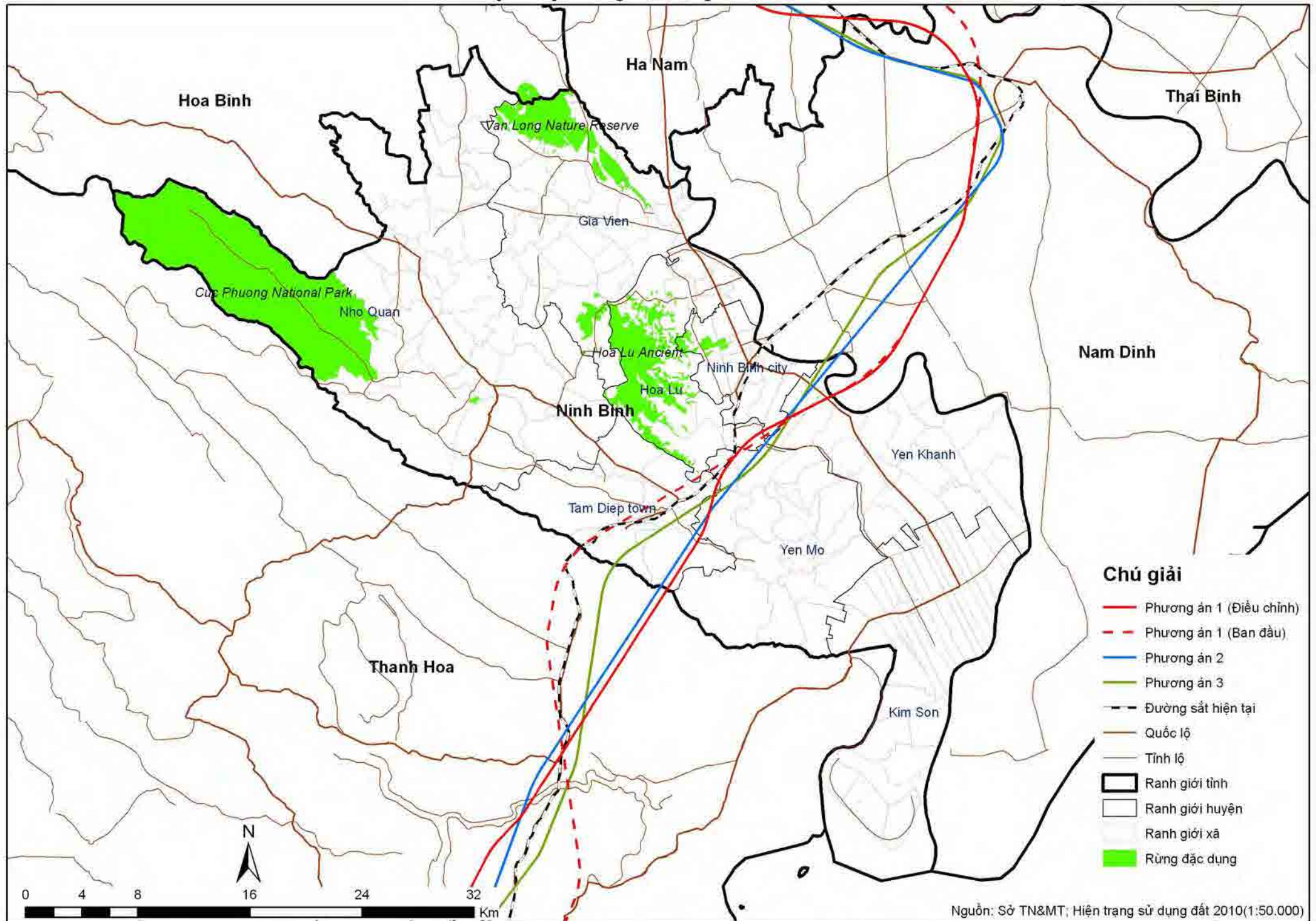


TỈNH NINH BÌNH

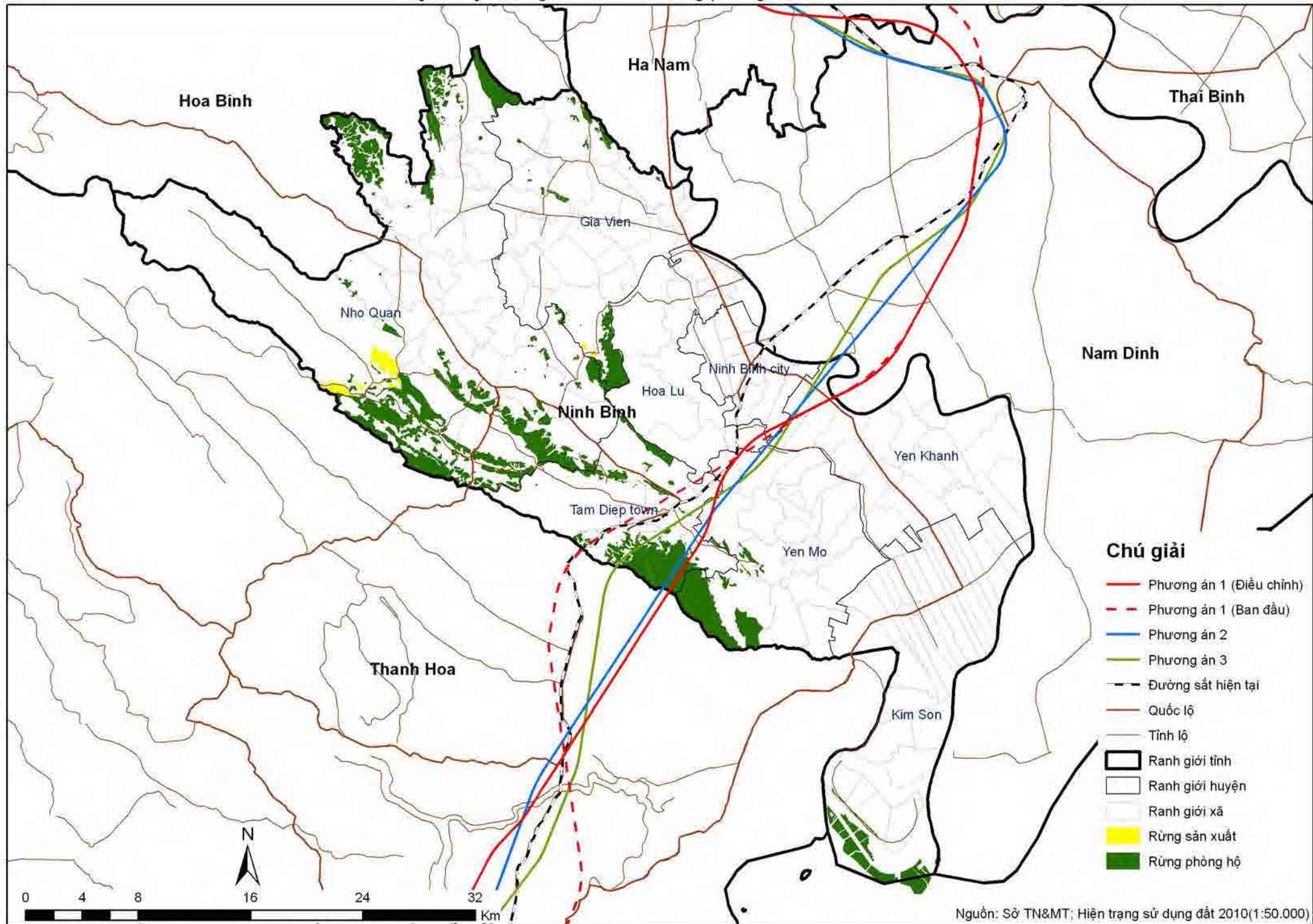
04.01	Rừng đặc dụng
04.02	Rừng phòng hộ và rừng sản xuất
04.02_2	Sự phân bố rừng
04.03	Lũ lụt
04.07	Dân tộc thiểu số
04.07_2	Mật độ dân tộc thiểu số
04.08	Mật độ dân số
04.09	Khu công nghiệp
04.10	Nghĩa trang
04.11	Chùa/Nhà thờ
04.12	Khu vực quân sự
04.13	Khu vực phát triển
04.15	Khu vực chim quan trọng và khu vực chim đặc hữu
04.16	Bản đồ nhạy cảm môi trường chồng xếp

* Các số để trống có nghĩa là không có dữ liệu để lập bản đồ.

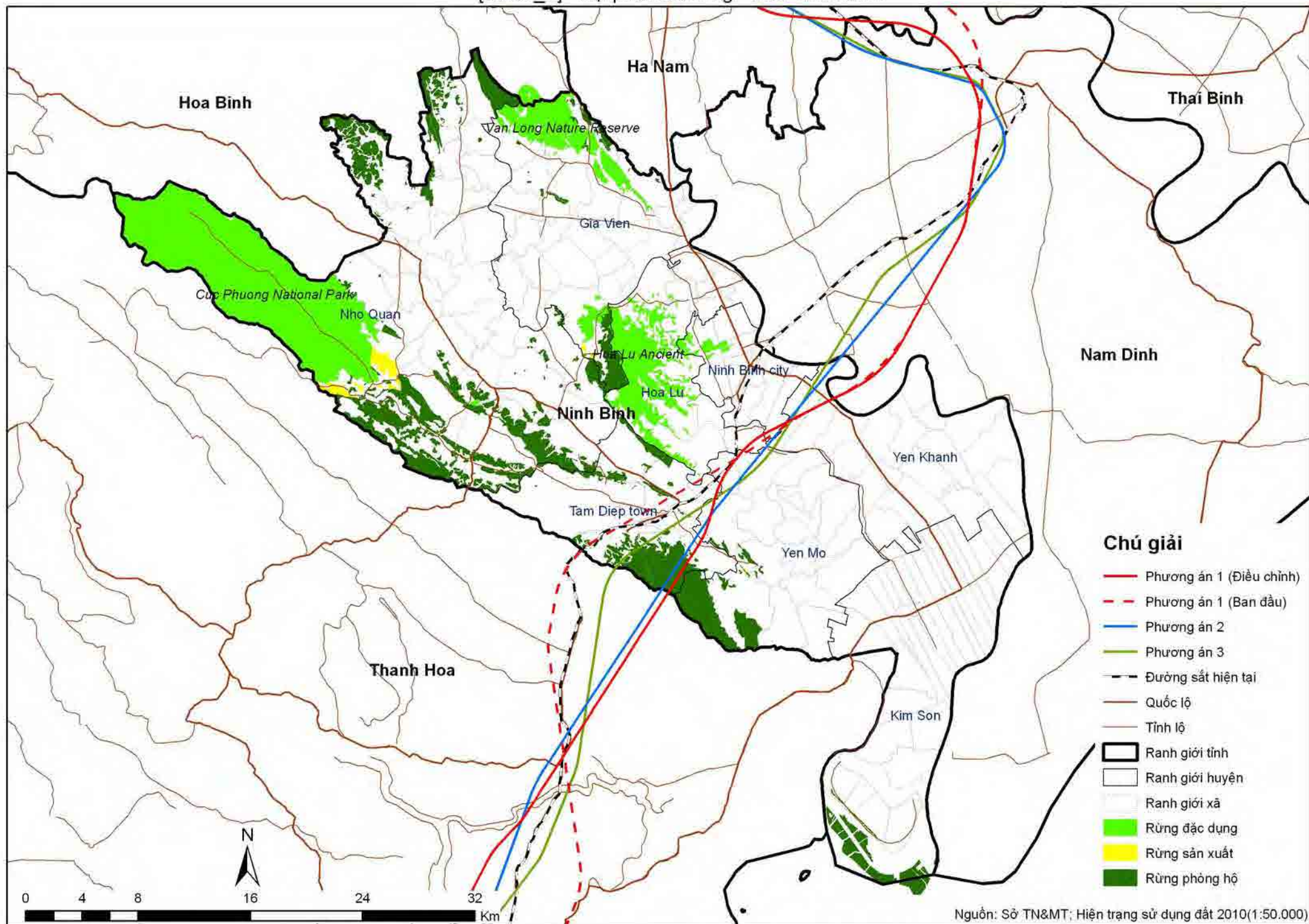
[04.01] - Rừng đặc dụng - Tỉnh Ninh Bình



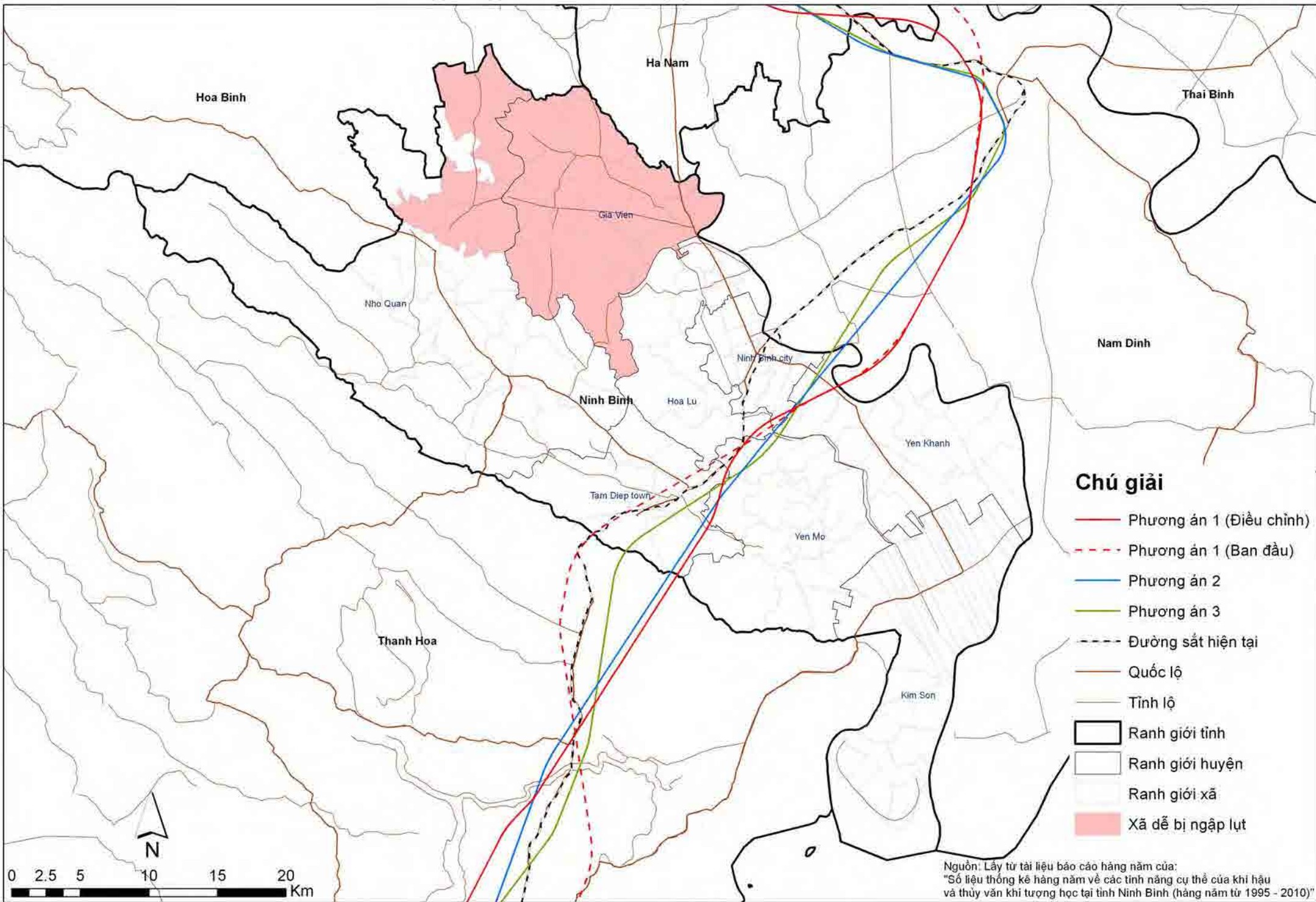
[04.02] - Rừng sản xuất và rừng phòng hộ - Tỉnh Ninh Bình



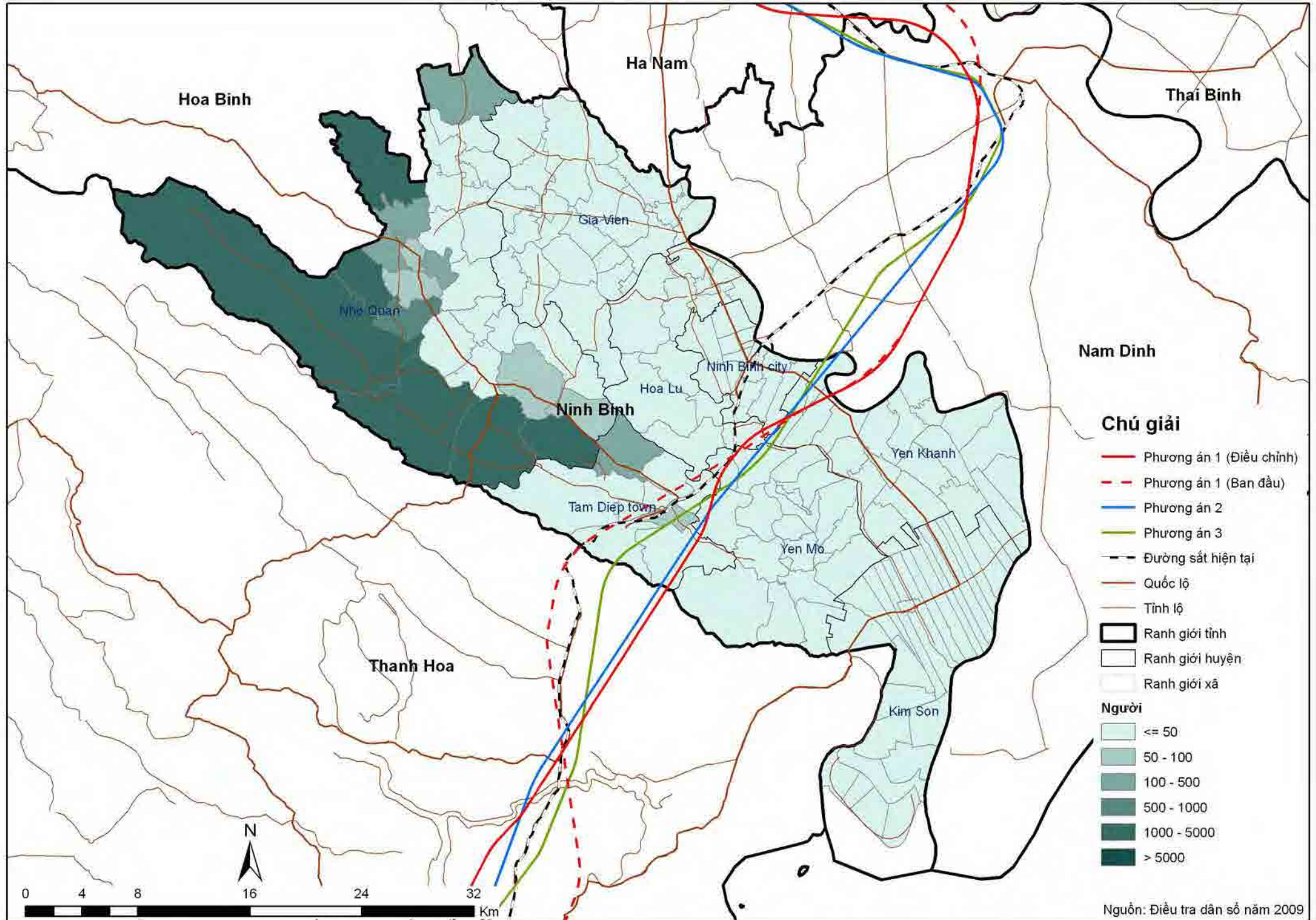
[04.02_2] - Sự phân bố rừng - Tỉnh Ninh Bình



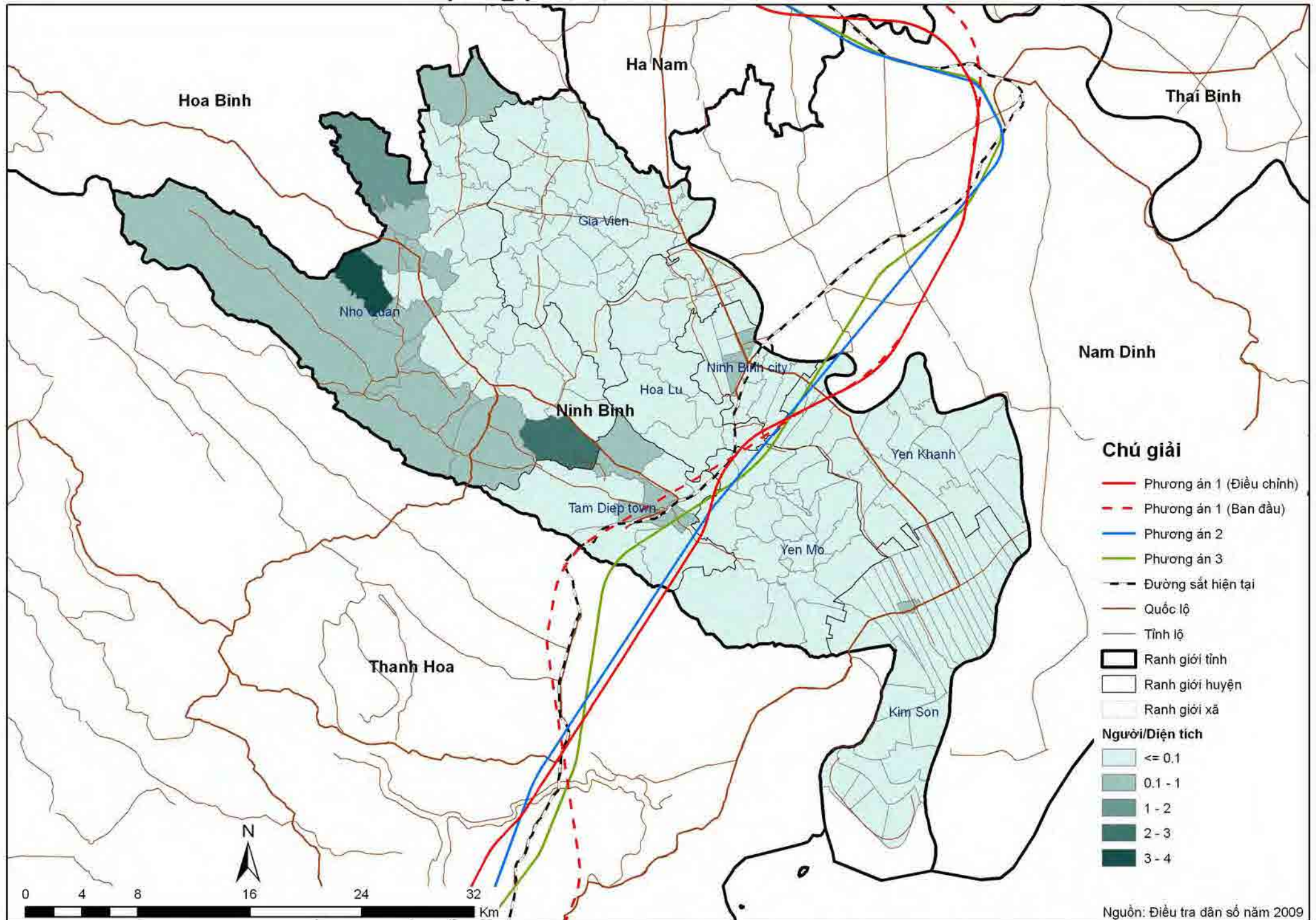
[04.03] - Khu vực dễ bị ngập lụt - Tỉnh Ninh Bình



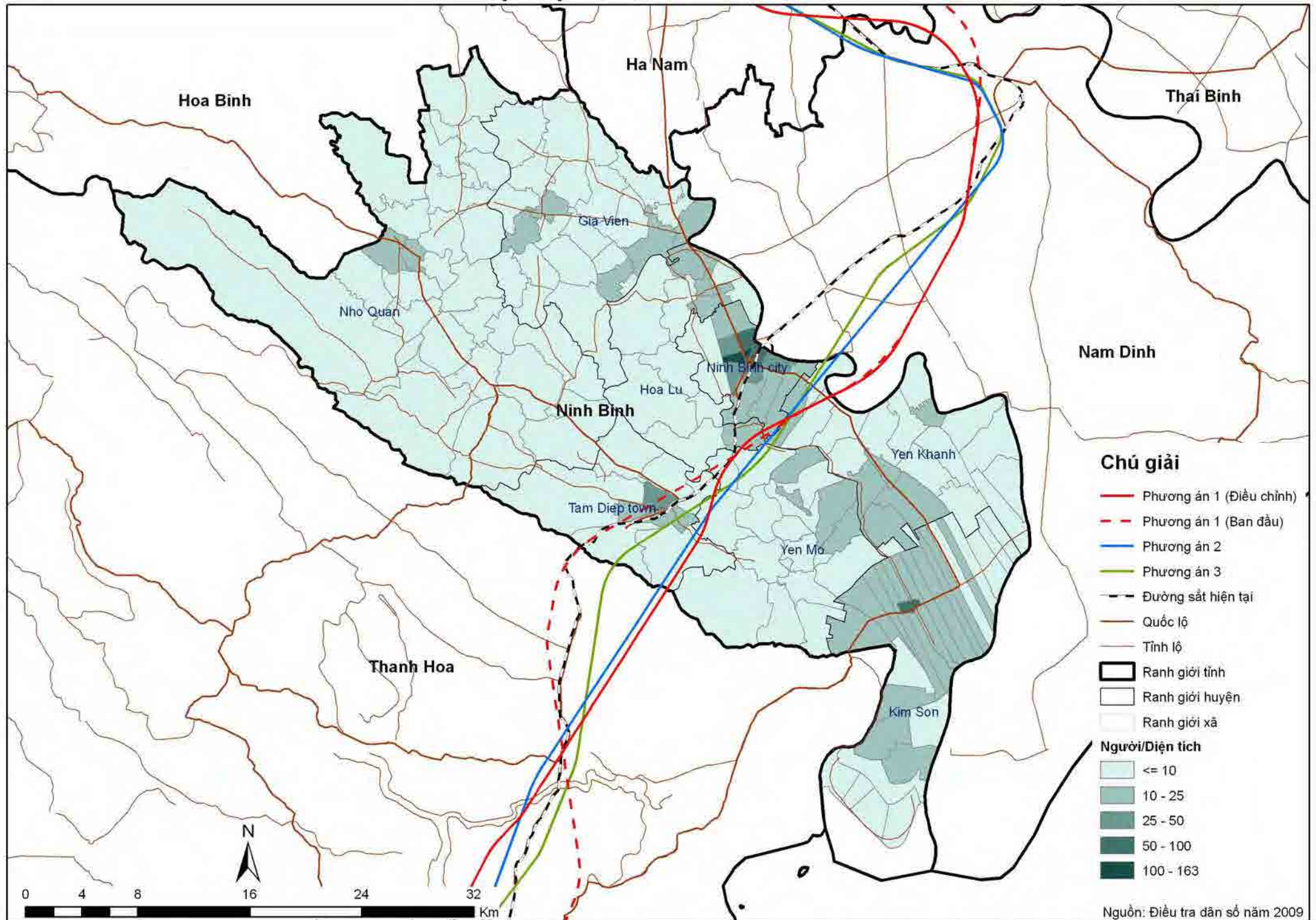
[04.07] - Dân tộc thiểu số - Tỉnh Ninh Bình



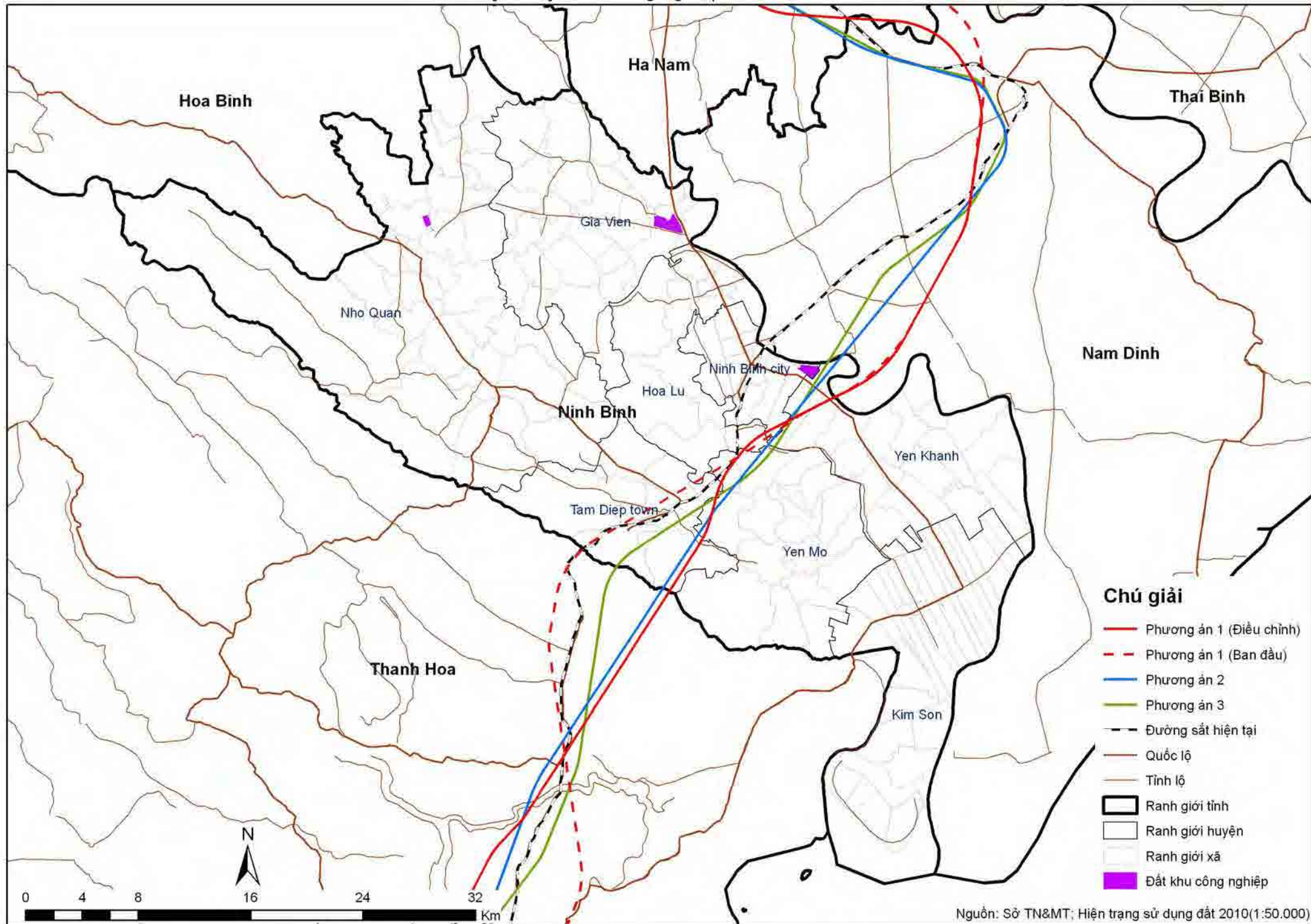
[04.07_2] - Mật độ dân tộc thiểu số - Tỉnh Ninh Bình



[04.08] - Mật độ dân số - Tỉnh Ninh Bình



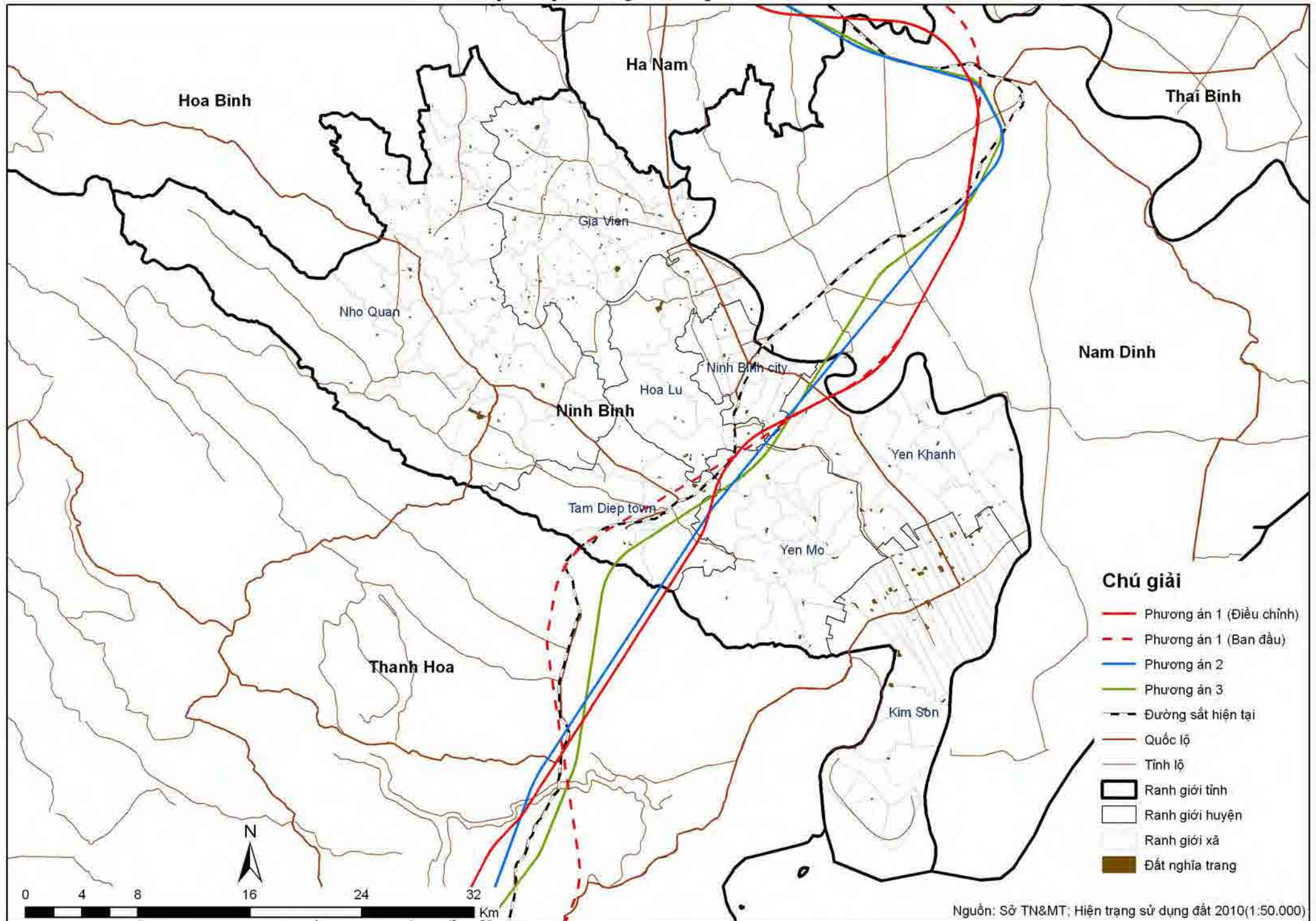
[04.09] - Khu công nghiệp - Tỉnh Ninh Bình

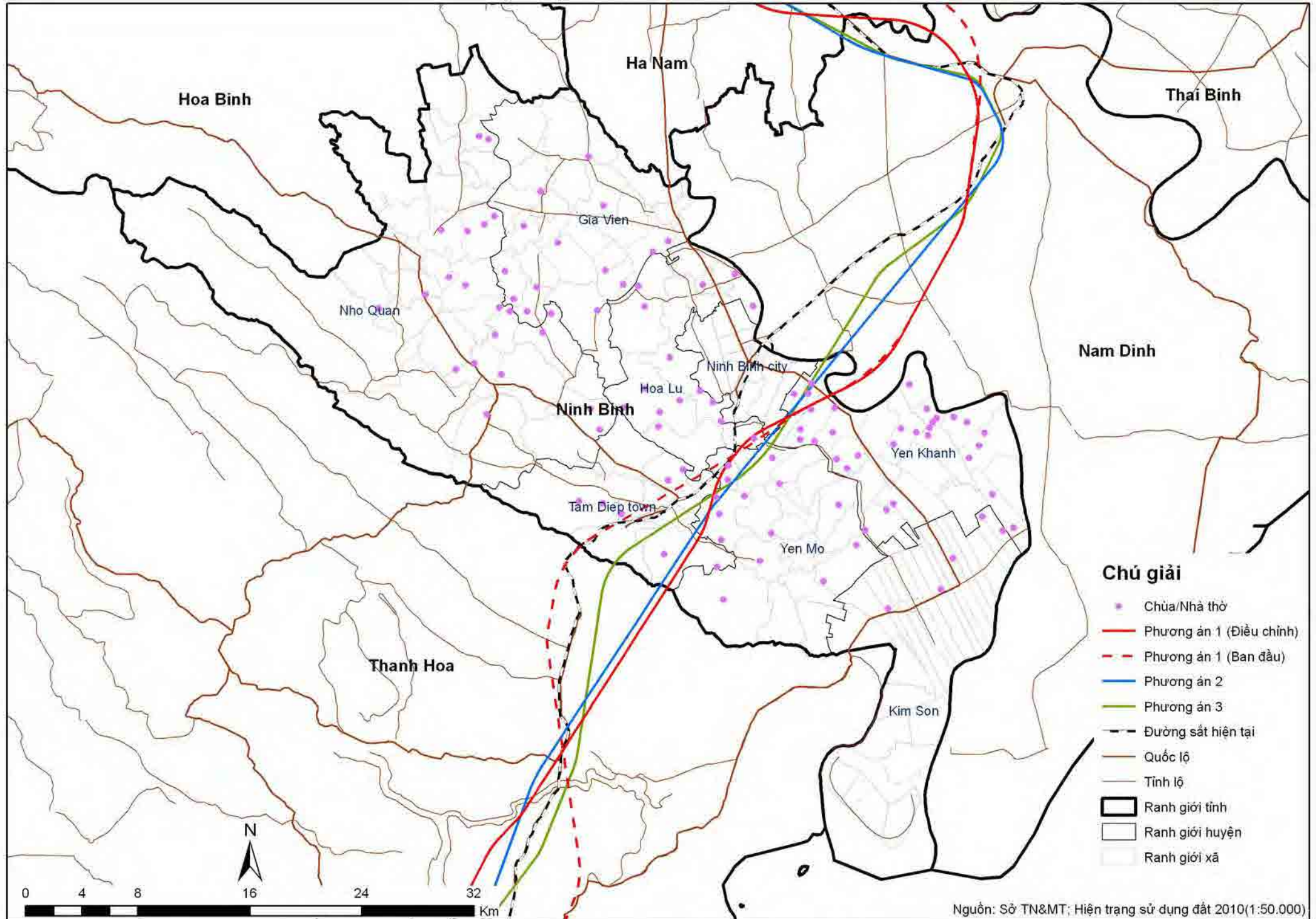


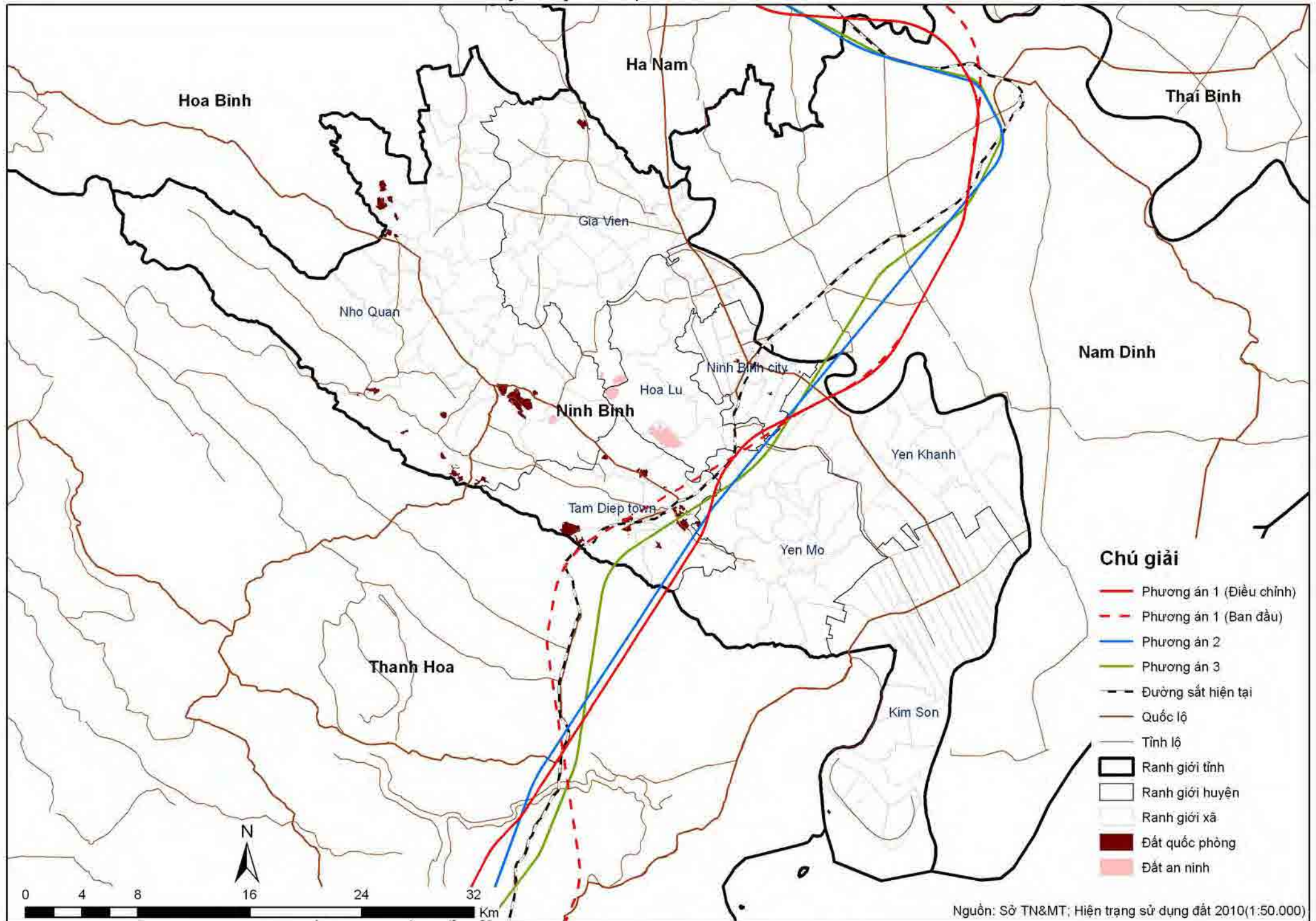
Chú giải

- Phương án 1 (Điều chỉnh)
- - - Phương án 1 (Ban đầu)
- Phương án 2
- Phương án 3
- - - Đường sắt hiện tại
- Quốc lộ
- - - Tỉnh lộ
- ▭ Ranh giới tỉnh
- ▭ Ranh giới huyện
- ▭ Ranh giới xã
- Đất khu công nghiệp

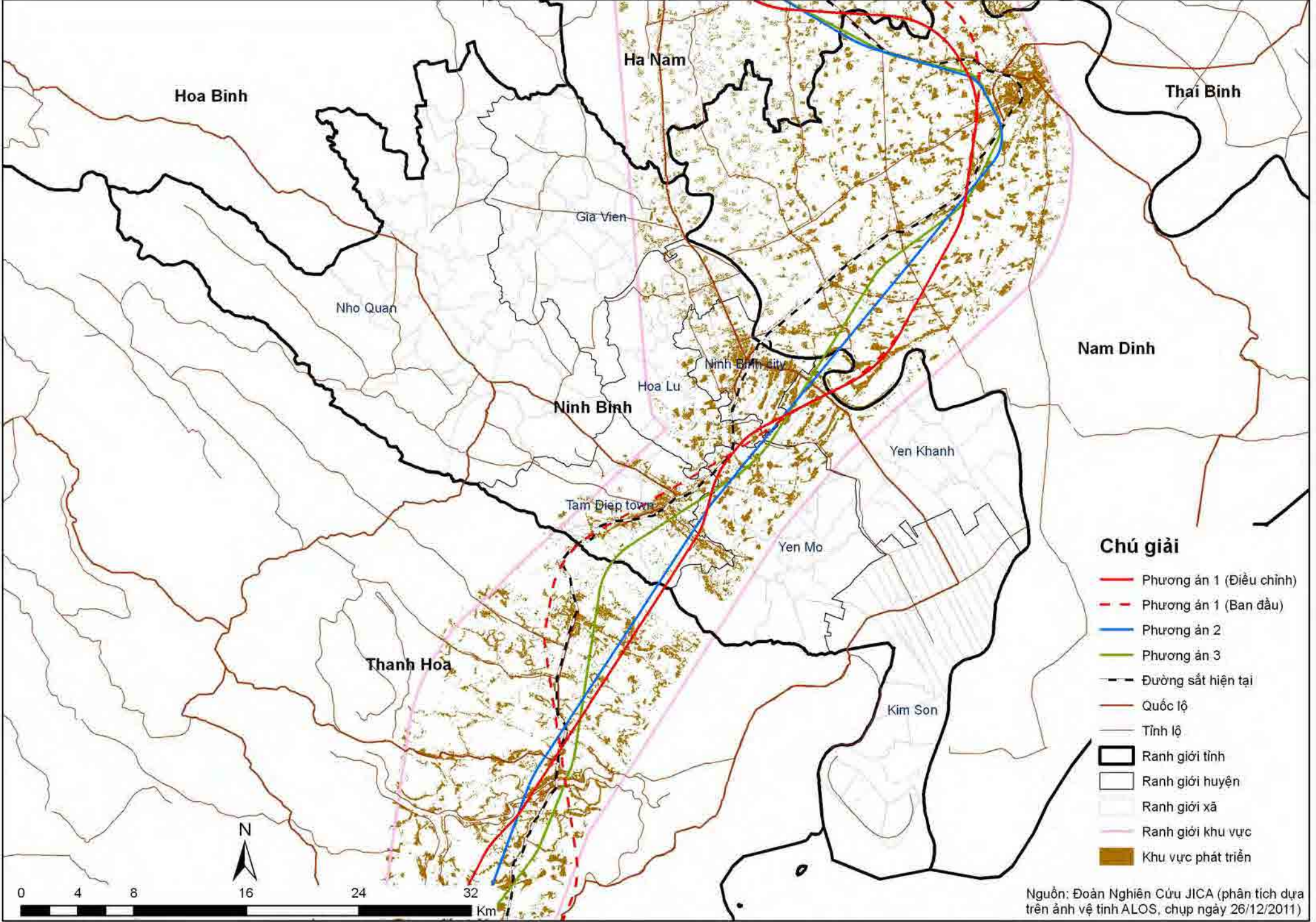
[04.10] - Đất nghĩa trang - Tỉnh Ninh Bình





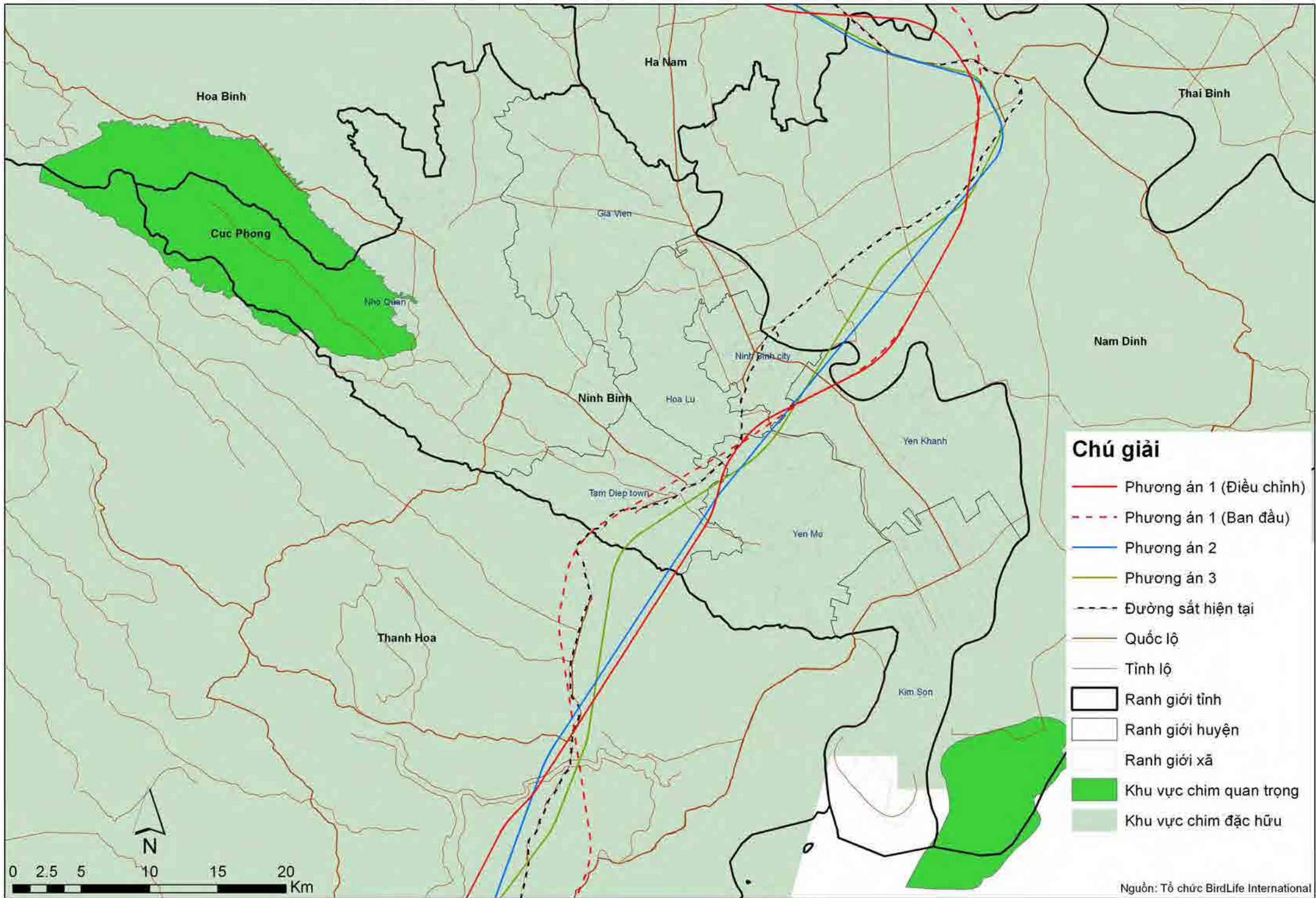


[04.13] - Khu vực phát triển - Tỉnh Ninh Bình

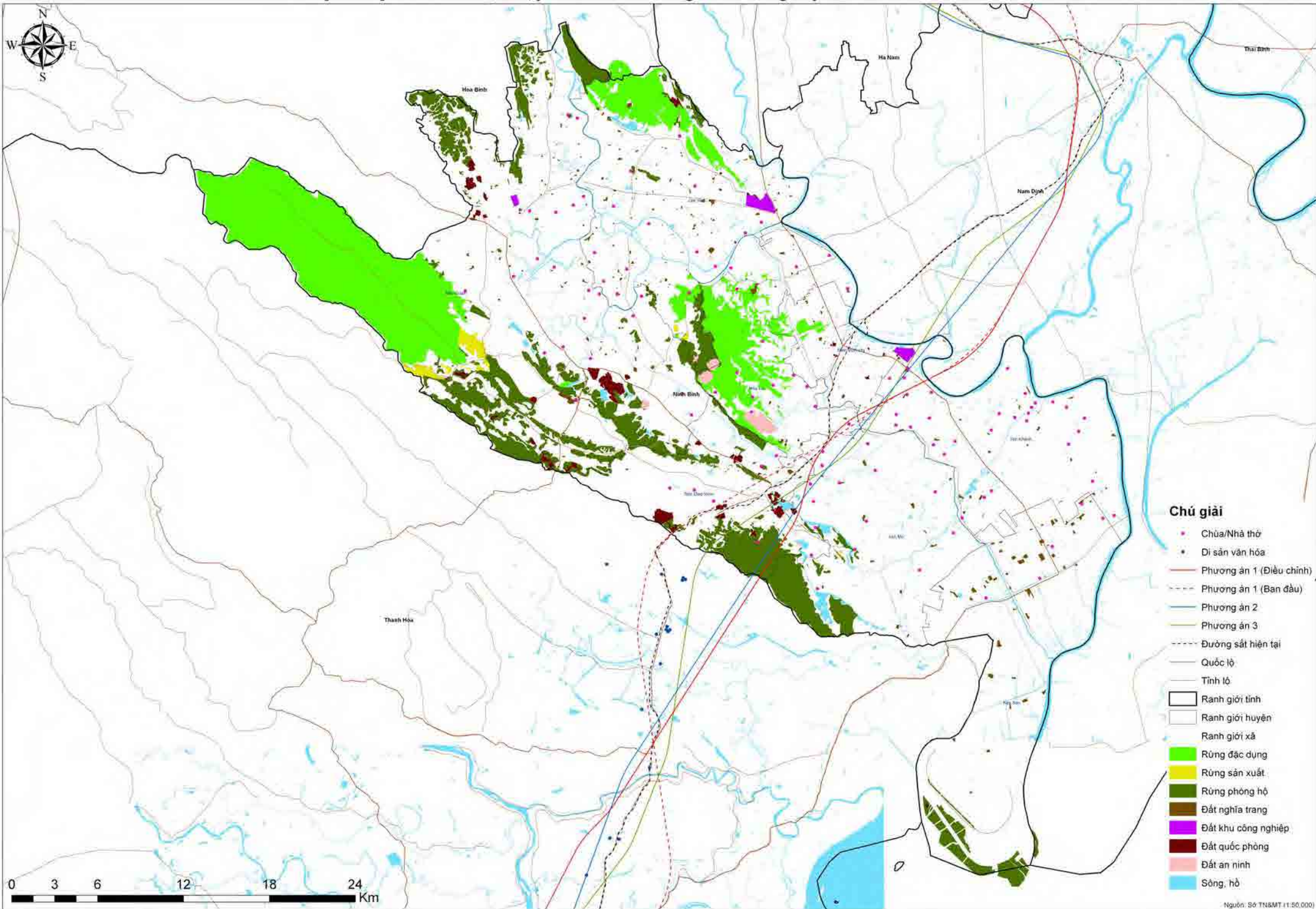


Nguồn: Đoàn Nghiên Cứu JICA (phân tích dựa trên ảnh vệ tinh ALOS, chụp ngày 26/12/2011)

[04.15] - Khu vực chim quan trọng và khu vực chim đặc hữu - Tỉnh Ninh Bình



[04.16] - Bản đồ độ nhạy cảm môi trường và hướng tuyến - Tỉnh Ninh Bình

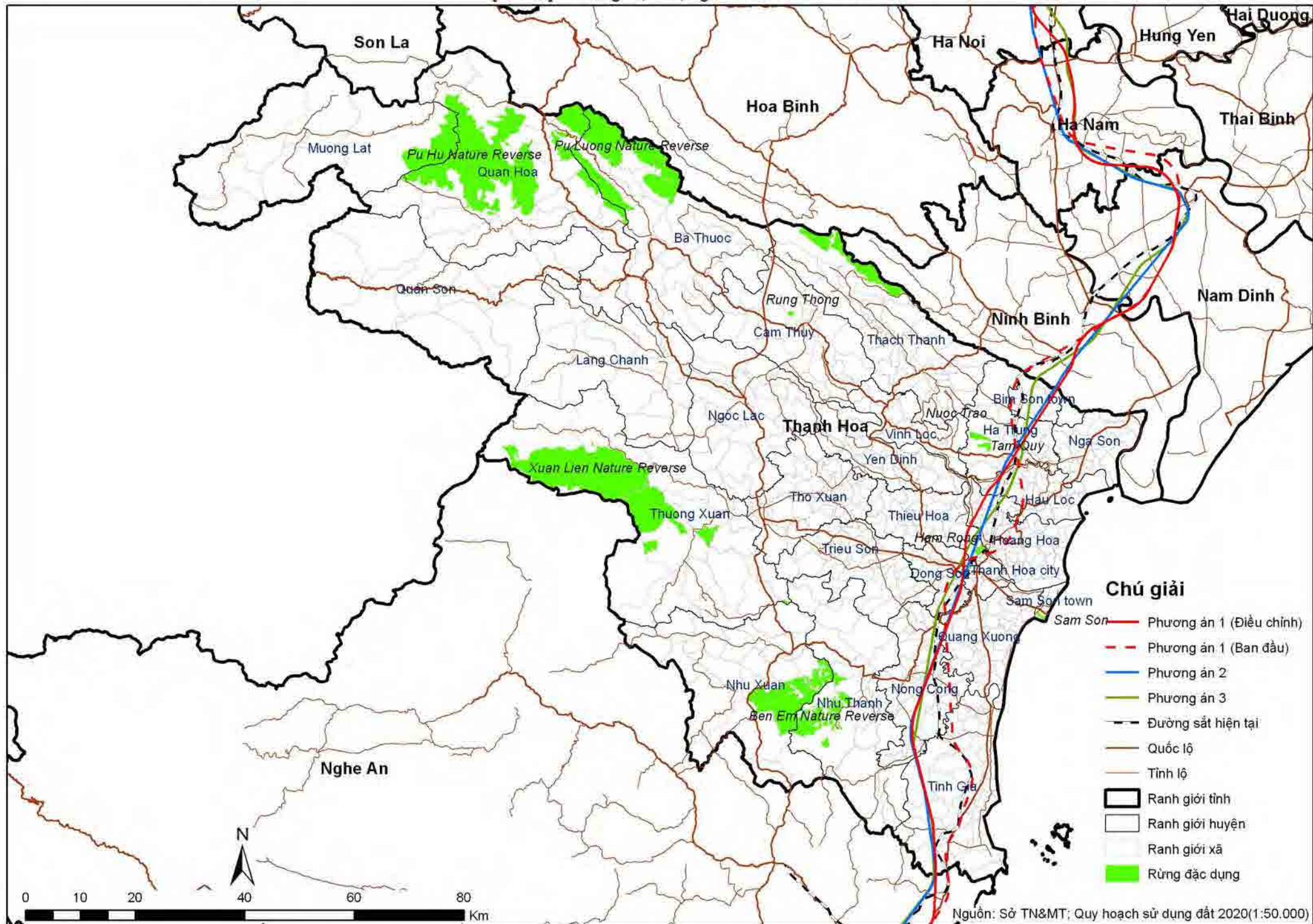


TỈNH THANH HÓA

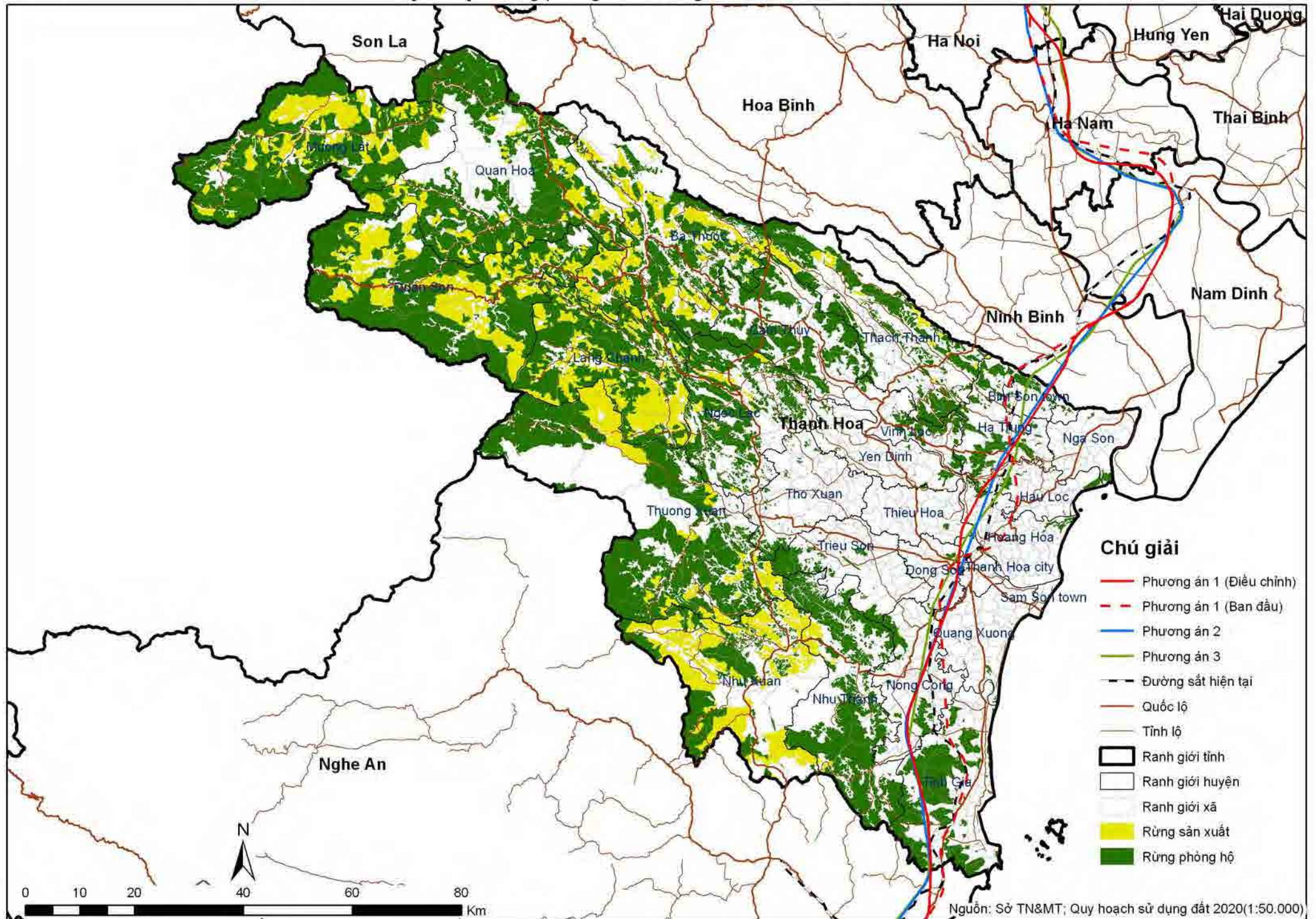
05.01	Rừng đặc dụng
05.02	Rừng phòng hộ và rừng sản xuất
05.02_2	Sự phân bố rừng
05.03	Lũ lụt
05.04	Sạt lở đất
05.06	Di sản văn hóa
05.07	Dân tộc thiểu số
05.07_2	Mật độ dân tộc thiểu số
05.08	Mật độ dân số
05.09	Khu công nghiệp
05.10	Nghĩa trang
05.11	Chùa/Nhà thờ
05.12	Khu vực quân sự
05.13	Khu vực phát triển
05.15	Khu vực chim quan trọng và khu vực chim đặc hữu
05.16	Bản đồ nhạy cảm môi trường chồng xếp

* Các số để trống có nghĩa là không có dữ liệu để lập bản đồ.

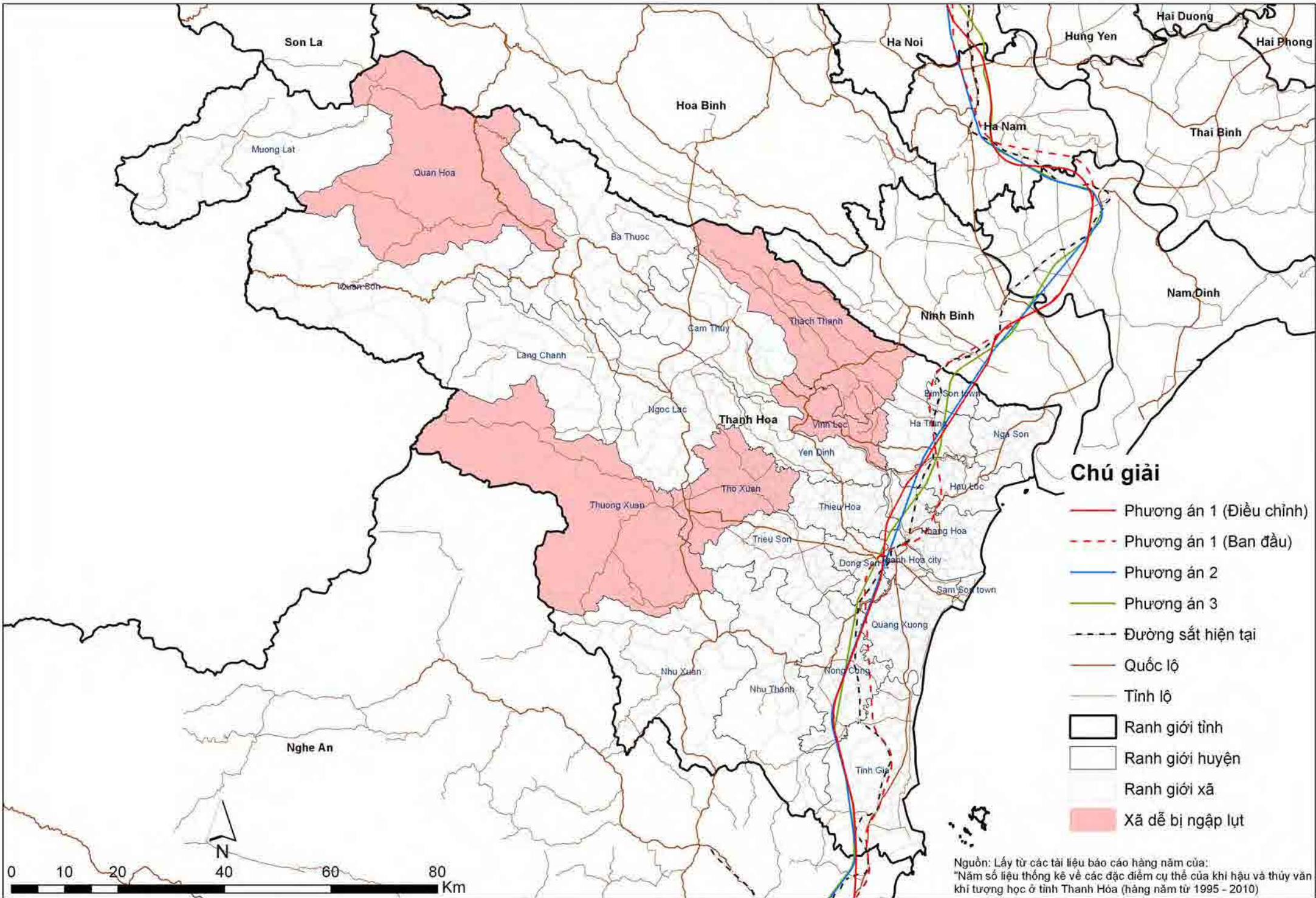
[05.01] - Rừng đặc dụng - Tỉnh Thanh Hóa



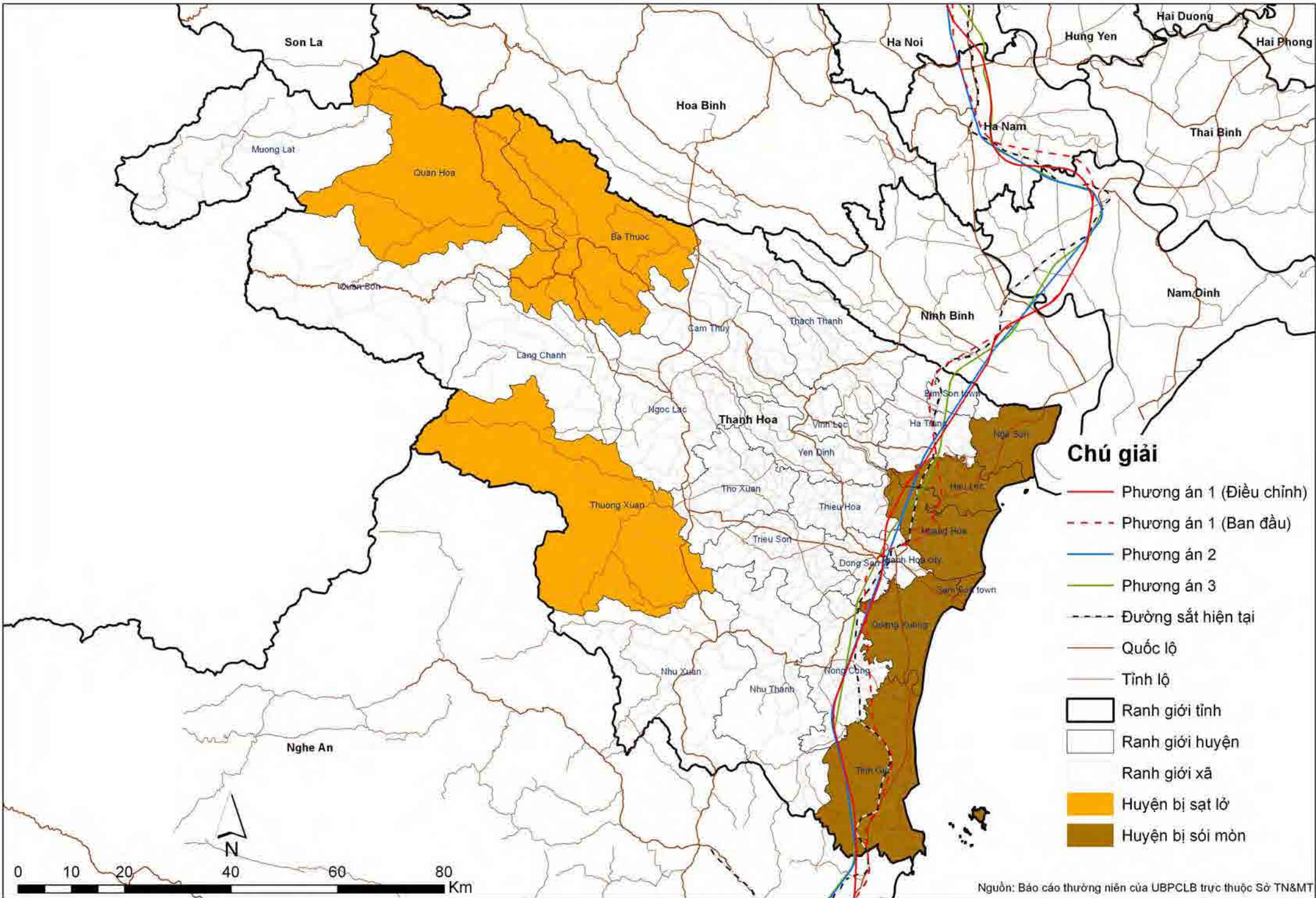
[05.02] - Rừng phòng hộ và rừng sản xuất - Tỉnh Thanh Hóa



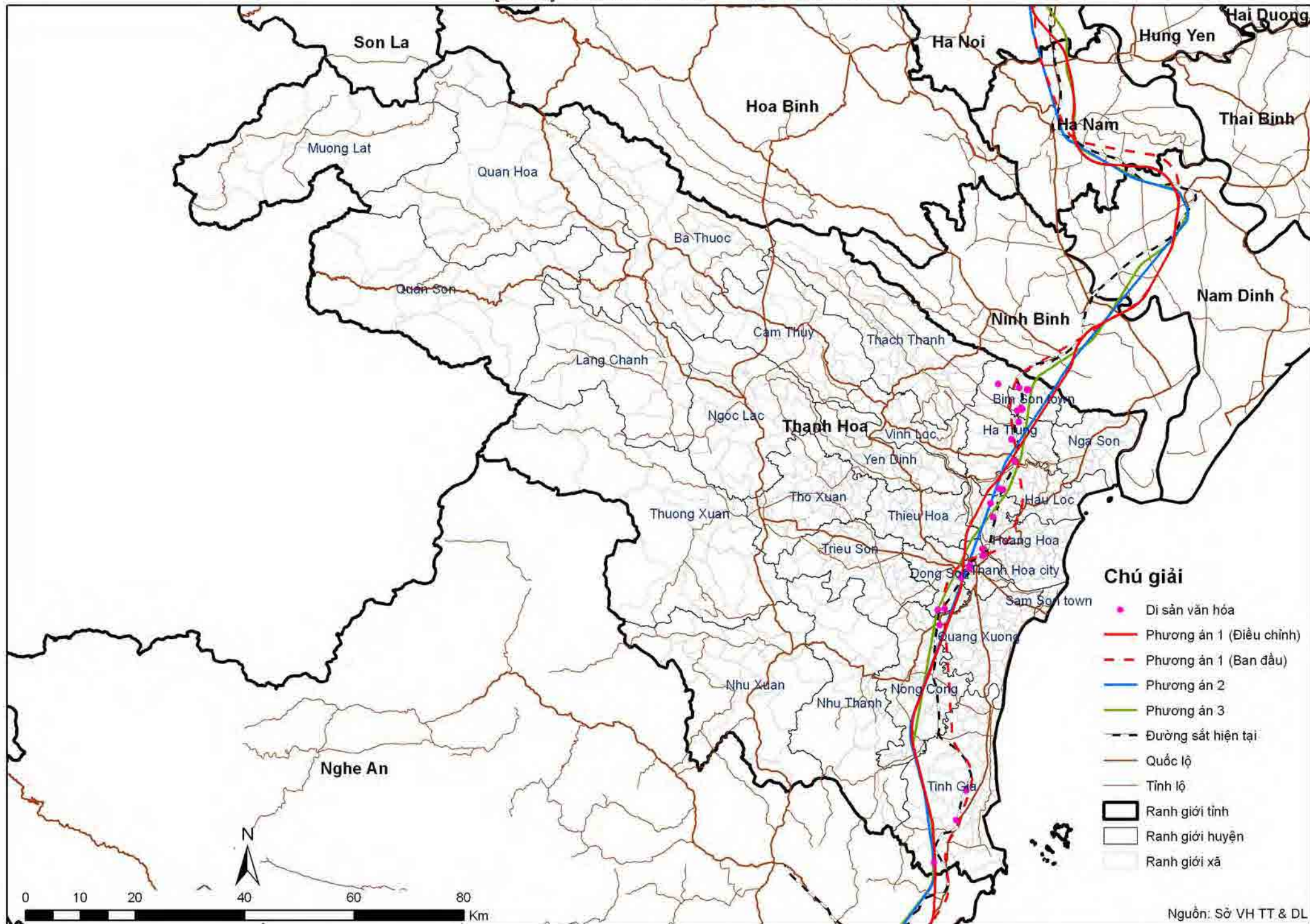
[05.03] - Khu vực dễ bị ngập lụt - Tỉnh Thanh Hóa



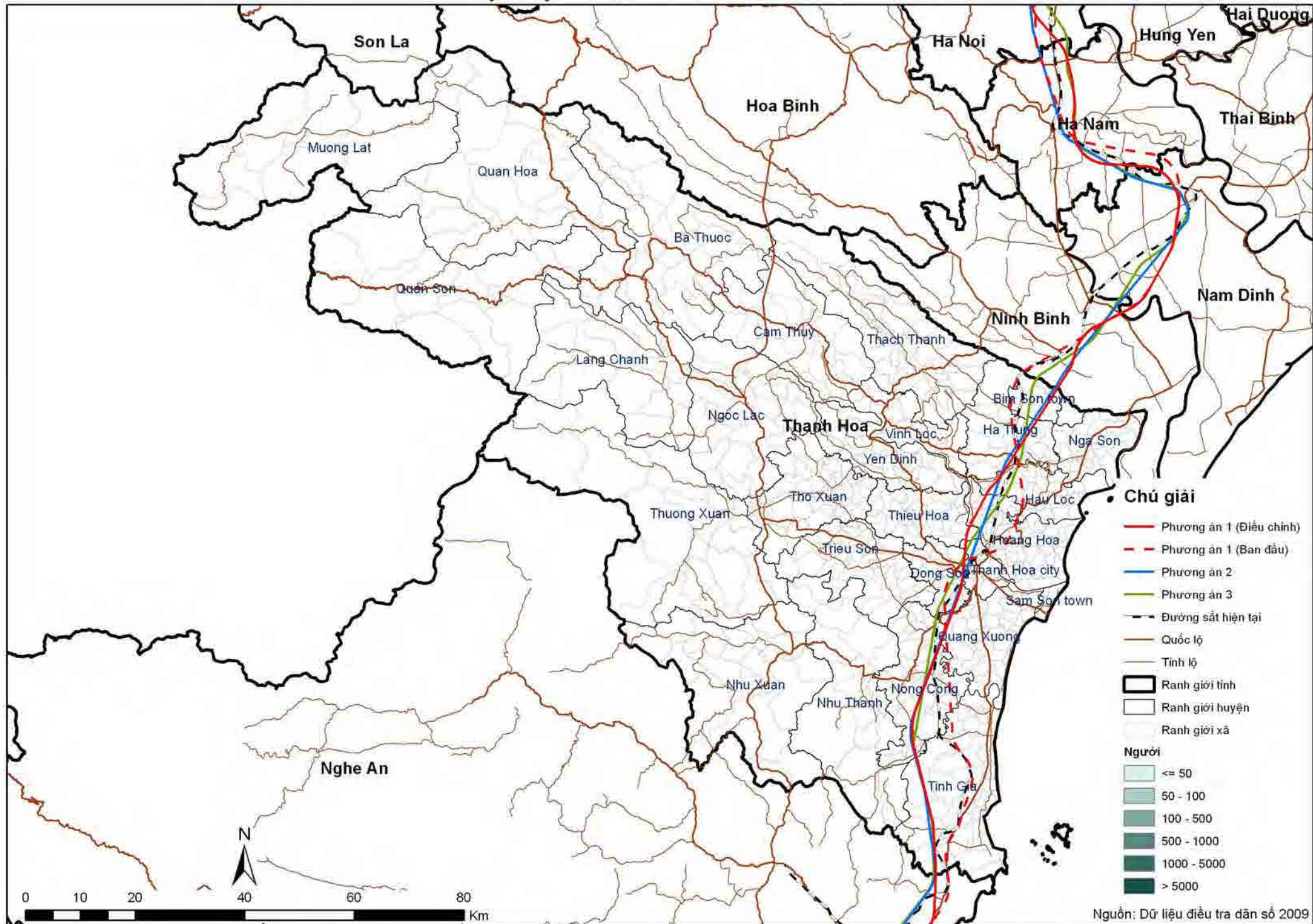
[05.04] - Sạt lở - Tỉnh Thanh Hóa



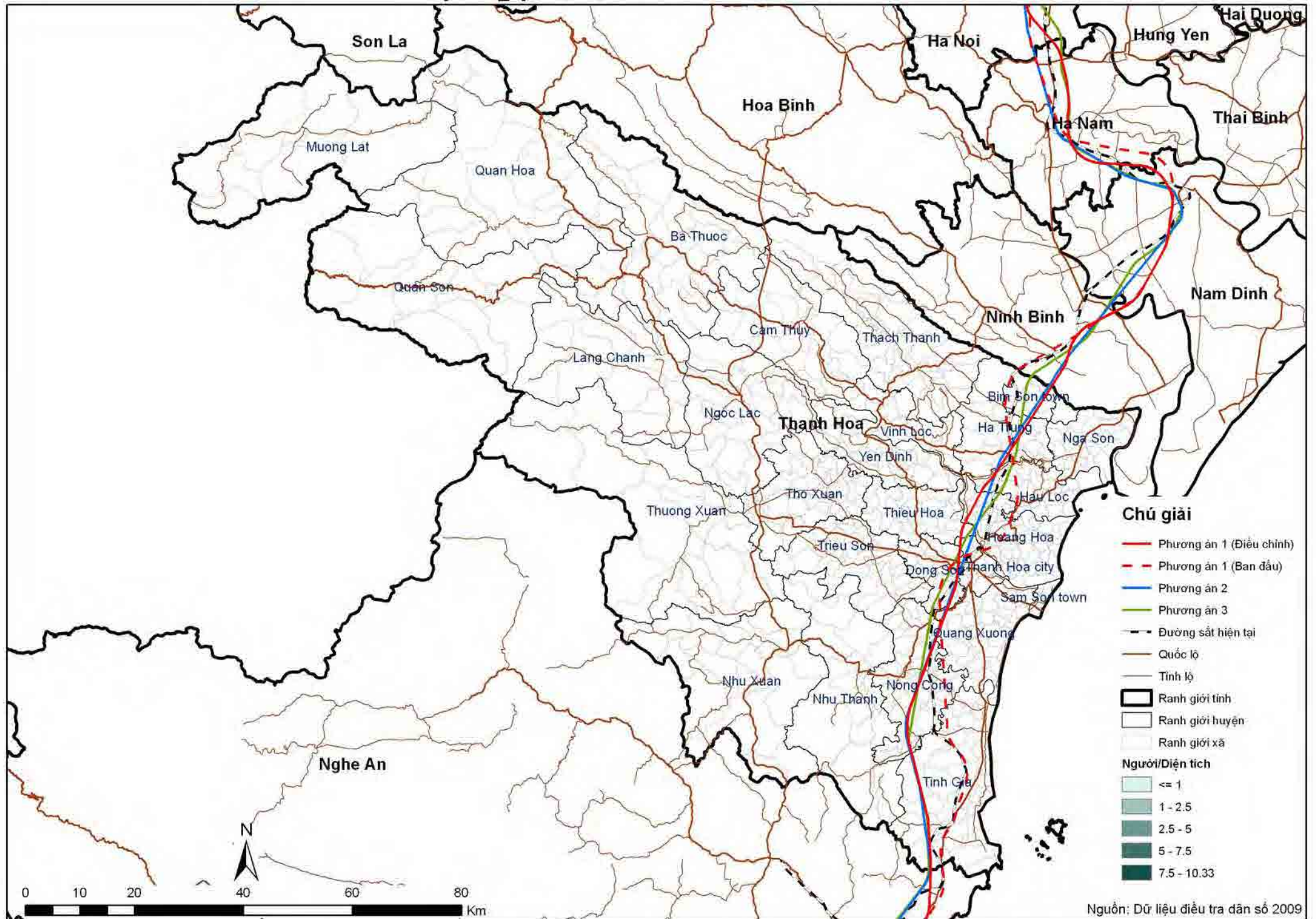
[05.06] - Di sản văn hóa - Tỉnh Thanh Hóa



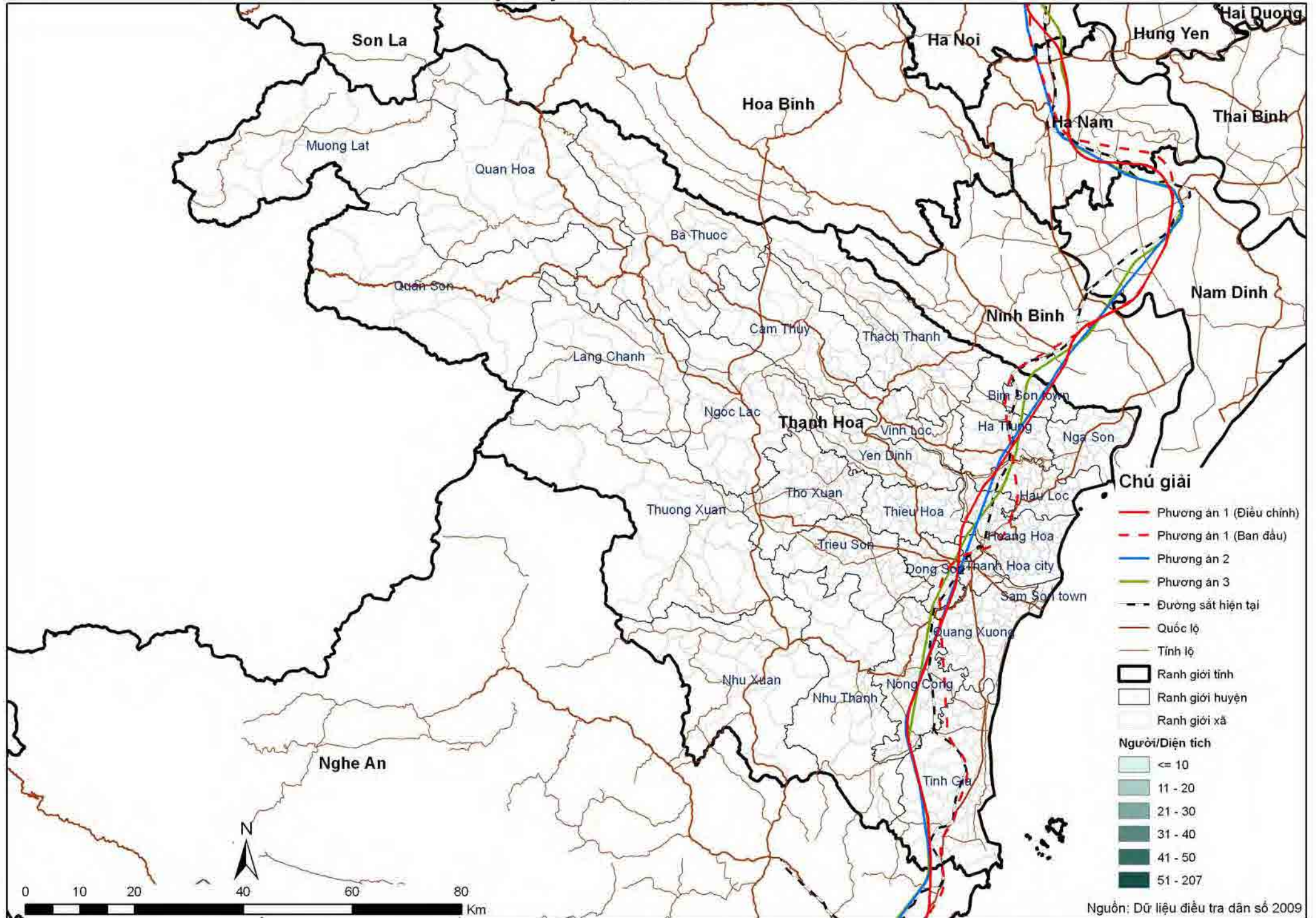
[05.07] - Dân tộc thiểu số - Tỉnh Thanh Hóa



[05.07_2] - Mật độ dân tộc thiểu số - Tỉnh Thanh Hóa

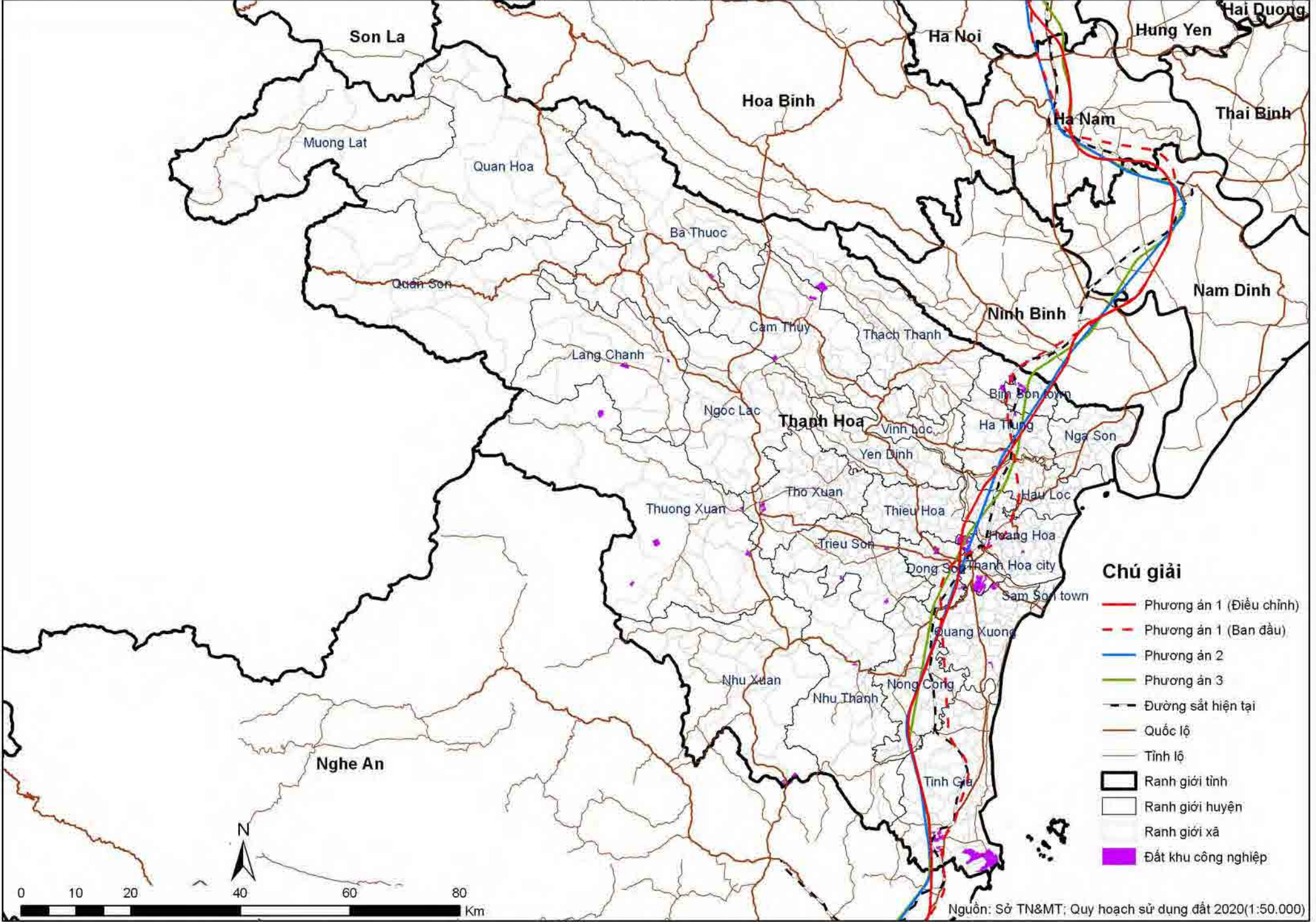


[05.08] - Mật độ dân số - Tỉnh Thanh Hóa



Nguồn: Dữ liệu điều tra dân số 2009

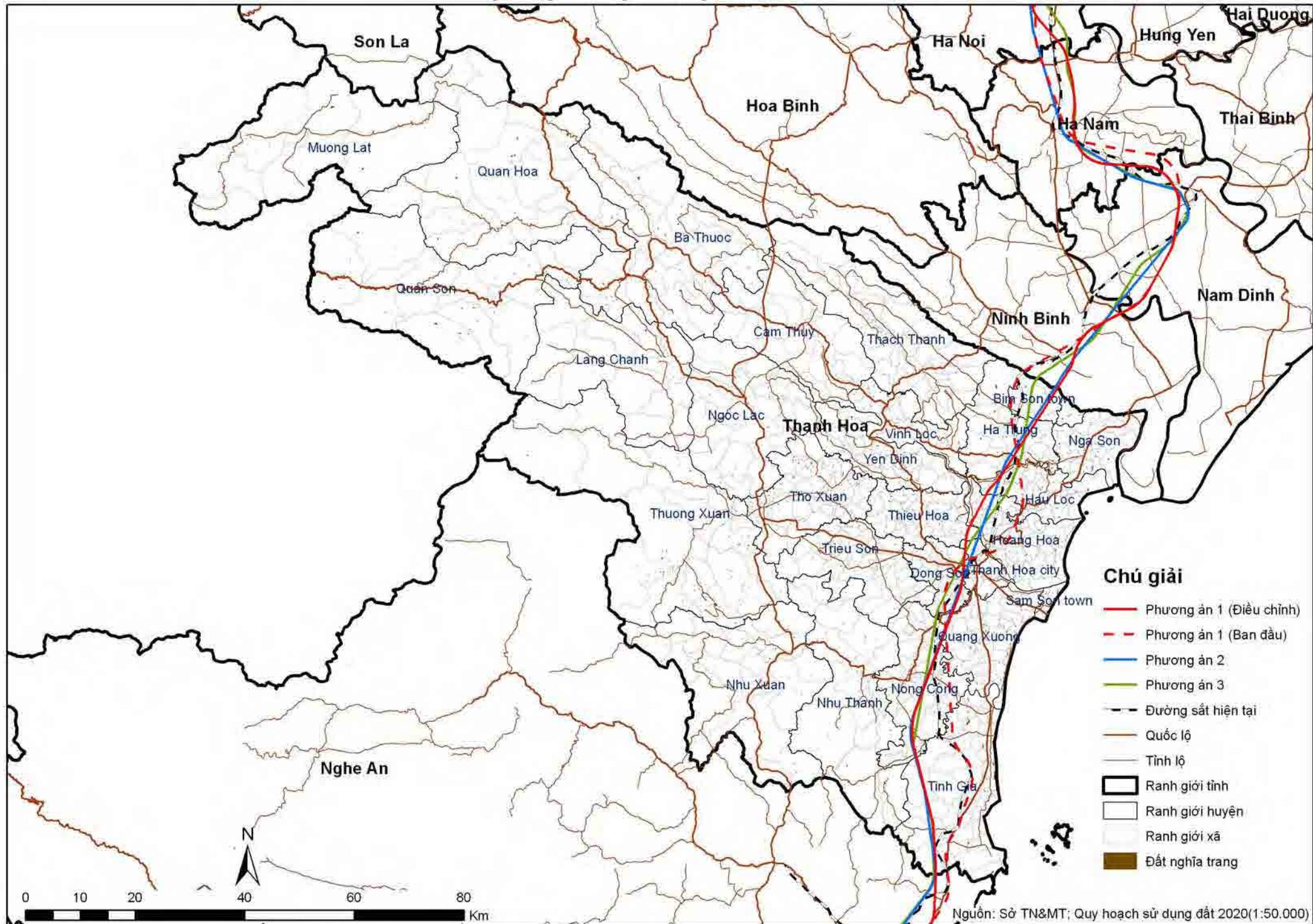
[05.09] - Khu công nghiệp - Tỉnh Thanh Hóa

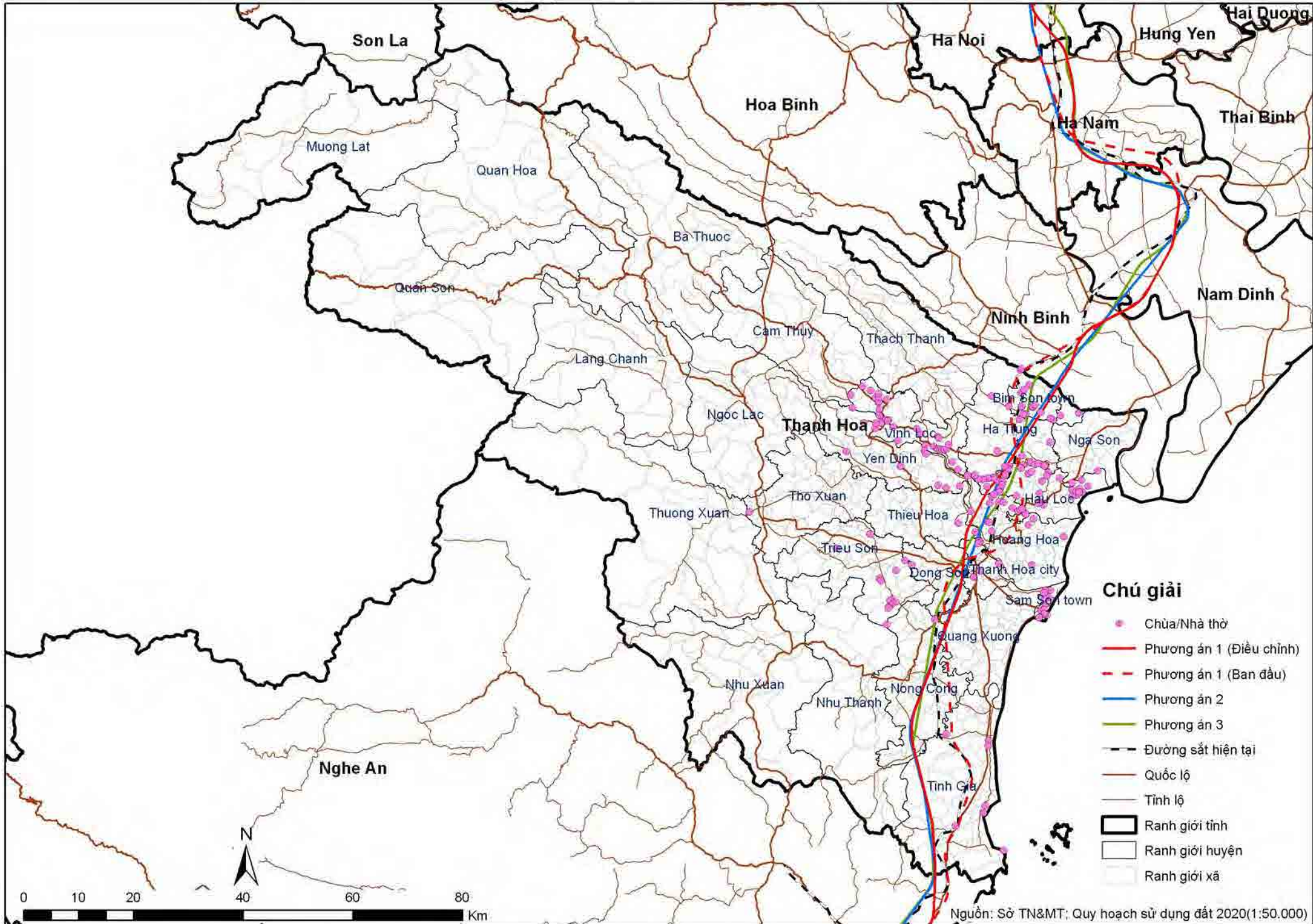


- Chú giải**
- Phương án 1 (Điêu chỉnh)
 - - - Phương án 1 (Ban đầu)
 - Phương án 2
 - Phương án 3
 - - - Đường sắt hiện tại
 - Quốc lộ
 - Tỉnh lộ
 - ▭ Ranh giới tỉnh
 - ▭ Ranh giới huyện
 - ▭ Ranh giới xã
 - Đất khu công nghiệp

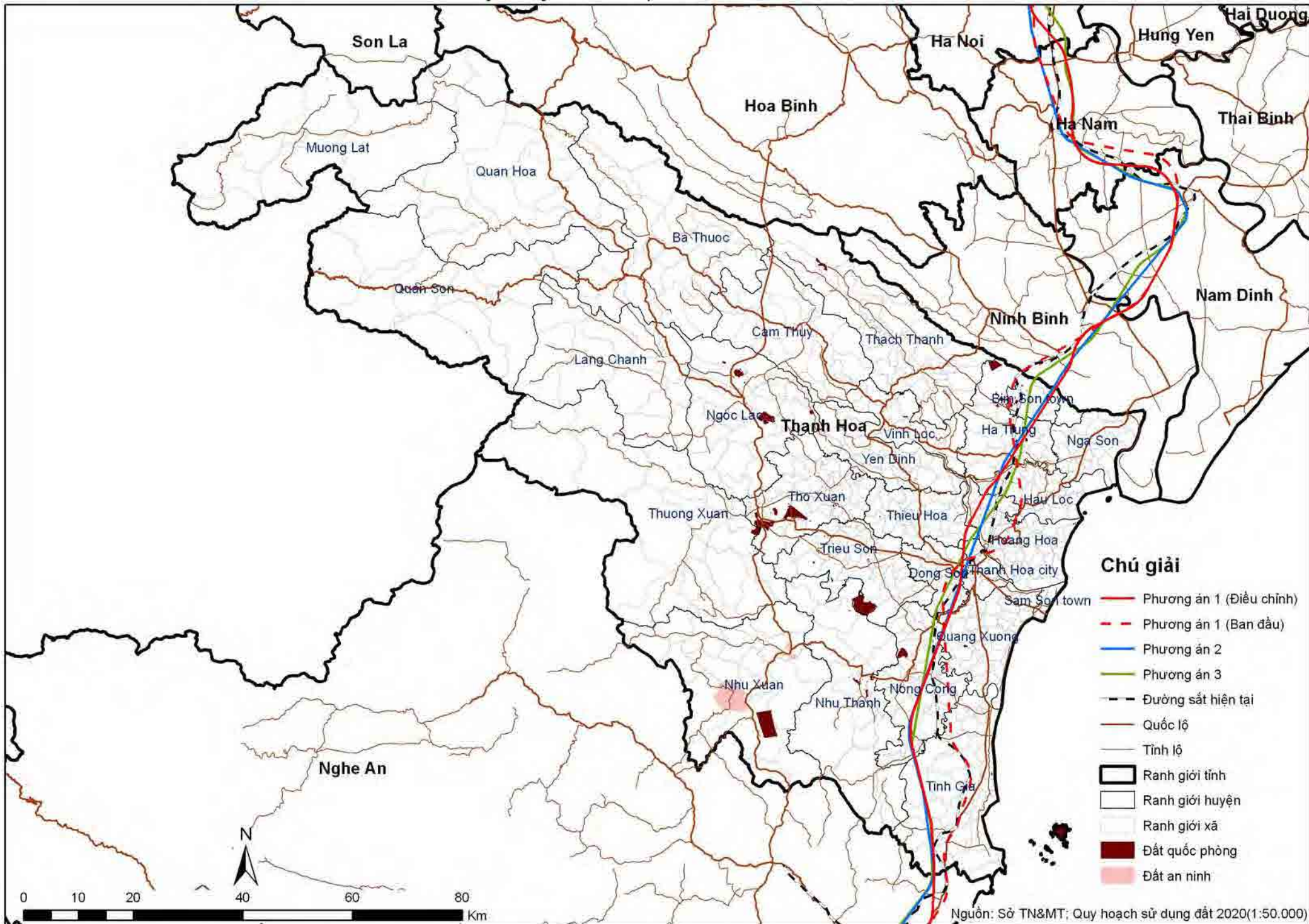
Nguồn: Sở TN&MT; Quy hoạch sử dụng đất 2020(1:50.000)

[05.10] - Đất nghĩa trang - Tỉnh Thanh Hóa

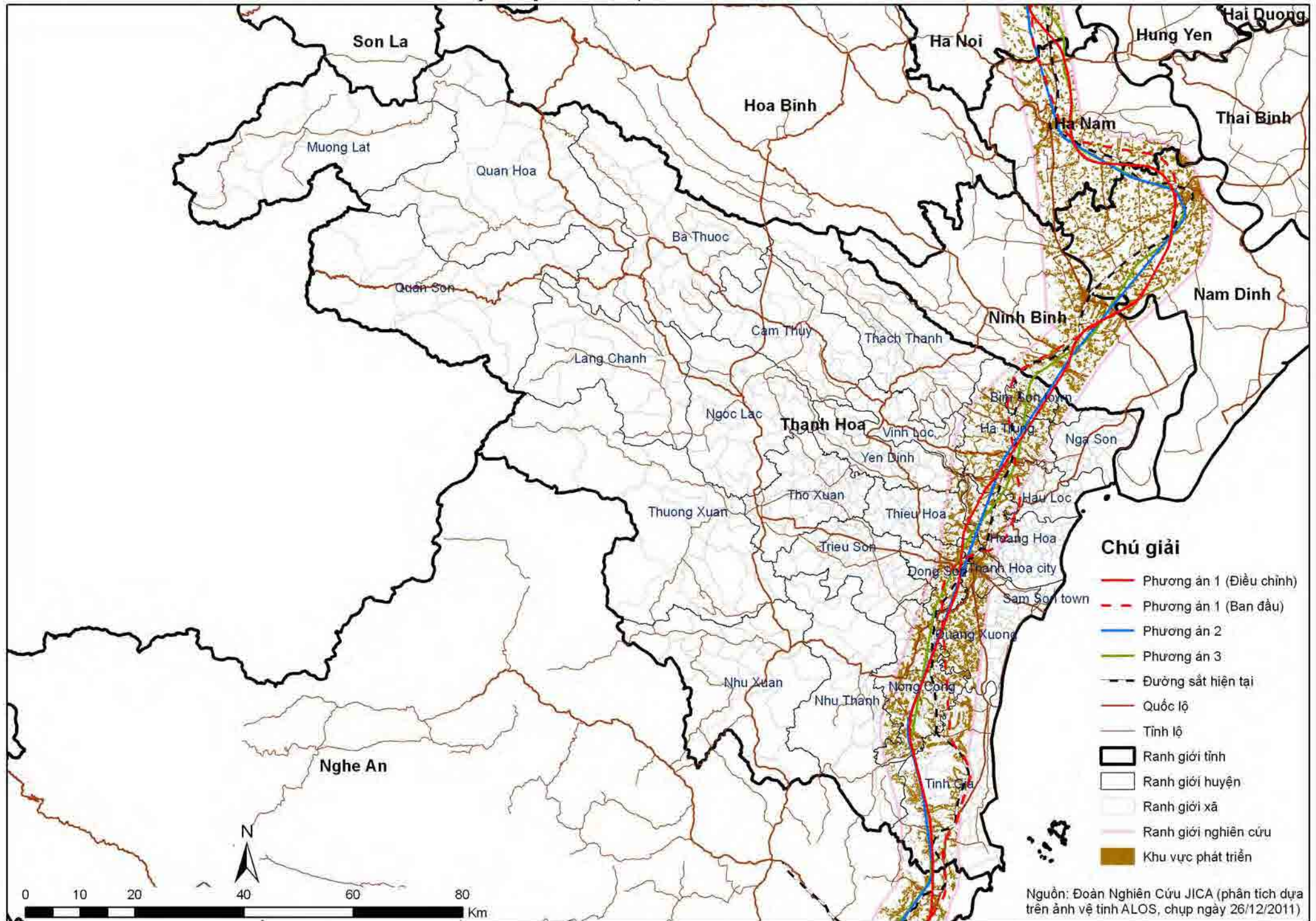




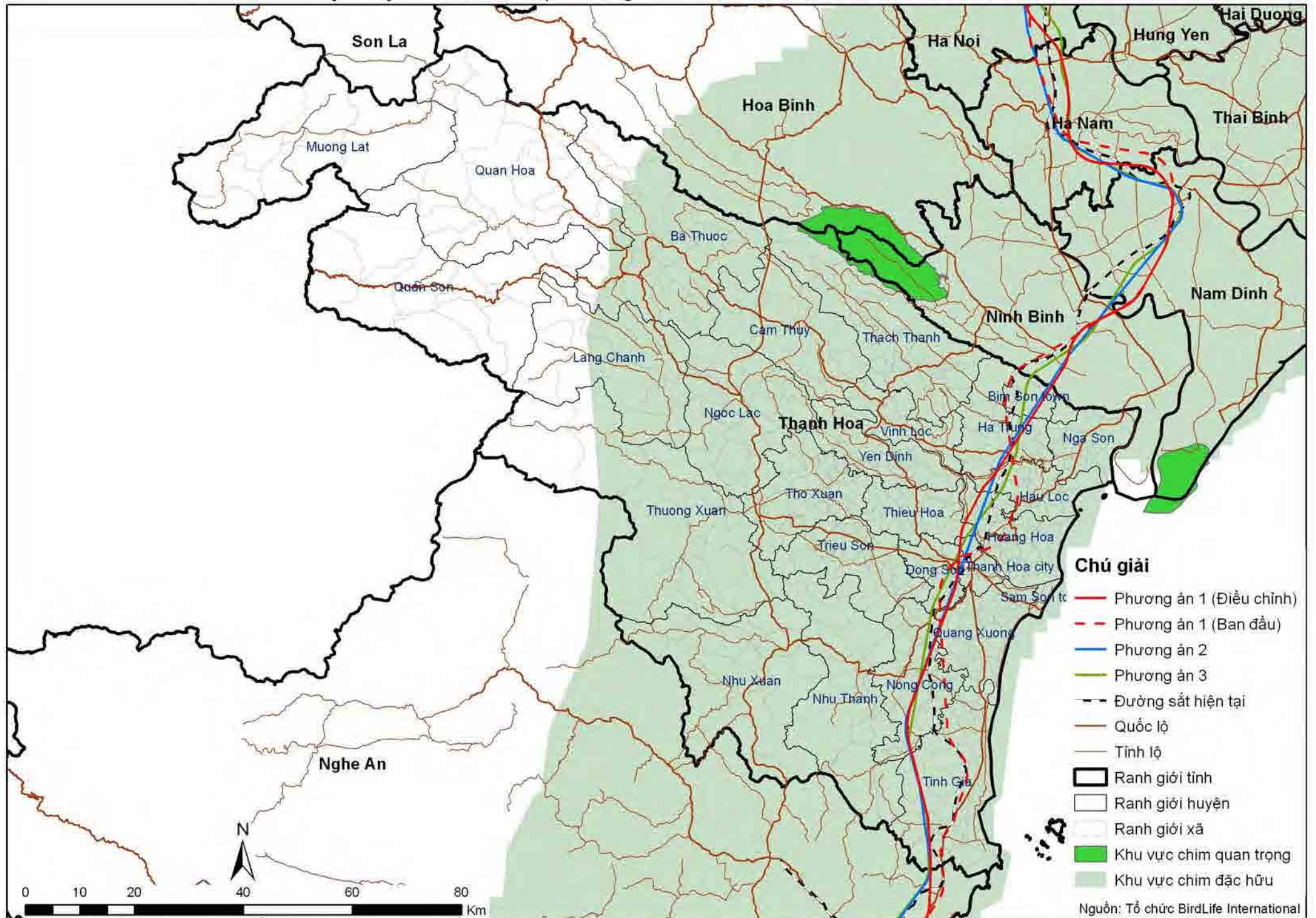
[05.12] - Đất khu quân sự - Tỉnh Thanh Hóa



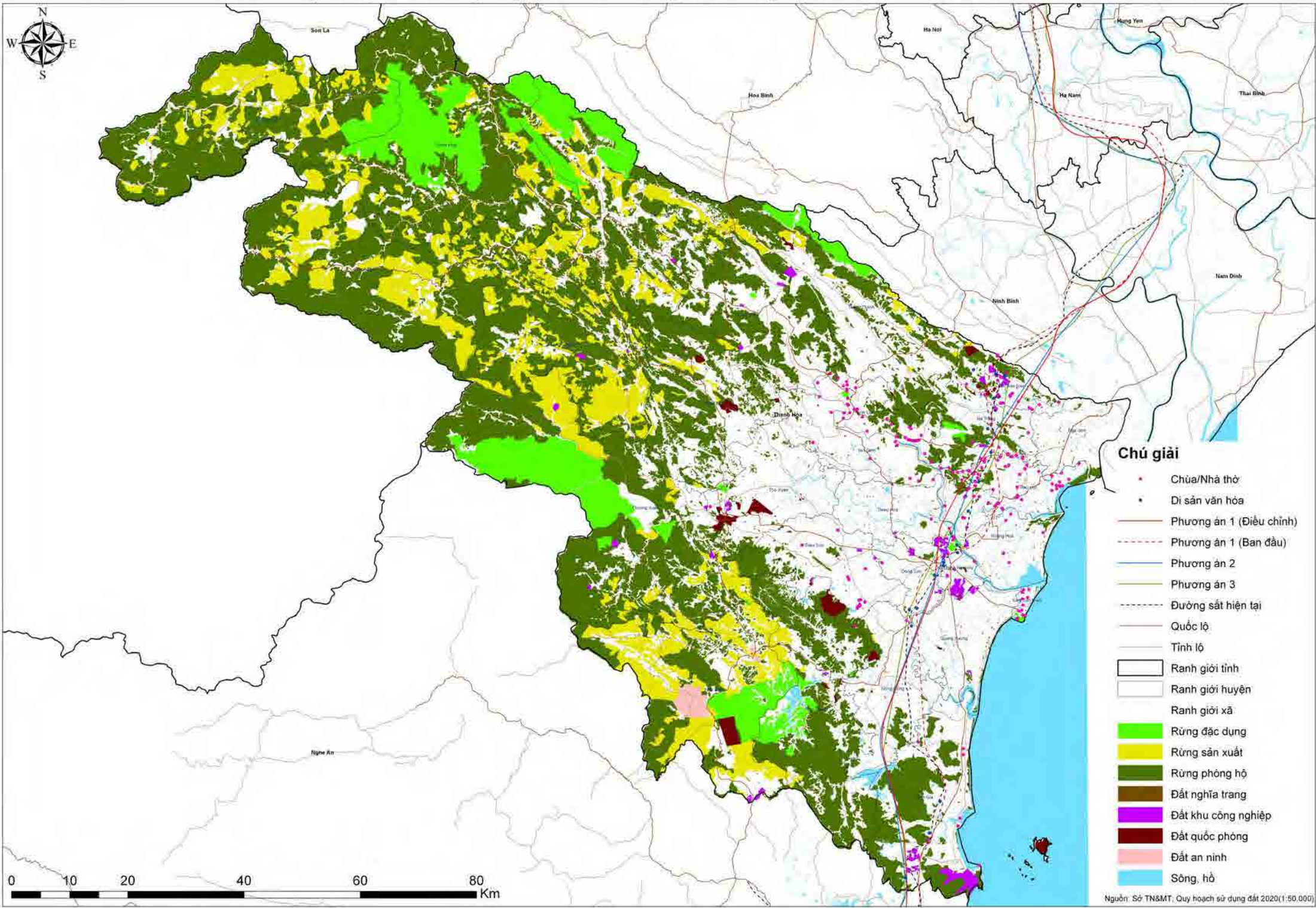
[05.13] - Khu vực phát triển - Tỉnh Thanh Hóa



[05.15] - Khu vực chim quan trọng và khu vực chim đặc hữu - Tỉnh Thanh Hóa



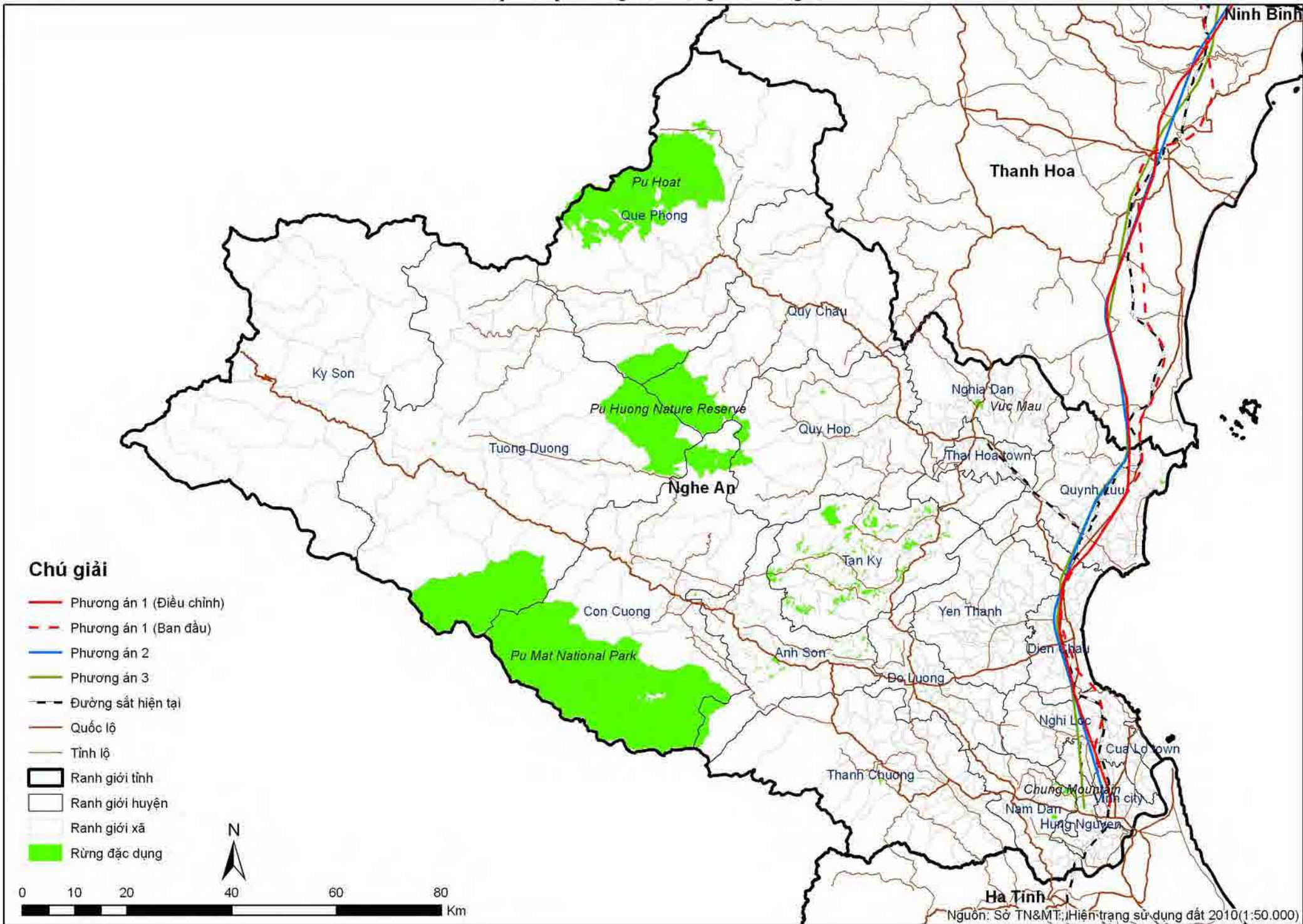
[05.16] - Bản đồ độ nhạy cảm môi trường và hướng tuyến - Tỉnh Thanh Hóa

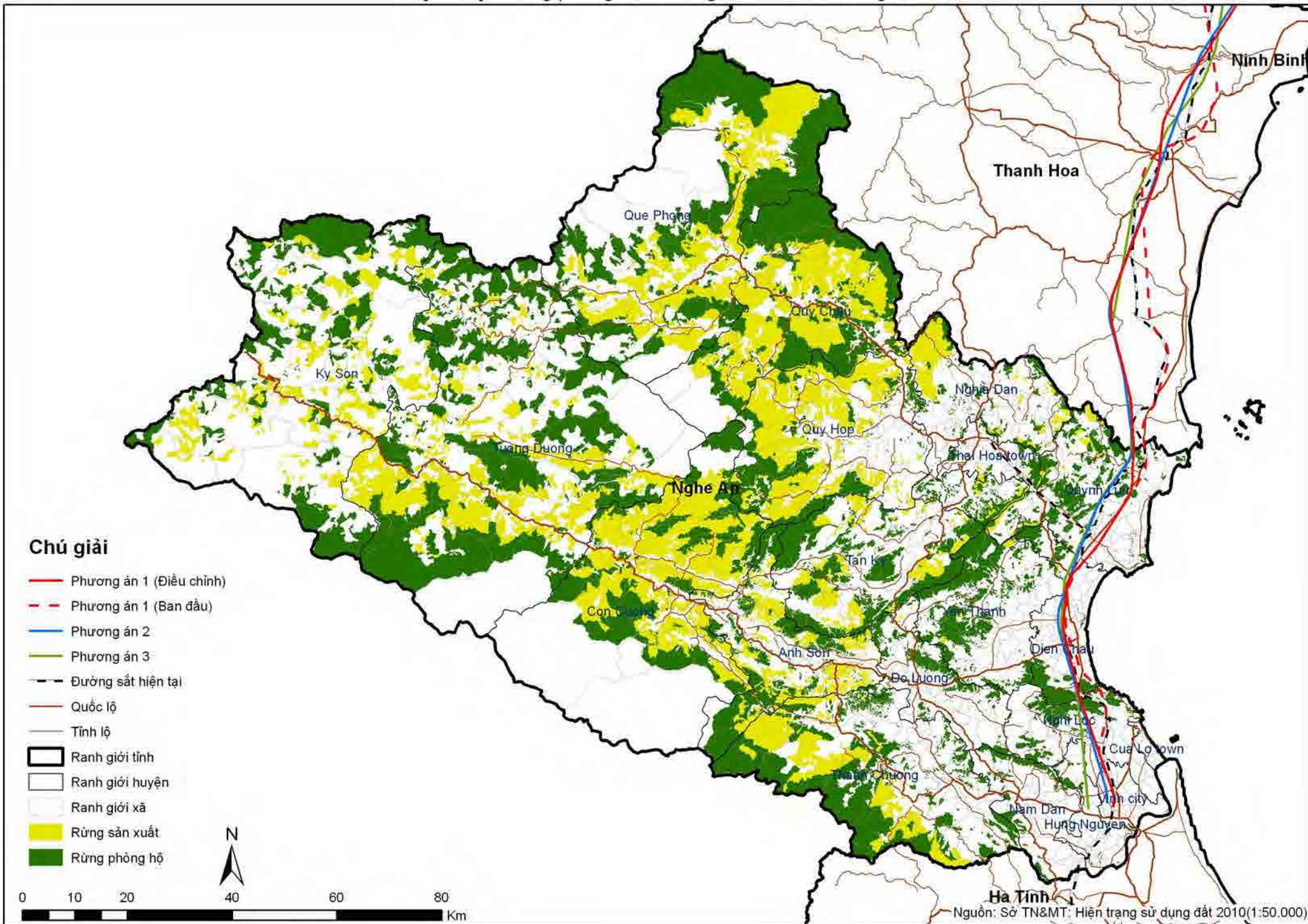


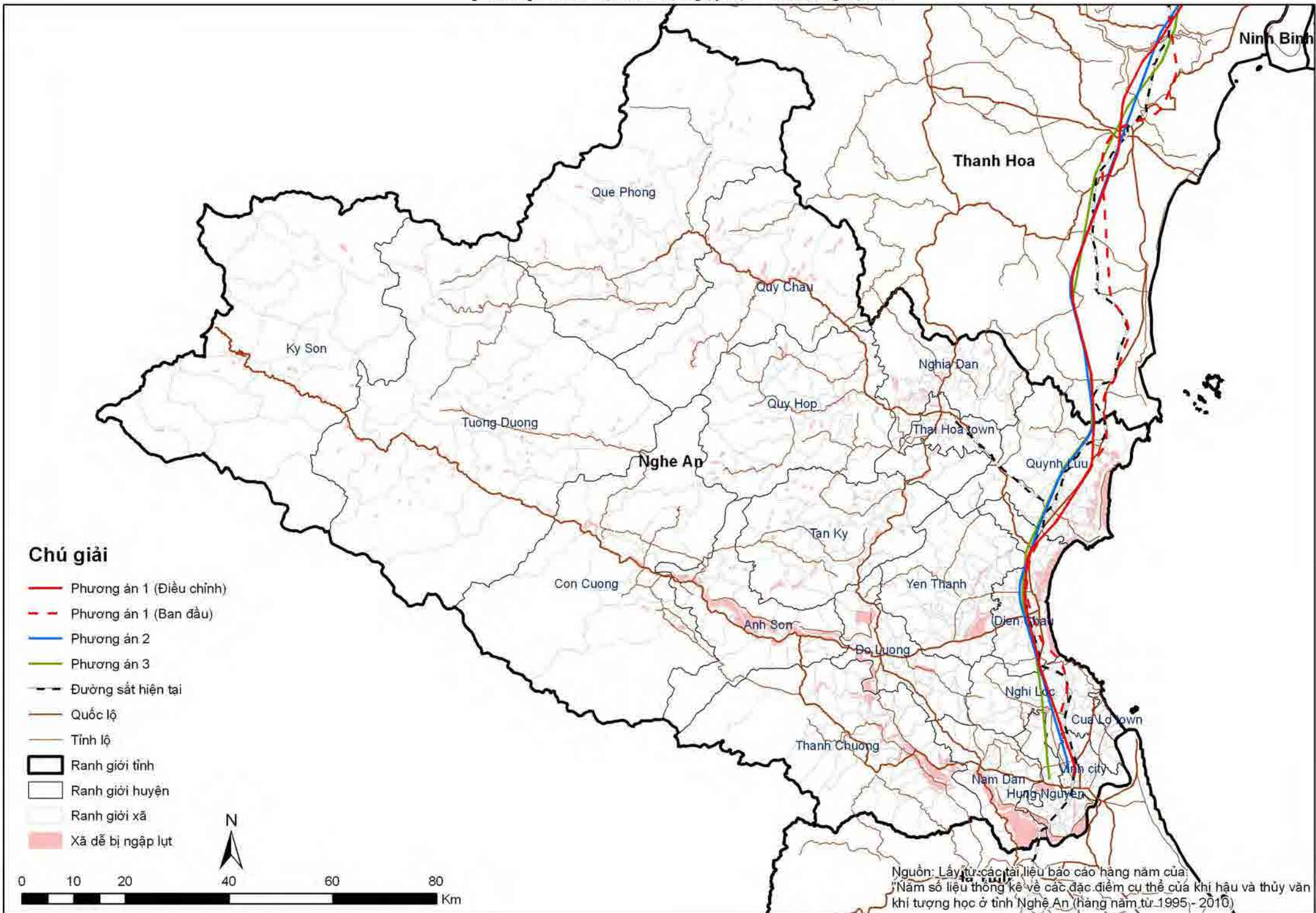
TỈNH NGHỆ AN

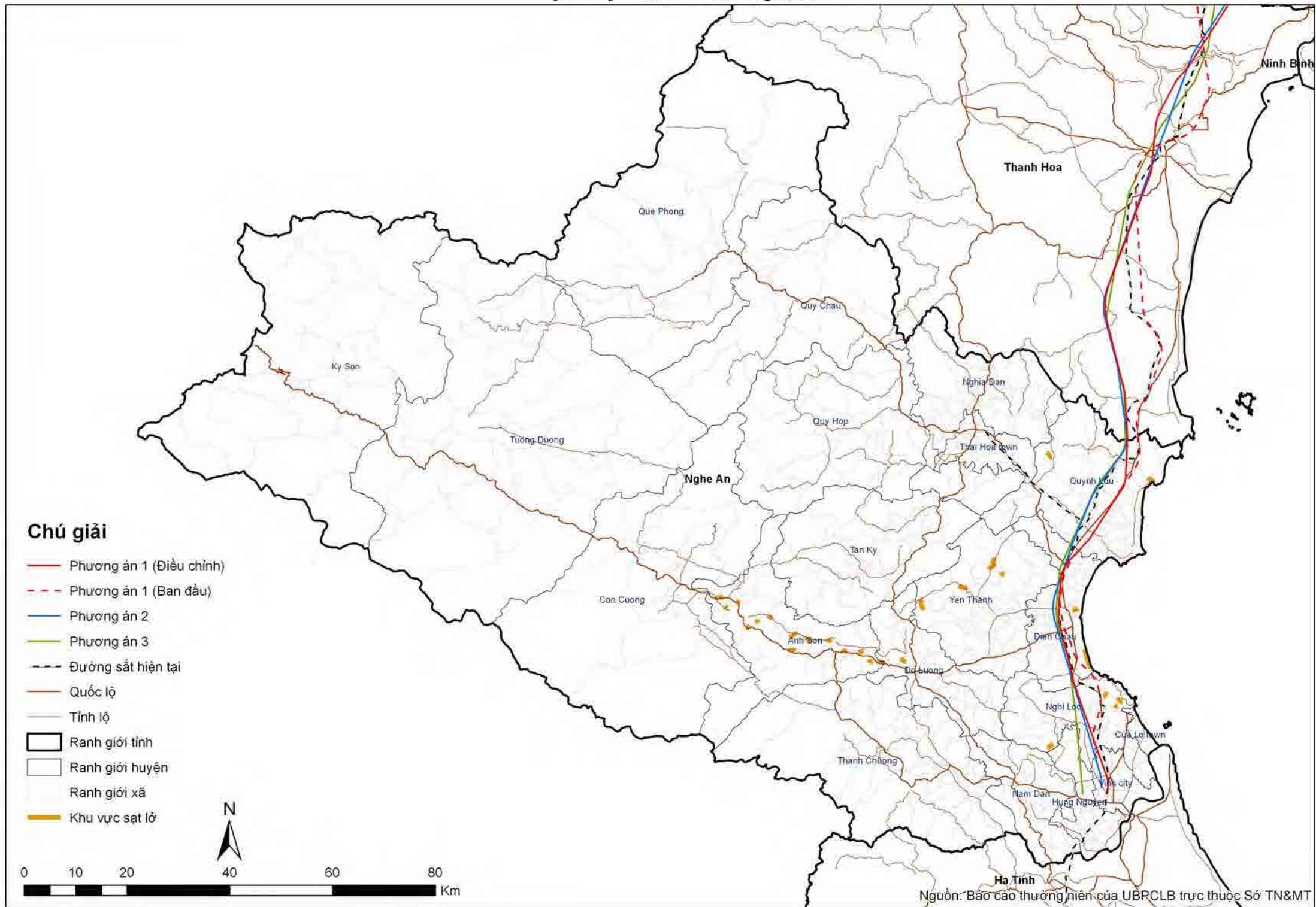
06.01	Rừng đặc dụng
06.02	Rừng phòng hộ và rừng sản xuất
06.02_2	Sự phân bố rừng
06.03	Lũ lụt
06.04	Sạt lở đất
06.07	Dân tộc thiểu số
06.07_2	Mật độ dân tộc thiểu số
06.08	Mật độ dân số
06.09	Khu công nghiệp
06.10	Nghĩa trang
06.11	Chùa/Nhà thờ
06.12	Khu vực quân sự
06.13	Khu vực phát triển
06.15	Khu vực chim quan trọng và khu vực chim đặc hữu
06.16	Bản đồ nhạy cảm môi trường chồng xếp

* Các số để trống có nghĩa là không có dữ liệu để lập bản đồ.



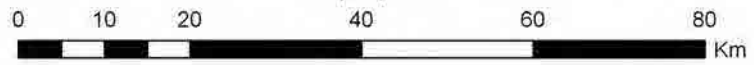


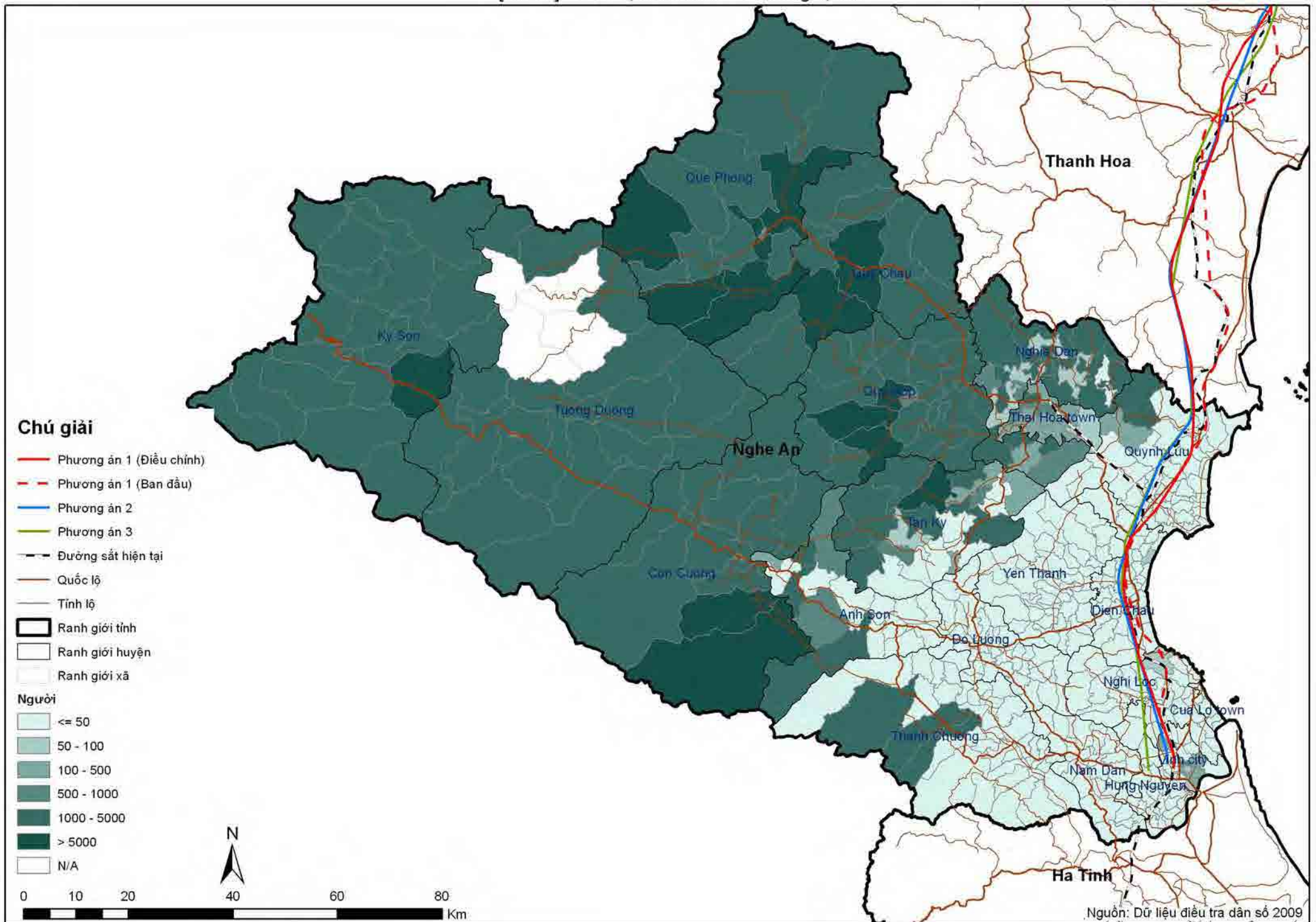


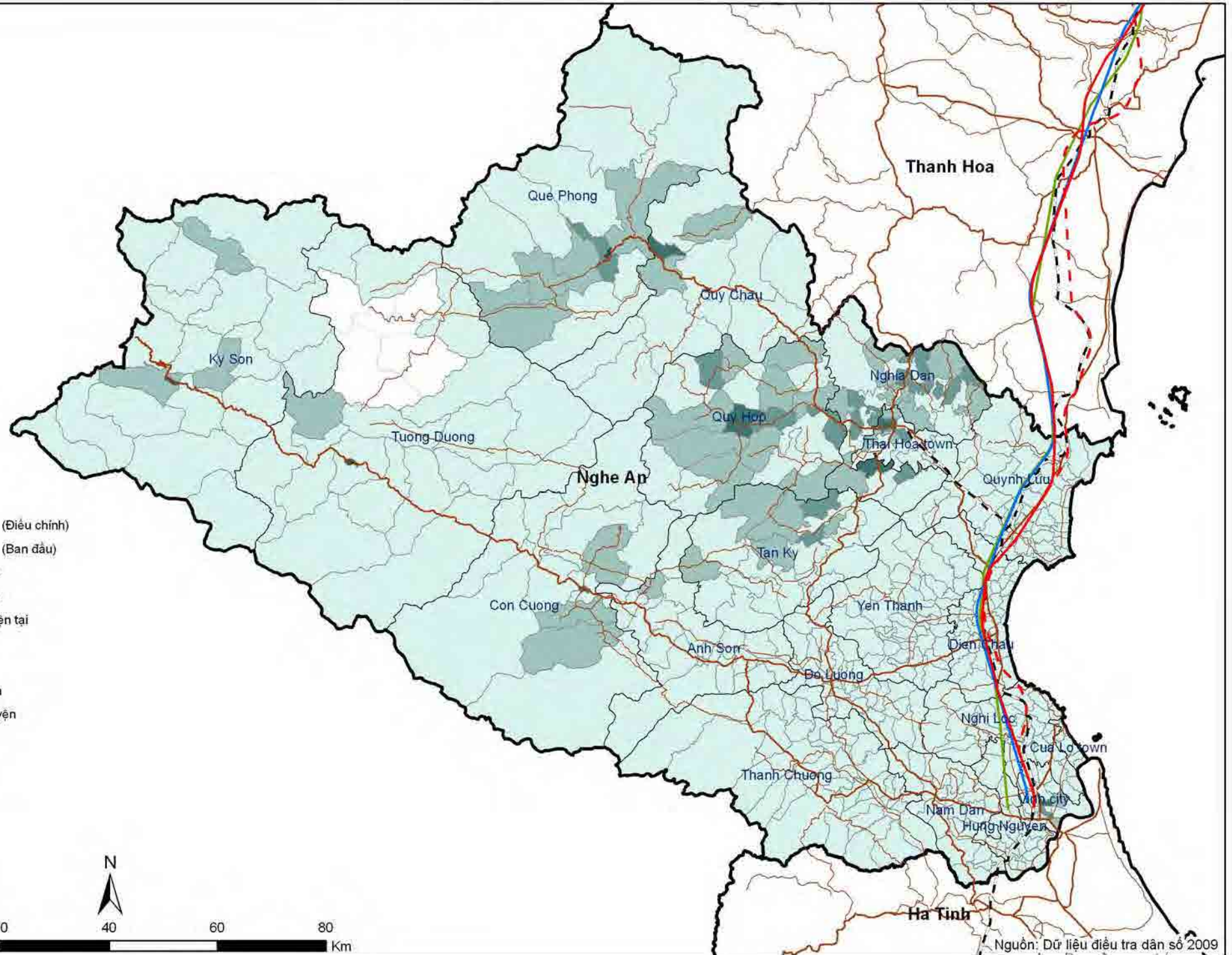


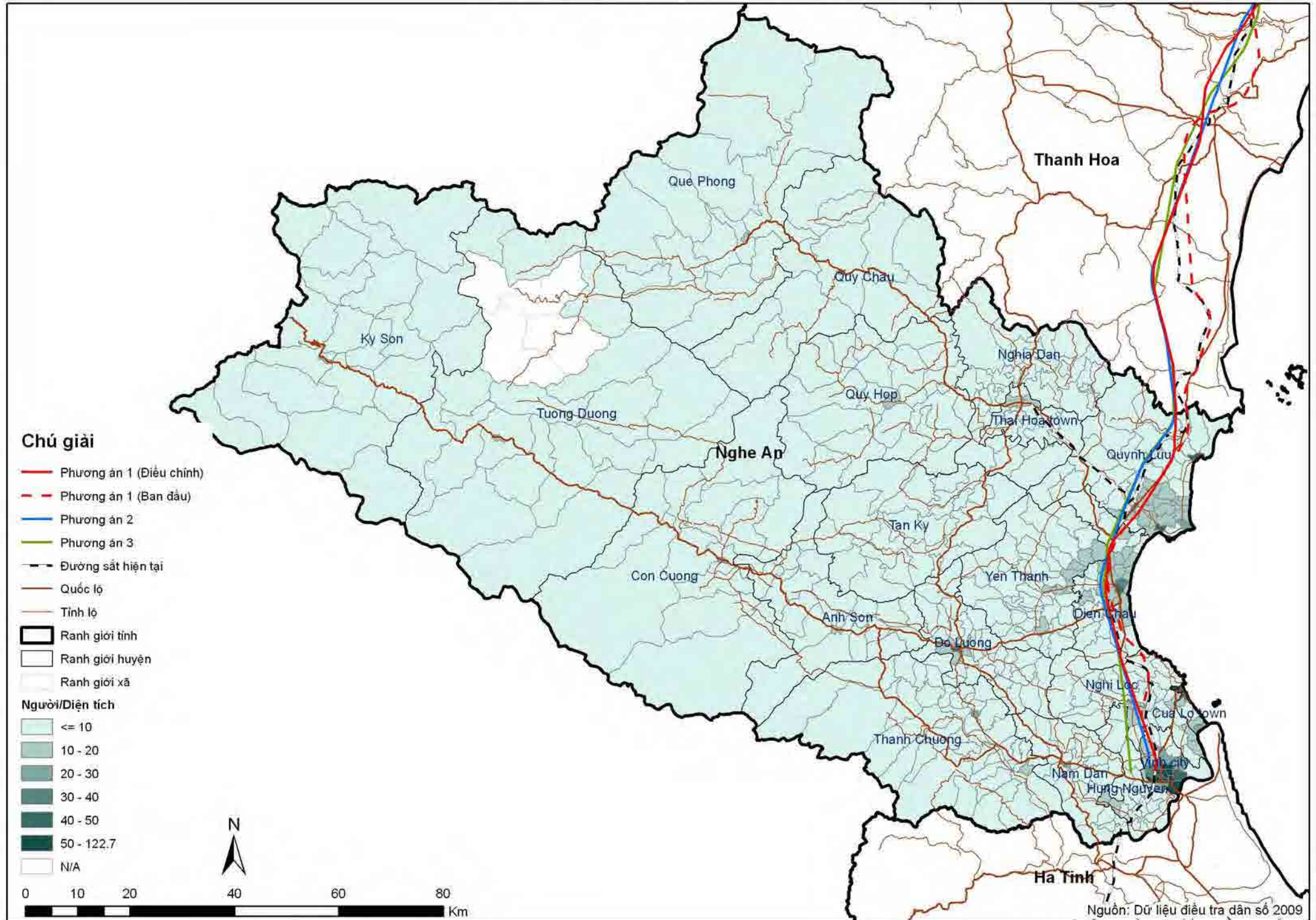
Chú giải

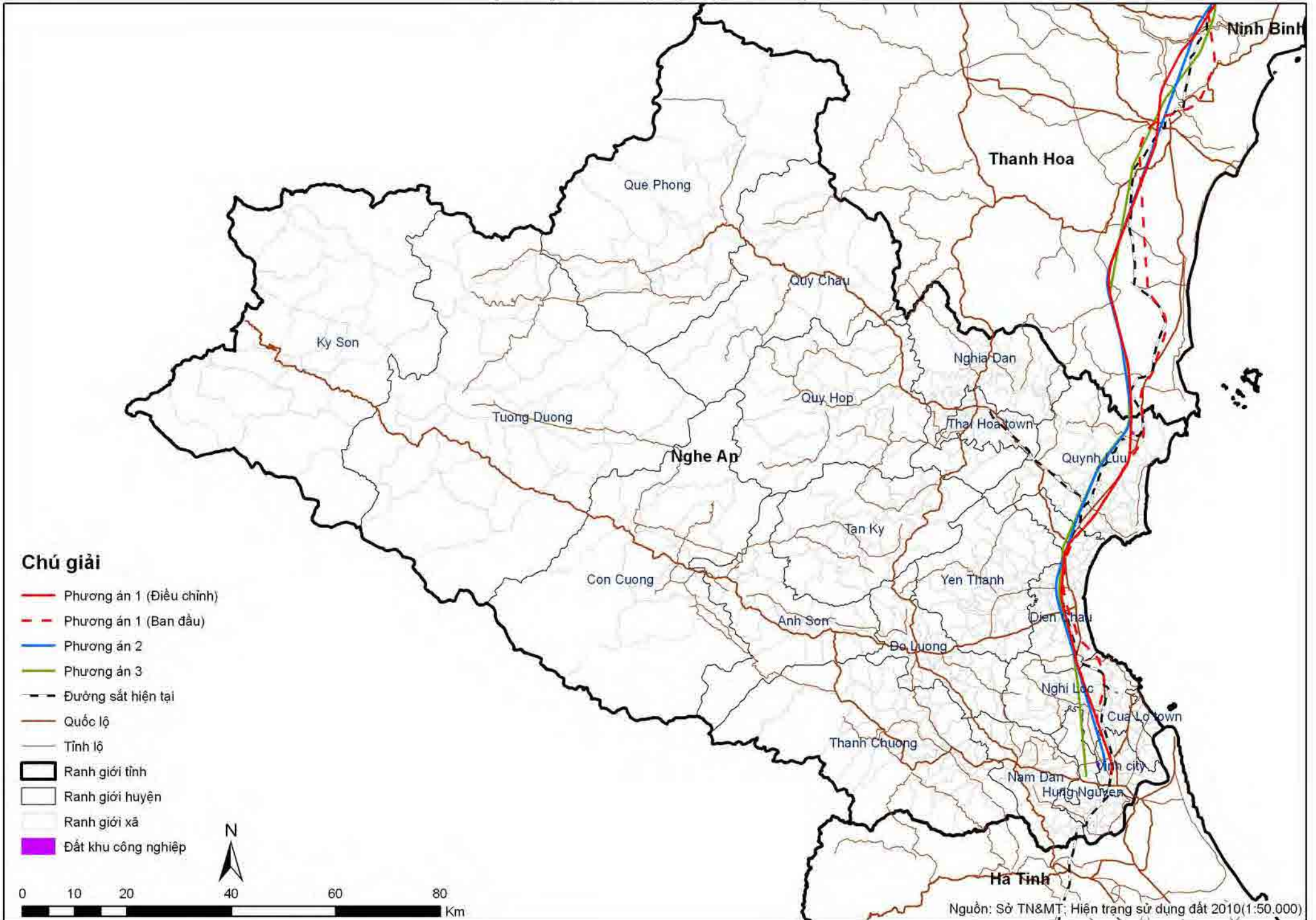
- Phương án 1 (Điêu chỉnh)
- - - Phương án 1 (Ban đầu)
- Phương án 2
- Phương án 3
- - - Đường sắt hiện tại
- Quốc lộ
- Tỉnh lộ
- ▭ Ranh giới tỉnh
- ▭ Ranh giới huyện
- ▭ Ranh giới xã
- Khu vực sạt lở

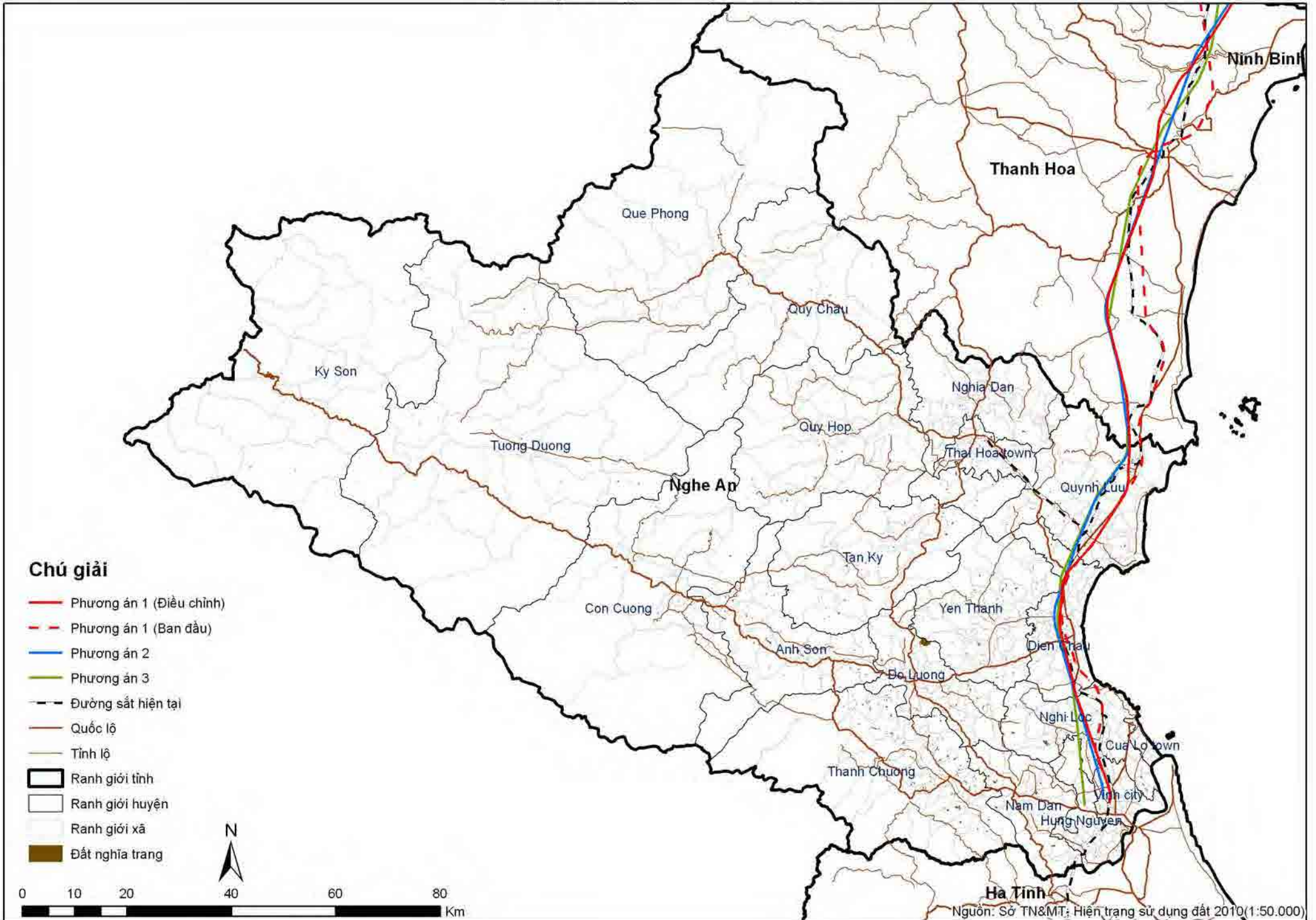


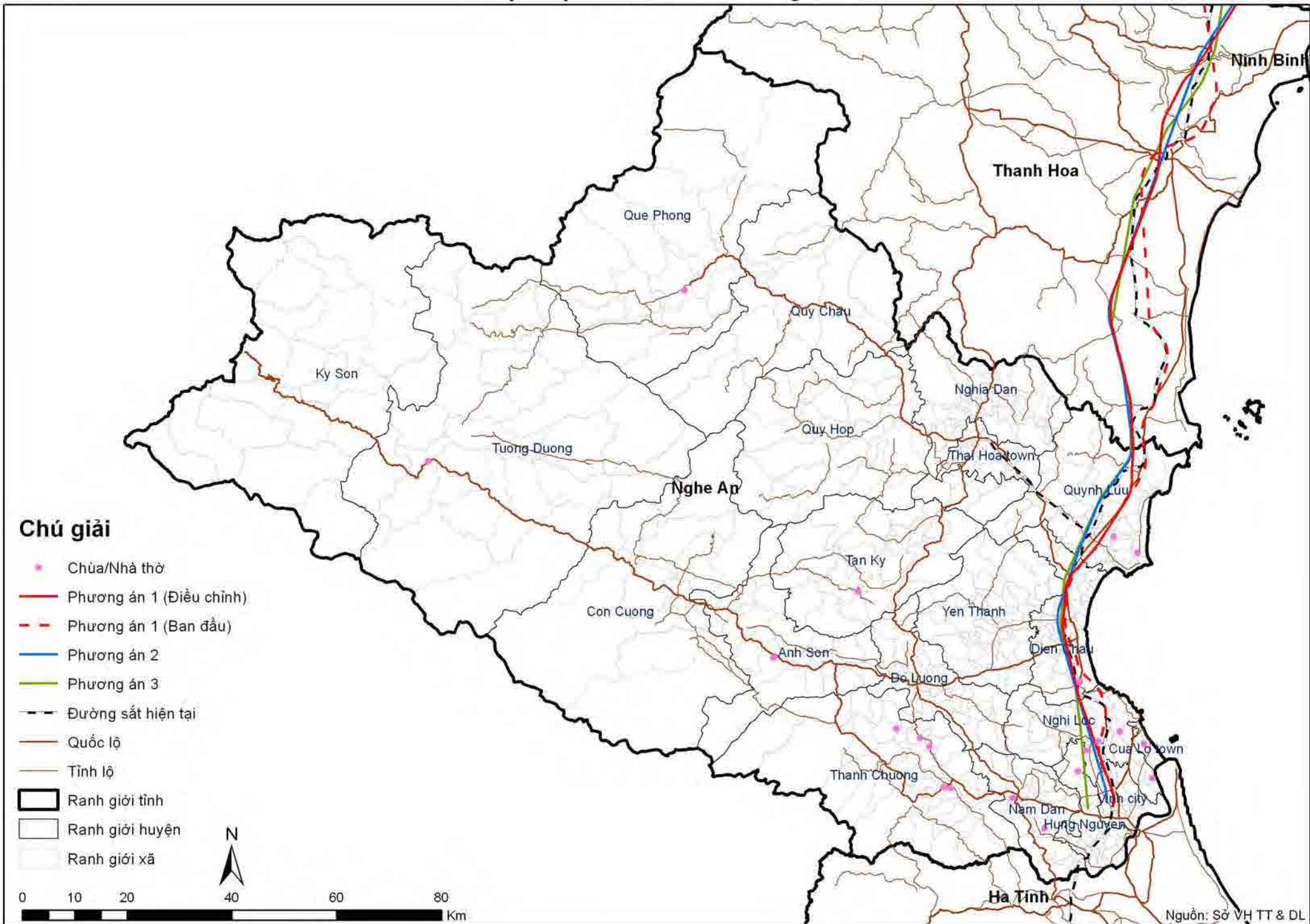


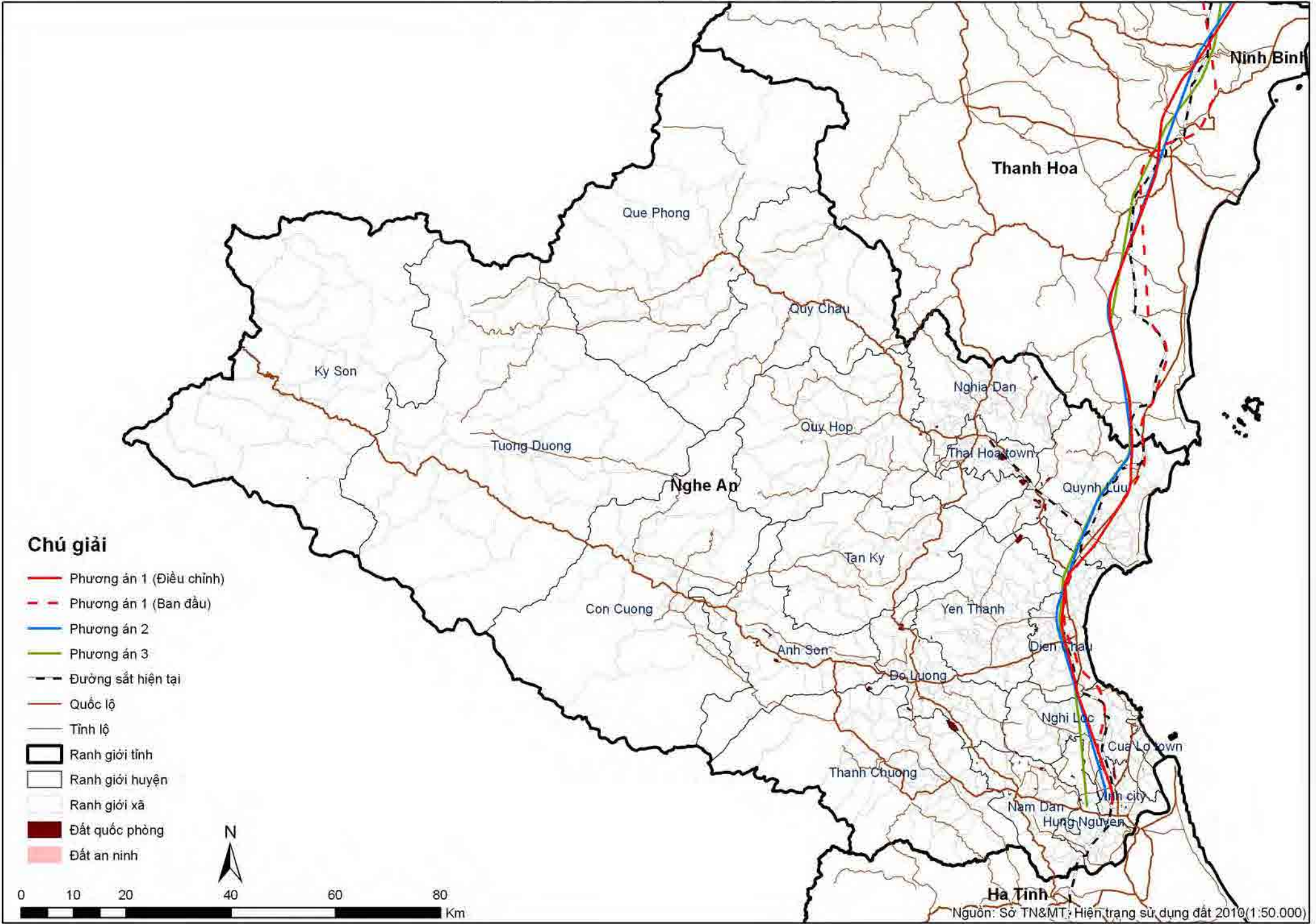












Chú giải

- Phương án 1 (Điêu chỉnh)
- - - Phương án 1 (Ban đầu)
- Phương án 2
- Phương án 3
- - - Đường sắt hiện tại
- Quốc lộ
- Tỉnh lộ
- Ranh giới tỉnh
- Ranh giới huyện
- Ranh giới xã
- Đất quốc phòng
- Đất an ninh

